MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
I	**Các báo cáo, tham luận trình bày tại Hội nghị**	
1	Báo cáo một số công việc trọng tâm về công tác phương pháp chế độ thống kê và triển khai năm gốc so sánh năm 2020	1
2	Tham luận tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê của Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng	5
3	Tham luận các giải pháp nâng cao năng lực của Cục Thống kê tỉnh Bình Dương	11
4	Tham luận kinh nghiệm trong công tác tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê của Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	17
5	Báo cáo đánh giá chất lượng thống kê theo bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020	22
6	Tham luận các giải pháp nâng cao năng lực của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng	73
II	**Các báo cáo, tham luận không trình bày tại Hội nghị**	
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	77
8	Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra thống kê và chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành	91
9	Xây dựng năng lực của hệ thống thống kê trên cơ sở nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin từ việc triển khai Đề án 501	97
10	Kết quả bước đầu thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát và kế hoạch triển khai năm 2020	104
11	Một số nội dung về công tác cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	108
12	Một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng phân tích và dự báo thống kê	113

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6-7 tháng 1 năm 2020

PHẦN I: CÁC BÁO CÁO, THAM LUẬN TRÌNH BÀY TẠI HỘI NGHỊ

BÁO CÁO
Một số công việc trọng tâm về công tác phương pháp chế độ thống kê và triển khai năm gốc so sánh năm 2020

Năm 2019 với sự chủ động của ngành Thống kê, công tác xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý về hoạt động thống kê đã đạt được những kết quả tích cực, bảo đảm về tiến độ và chất lượng. Qua đó, công tác phương pháp chế độ thống kê đã được thể chế, cải tiến và hoàn thiện; phương pháp thống kê mới được ứng dụng nhằm nâng cao chất lượng của các sản phẩm thống kê. Báo cáo này tập trung vào một số công việc trọng tâm về công tác phương pháp chế độ thống kê và triển khai năm gốc so sánh 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Một số kết quả đạt được

Công tác phương pháp chế độ thống kê luôn được coi là công tác quan trọng của ngành Thống kê. Năm 2019 công tác phương pháp chế độ thống kê đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, thể hiện cụ thể như sau:

1.1. Nội dung về phương pháp chế độ thống kê đã được thể chế, pháp lý hóa là cơ sở quan trọng cho hoạt động thống kê.

Công tác xây dựng, hoàn thiện môi trường pháp lý về hoạt động thống kê đã đạt được những kết quả tích cực, bảo đảm về tiến độ và chất lượng. Năm 2019, Tổng cục Thống kê đã trình Bộ trưởng ban hành các văn bản pháp lý quan trọng về công tác phương pháp chế độ thống kê:

a) Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT ngày 04/01/2019 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê.

b) Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định về Bộ chỉ tiêu thống kê về phát triển bền vững của Việt Nam.

c) Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 30/7/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia.

d) Thông tư số 13/2019/TT-BKHĐT ngày 31/12/2019 quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

Bên cạnh đó Tổng cục Thống kê đang tiếp tục triển khai biên soạn và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư một số Thông tư quan trọng để hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê trong những năm tới như: Thông tư về khu vực thể chế Việt Nam.

1.2. Nghiên cứu, áp dụng các phương pháp luận mới, các hình thức thu thập thông tin mới.

a) Phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu áp dụng khái niệm mới về lao động việc làm theo khuyến nghị của ILO trong Điều tra lao động việc làm 2019 và các năm tiếp theo để tiến tới biên soạn các chỉ tiêu lao động việc làm theo khái niệm mới tại Việt Nam.

b) Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp mới trong các cuộc điều tra, tổng điều tra.

c) Nghiên cứu, cải tiến nhiều phương án điều tra như phương án điều tra giá tiêu dùng thời kỳ 2020 - 2025, các phương án điều tra trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản...

1.3. Xây dựng Khung chỉ tiêu giám sát, đánh giá quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020. Tổng cục Thống kê đã biên soạn tài liệu hướng dẫn Bộ, ngành xây dựng Khung chỉ tiêu giám sát, đánh giá việc thực hiện các đề án, chương trình của Bộ, ngành được Chính phủ giao thực hiện trong Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020. Hiện nay Tổng cục đang hoàn thiện tài liệu trên cơ sở ý kiến góp ý của Bộ, ngành.

1.4. Ban hành Kế hoạch điều tra đối với các cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia năm 2020. Công tác thẩm định Dự thảo Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê và phương án điều tra của các Bộ, ngành, địa phương được thực hiện thường xuyên theo đúng quy định của Luật Thống kê.

1.5. Ngoài ra, Tổng cục Thống kê luôn cập nhật, áp dụng các bảng phân loại cho hoạt động thống kê như: Cập nhật và thông báo danh mục các đơn vị hành chính; xây dựng danh mục nghề nghiệp...

2. Một số công việc trọng tâm về công tác phương pháp chế độ thống kê năm 2020

2.1. Tập trung xây dựng các văn bản pháp lý của ngành về công tác phương pháp chế độ, cụ thể:

a) Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành khung chỉ tiêu giám sát, đánh giá quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2016-2020.

b) Xây dựng các tiêu chuẩn thống kê để thực hiện Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

c) Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định về khu vực thể chế Việt Nam.

d) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành bảng phân loại nghề nghiệp, bảng danh mục dịch vụ xuất nhập khẩu.

e) Sửa đổi và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

2.2. Triển khai thực hiện Thông tư số 13/2019/TT-BKHĐT ngày 31/12/2019 quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh

a) Hoàn thiện hệ thống chỉ số giá

Thực tiễn biên soạn các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh đã chỉ ra những hạn chế, bất cập của hệ thống chỉ số giá như:

- Khi xây dựng hệ thống chỉ số giá sản xuất cho các ngành/sản phẩm, chưa có quyền số theo sản phẩm chi tiết đến ngành cấp 3.

- Việc sử dụng chỉ số giá tiêu dùng năm báo cáo so với năm gốc 2010 của nhóm vật liệu xây dựng nhiều khi không phản ánh sát thực tế tình hình biến động của ngành xây dựng.

- Việc áp dụng chỉ số giá theo vùng không bảo đảm tính đại diện và tính chính xác cho tất cả các tỉnh, thành phố.

- Tính chỉ số giá cước vận tải kho bãi theo ngành đường và cho từng vùng. Tuy nhiên một số vùng vẫn còn thiếu chỉ số giá theo ngành đường như: Vận tải đường sắt, vận tải ven biển và viễn dương.

- Chỉ số giá sản xuất được điều tra và tính toán hàng quý rất hạn chế đối với điều tra công nghiệp tháng khi tính các chỉ tiêu thống kê công nghiệp hàng tháng phải sử dụng chỉ số giá sản xuất.

- Một số ngành, sản phẩm, dịch vụ mới xuất hiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và cần có thời gian theo dõi tính ổn định để cập nhật vào rổ hàng nên có độ trễ.

Trước thực trạng này, cần phải tiếp tục hoàn thiện đầy đủ hệ thống chỉ số giá theo hướng:

- Thay đổi thời gian cung cấp chỉ số giá để đáp ứng tốt hơn việc cung cấp hệ thống chỉ số giá phục vụ biên soạn các chỉ tiêu giá trị theo giá so sánh.

- Xác định các quyền số chi tiết phục vụ biên soạn chỉ số giá kịp thời vào năm đổi rổ (năm 2020) và các năm có cập nhật quyền số, nhất là quyền số của các ngành công nghiệp và các ngành dịch vụ.

- Bổ sung kỳ công bố "tháng" đối với chỉ số giá bán của người sản xuất công nghiệp.

- Chỉ số giá sản xuất cần được bổ sung, cập nhật danh mục ngành, sản phẩm, mặt hàng mới đồng thời có quy định riêng, đặc thù cho các sản phẩm công nghiệp hạch toán toàn ngành như sản xuất, truyền tải và phân phối điện, khai thác dầu thô…

b) Xác định hệ số chi phí trung gian mới với năm 2020 là năm gốc: Năm 2020 cần cập nhật và xác định hệ số chi phí trung gian mới thông qua cuộc

điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian.

c) Hướng dẫn và biên soạn chỉ tiêu giá trị sản xuất (GTSX) của các ngành, cụ thể:

- Hướng dẫn và thực hiện biên soạn chỉ tiêu GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chi tiết đến ngành cấp 4.

Thực hiện nội dung này, bên cạnh điều tra xác định sản lượng sản phẩm, cần điều tra để thu thập thông tin về doanh thu qua việc xác định đơn giá bình quân của nhóm sản phẩm chính. Khi đó, đơn giá bình quân của nhóm sản phẩm chính được xác định là đơn giá bình quân gia quyền và sẽ phản ánh đầy đủ mặt chất của nhóm sản phẩm.

Để tính GTSX theo giá so sánh và tốc độ tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản cần xây dựng danh mục chỉ số giá nông, lâm nghiệp và thủy sản tương thích với nhóm ngành sản phẩm trong biên soạn GTSX theo giá hiện hành, chi tiết ít nhất đến ngành cấp 4.

- Hướng dẫn và thực hiện biên soạn chỉ tiêu GTSX ngành công nghiệp chi tiết ít nhất đến cấp 4.

- Hướng dẫn và thực hiện việc biên soạn chỉ tiêu GTSX ngành xây dựng.

d) Hướng dẫn và thực hiện chuyển giá trị của các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh theo các gốc 2010 và 2020.

- Hướng dẫn và thực hiện chuyển giá trị của chỉ tiêu từ các năm 2011 đến 2019 theo giá so sánh gốc 2010 về gốc 2020.

- Hướng dẫn và thực hiện chuyển giá trị của các chỉ tiêu từ năm 2021 trở đi theo gốc so sánh 2020 về gốc 2010.

e) Xây dựng và áp dụng Bảng ma trận chuyển đổi từ hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 (VSIC2007) sang hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2018 (VSIC2018) và ngược lại.

2.3. Tiếp tục triển khai các công việc khác

a) Tiếp tục nghiên cứu cải tiến phương án điều tra, nghiên cứu và ứng dụng phương pháp thống kê mới; thực hiện dự án do cơ quan Thống kê Nhật Bản hỗ trợ kỹ thuật, tiếp nhận hệ thống điều tra trực tuyến. Phối hợp với Tổng cục Thuế ban hành quy định vận hành hệ thống cầu nối dữ liệu thuế, tiếp tục vận hành hệ thống để nhận, gửi dữ liệu giữa hai cơ quan.

b) Theo dõi và hướng dẫn triển khai Luật Thống kê; thẩm định, góp ý và trả lời công văn thuộc các lĩnh vực phương pháp chế độ khi có yêu cầu./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê của Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng

Với mục tiêu đẩy mạnh Công nghệ thông tin - Truyền thông (viết gọn là CNTT - TT) trong công tác Thống kê nhằm nâng cao chất lượng thông tin Thống kê, phát triển bền vững hoạt động Thống kê, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong việc đánh giá tình hình, hoạch định chiến lược, xây dựng các kế hoạch, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Trong thời gian qua, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã tích cực triển khai ứng dụng CNTT - TT vào các công đoạn của quá trình hoạt động thống kê. Cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Về cơ sở vật chất

Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng hiện có 94 máy vi tính, trong đó có 1 máy chủ, 7 máy Laptop, 86 máy trạm và một số thiết bị mạng khác như Switch, Router, Hub… trên tổng số công chức và người lao động (viết gọn là công chức) toàn Cục Thống kê là 87 người, bình quân 1 người/1 máy. Tổng số máy có cấu hình Pentium IV trở lên là 94 máy, đạt tỷ lệ 100%; trong đó có 83 máy trạm và Laptop có cấu hình Core I3 trở lên, chiếm 97%. Toàn ngành có 05 máy in mạng tại Cơ quan cục và 21 máy in tại 12 Chi cục Thống kê cấp huyện.

Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng hiện có 1 máy chủ được Tổng cục Thống kê trang bị năm 2013, đồng thời cũng trang bị 1 số thiết bị mạng như: thiết bị định tuyến, thiết bị tường lửa, thiết bị tối ưu hóa đường truyền, thiết bị chuyển mạch, thiết bị phát sóng không dây. Các máy trạm tại cơ quan Cục được kết nối với máy chủ bằng 2 hub với tổng số 48 cổng và các switch tại một số phòng ở cơ quan Cục.

Tại cơ quan Cục có 27 máy trạm được cài đặt hệ điều hành Windows 7, Windows 8 và Windows 10, được kết nối mạng LAN và được join domain với máy chủ bằng hệ điều hành Windows Server 2012 đã được nâng cấp Read Only Domain Controller (RODC).

Hệ thống máy tính tại cơ quan Cục được kết nối Internet qua đường truyền cáp quang với tốc độ 55Mbps, tại Chi cục Thống kê các huyện, thành phố tiếp tục duy trì kết nối Internet qua đường truyền ADSL, đảm bảo thường xuyên trao đổi thông tin giữa 3 cấp: Trung ương - Tỉnh - Huyện qua các hộp thư điện tử và qua trang Web thi đua của Tổng cục Thống kê, trang Web thi đua của Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng còn sử dụng 5 thiết bị kết nối Wifi Access Point phủ sóng cho 3 tầng trụ sở làm việc của cơ quan Cục nhằm thuận lợi cho việc kết nối Internet phục vụ cho hội nghị, công tác tập huấn nghiệp vụ...

2. Năng lực về công nghệ thông tin của công chức

Hiện nay, toàn bộ công chức Cục Thống kê đều có thể sử dụng máy vi tính để phục vụ cho công tác chuyên môn của mình. Trong đó hầu hết công chức có trình độ cơ bản, biết sử dụng thành thạo các phần mềm về soạn thảo văn bản MS Word, xử lý bảng tính Excel, cũng như các chương trình phần mềm xử lý điều tra và báo cáo do ngành cung cấp. Ngoài ra, công chức trong toàn ngành cũng sử dụng tương đối thành thạo trình duyệt Web và thư điện tử, phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Hầu hết công chức đều sử dụng được phần mềm Power Point nên tất cả các lớp tập huấn nghiệp vụ, hội thảo, đào tạo đều sử dụng giáo án điện tử nên chất lượng ngày càng nâng cao.

Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng hiện có 02 công chức kiêm nhiệm về CNTT, có khả năng lập trình, quản lý và quản trị mạng, xử lý được các thiết bị tin học và được giao nhiệm vụ quản lý hệ thống máy móc chung của toàn ngành.

Những sự cố về phần mềm máy tính như trục trặc về các chương trình chuyên ngành, nhiễm Virus máy tính… đều được công chức CNTT của ngành xử lý. Việc hỗ trợ xử lý sự cố về công nghệ thông tin trong ngành được thực hiện qua 2 hình thức: xử lý trực tiếp đối với hệ thống máy vi tính tại cơ quan Cục; thông qua việc sử dụng các phần mềm điều khiển từ xa TeamViewer, UltraViewer đối với các máy vi tính tại các Chi cục Thống kê cấp huyện.

II. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ

Việc ứng dụng công nghệ thông tin được Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng đặc biệt quan tâm. Ngay từ đầu năm, Cục đã xây dựng kế hoạch, chú trọng đến việc xây dựng các chương trình, phần mềm phục vụ công tác chuyên môn của ngành. Cụ thể trong các công đoạn của quá trình hoạt động như sau:

1. Công tác chuẩn bị thu thập thông tin

Thực hiện việc chọn mẫu các cuộc điều tra thường xuyên trong năm trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, vốn đầu tư, thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải theo đúng phương án thông qua các phần mềm được xây dựng bởi các Trung tâm Tin học trực thuộc Tổng cục.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát và đối chiếu danh sách doanh nghiệp giữa 3 cơ quan Cục Thống kê, Cục Thuế và Sở Kế hoạch và Đầu tư để sàng lọc những doanh nghiệp trùng hoặc giải thể trong quá trình lập danh sách doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra trong Tổng điều tra cơ sở kinh tế cũng như các cuộc điều tra doanh nghiệp hàng năm.

2. Công tác thu thập thông tin

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông minh (CAPI) trong việc thu thập thông tin một số cuộc điều tra Thống kê như Điều tra giá tiêu dùng, điều tra Lao động việc làm hàng tháng, điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng với 100% địa bàn điều tra CAPI.

Trong năm 2019, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng cũng triển khai thực hiện công tác Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 từ khâu tập huấn, cập nhật bảng kê vào phần mềm, hoàn thiện công tác điều tra với tiến độ điều tra và công tác nghiệm thu đảm bảo theo đúng phương án của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương.

3. Công tác xử lý, tổng hợp số liệu

Công tác xử lý, tổng hợp số liệu được thực hiện bởi các phòng thống kê nghiệp vụ, thông qua việc thực hiện tốt các phần mềm được viết trên môi trường mạng cũng như các phần mềm offline được cài đặt trực tiếp trên máy trạm như "Hệ thống thu thập thông tin điều tra vốn đầu tư quý và năm", phần mềm "Điều tra hoạt động xây dựng", phần mềm "Hệ thống xử lý cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể 2019", các phần mềm được điều tra theo công nghệ CAPI như điều tra giá tiêu dùng, điều tra Lao động việc làm hàng tháng, phần mềm điều tra Chăn nuôi; phần mềm điều tra Lâm nghiệp đặc biệt là Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019…; phần mềm điều tra giá tiêu dùng năm 2014; phần mềm giá nguyên nhiên vật liệu năm 2014; phần mềm giá sản xuất hàng hóa công nghiệp PPI năm 2015; phần mềm giá sản xuất dịch vụ SPPI năm 2015; phần mềm giá nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2015; phần mềm chỉ số sản xuất công nghiệp IIP; phần mềm điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp; phần mềm Điều tra Năng suất sản lượng cây lúa; phần mềm Điều tra thủy sản; phần mềm điều tra Công nghiệp tháng; phần mềm Điều tra doanh nghiệp năm 2019; chương trình khảo sát mức sống dân cư năm 2019... Đảm bảo việc sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành cũng như công tác nhập tin chính xác, kịp thời, kiểm tra kết quả tổng hợp số liệu sau mỗi cuộc điều tra.

Ngoài ra Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng cũng đã xây dựng một số phần mềm phục vụ địa phương như phần mềm xử lý điều tra công nghiệp tháng áp dụng cho cấp huyện, phần mềm "Báo cáo thống kê cấp huyện, xã" tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi báo cáo theo hệ thống chỉ tiêu Thống kê cấp huyện, cấp xã của các phòng ban cấp huyện, UBND cấp xã về cho Chi cục Thống kê cấp huyện; phục vụ cho việc thu thập, truy xuất và tổng hợp báo cáo của Chi cục Thống kê cấp huyện được thuận lợi hơn.

Thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, ngành Thống kê Lâm Đồng cũng đã thực hiện một số đề tài như sáng kiến "Xây dựng phần mềm nhúng Excel trong Word của Niên giám Thống kê cấp tỉnh, cấp huyện" để phục vụ cho công tác chế bản Niên Giám thống kê hàng năm, sáng kiến "Tạo báo cáo kiểm tra bất thường trong báo cáo tháng, 6 tháng, quý, năm" nhằm nâng cao tính chính xác trong việc đọc và kiểm tra số liệu trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm cấp huyện.

Việc nhập tin một số cuộc điều tra như điều tra doanh nghiệp, điều tra cá thể, khảo sát Mức sống hộ dân cư được giao cho công chức tại các phòng không tham gia điều tra như Phòng Thống kê Tổng Hợp, Phòng Thanh tra Thống kê và Phòng Tổ chức - Hành chính nhằm kiểm tra chéo với kết quả

đọc phiếu của các phòng Thống kê nghiệp vụ giúp cho việc nâng cao trách nhiệm đọc kiểm tra phiếu của công chức tại các phòng Thống kê nghiệp vụ.

4. Công bố và phổ biến thông tin

Để thực hiện hiện đại hóa hoạt động phổ biến thông tin Thống kê, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng không ngừng hoàn thiện và đổi mới Trang web của Cục Thống kê từng bước trở thành kênh phổ biến thông tin thường xuyên của ngành Thống kê Lâm Đồng; đồng thời từng bước tin học hóa quy trình tổng hợp, phổ biến báo cáo kinh tế - xã hội hàng tháng, Niên giám thống kê và một số sản phẩm thông tin chủ yếu khác thông qua việc ứng dụng hình ảnh hóa dữ liệu Thống kê.

Bên cạnh trang thông tin điện tử, Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng cũng xây dựng phần mềm tra cứu thông tin về kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng. Đây là giải pháp giúp cho các đối tượng dùng tin tra cứu thông tin kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng một cách dễ dàng, thuận tiện trên môi trường web. Đây cũng được xem như một công cụ "google" thu nhỏ dùng trong lĩnh vực thông tin kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng. Nội dung trang web cập nhật đầy đủ các thông tin thống kê tổng hợp và thống kê chuyên ngành. Bên cạnh đó còn có những chỉ tiêu chất lượng, chuyên sâu cần phải tính toán đã được phần mềm tích hợp sẵn như: Các chỉ tiêu tốc độ phát triển, cơ cấu, bình quân… Trang web này ngoài phần cung cấp thông tin miễn phí, còn có chức năng thu phí sẽ được từng bước thử nghiệm.

Ngoài ra Cục thống kê đã xây dựng sáng kiến "Ứng dụng Infographic trong báo cáo kinh tế - xã hội quý, 6 tháng, 9 tháng và năm" nhằm để truyền đạt thông tin, số liệu kinh tế - xã hội bằng hình ảnh một cách hiệu quả nhất đến với người dùng tin… với sản phẩm đầu tay là tờ gấp "Kết quả sơ bộ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở 1/4/2019 tỉnh Lâm Đồng".

5. Công tác khác

- Việc quản lý, quản trị hệ thống mạng tại cơ quan Cục được thực hiện theo quy định của Ngành. Để tạo điều kiện thuận lợi cho công chức trong ngành thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được thuận lợi, máy chủ và các hệ thống mạng được duy trì hoạt động liên tục 24/24 giờ. Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng máy kịp thời khi có sự cố xảy ra; đồng thời thường xuyên cập nhật chương trình diệt virus và xử lý kịp thời các triệu chứng nhiễm virus trên máy tính nên trong thời gian qua đảm bảo được hoạt động của hệ thống mạng máy tính và an toàn dữ liệu.

- Mạng cục bộ tại cơ quan Cục tiếp tục được phát huy và duy trì và hoạt động tốt, việc trao đổi thông tin nội bộ được thực hiện qua hộp thư điện tử của ngành, trang tác nghiệp điều hành để trao đổi thông tin giữa hai cấp Tỉnh và Huyện tương đối kịp thời và hiệu quả. Ngoài ra còn thực hiện trao đổi thông tin với Cục Thống kê các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, góp phần nâng cao chất lượng của công tác thống kê.

- Thường xuyên duy trì tốt hoạt động mạng LAN cho 12/12 Chi cục Thống kê huyện, thành phố và đường truyền tốc độ cao ở các cấp giúp công

chức Thống kê cấp huyện truyền tin giữa tất cả các Chi cục Thống kê cấp huyện và cơ quan Cục qua hộp thư điện tử.

- Việc quản lý, quản trị trang thiết bị CNTT luôn được lãnh đạo Cục quan tâm đúng mức. Nhằm hạn chế hư hỏng máy cũng như giúp cho việc tăng tuổi thọ cho các thiết bị CNTT, toàn thể công chức trong ngành đều được hướng dẫn quy trình sử dụng máy vi tính, không sử dụng máy tính khi nguồn điện không ổn định; trang bị bộ lưu điện UPS cho một số Chi cục có nguồn điện lưới không ổn định như Chi cục Thống kê Thành phố Đà Lạt, Chi cục Thống kê huyện Cát Tiên… Hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng được trang bị theo gói thầu GSO5-2 của Tổng cục Thống kê được vận hành thông qua bộ lưu điện UPS UPSelec 3kVA.

- Hiện nay hầu hết công chức đã có hộp thư điện tử riêng, trực tiếp thực hiện truyền tin các báo cáo và điều tra chuyên ngành về Tổng cục Thống kê; đồng thời thực hiện việc theo dõi kết quả thực hiện báo cáo, điểm thi đua qua Phần mềm Hệ thống giao kế hoạch công tác và chấm điểm thi đua đối với Cục Thống kê của Tổng cục Thống kê. Tổng số công chức trong toàn ngành được cấp hộp thư điện tử của ngành là 83 người. Ngoài ra ngành cũng đã được cấp 12 nhóm thư điện tử cho 12 Chi cục Thống kê cấp huyện. Việc quản lý hộp thư điện tử chung của Cục được lãnh đạo giao trách nhiệm cho Phòng Tổ chức - Hành chính đảm bảo quy chế sử dụng Internet và quy chế công bố thông tin.

- Thực hiện tin học hóa việc theo dõi và chấm điểm thi đua hàng tháng cho Chi cục Thống kê các huyện, thành phố thông qua phần mềm "Gửi báo cáo và chấm điểm thi đua cho cấp huyện" chạy trên môi trường web, được xây dựng từ năm 2014, hiện nay đã đi vào hoạt động ổn định.

III. MỘT SỐ HẠN CHẾ

- Việc chuyển giao một số phần mềm trực tuyến do các Trung tâm tin học Thống kê thực hiện từng bước đã đi vào ổn định. Tuy nhiên việc cập nhật liên tục các phần mềm này vẫn còn diễn ra tương đối thường xuyên gây khó khăn cho việc triển khai đối với các phòng nghiệp vụ và các Chi cục Thống kê cấp huyện.

- Hiện nay, phần mềm Tổng hợp báo cáo chính thức năm 2018 (sử dụng kết quả đầu ra từ các cuộc điều tra Doanh nghiệp 2019 và điều tra Cá thể 2018) không thực hiện được một số biểu báo cáo năm, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Cần nghiên cứu bổ sung chức năng xử lý kết quả khi so sánh giá giữa hai chỉ tiêu chỉ số phát triển công nghiệp với giá trị SX công nghiệp trong phần mềm điều tra Công nghiệp tháng.

- Cần có sự liên kết giữa 2 phần mềm điều tra Xây dựng quý, năm và phần mềm điều tra Vốn đầu tư quý, năm để kiểm tra chéo số liệu giữa 2 lĩnh vực xây dựng và vốn đầu tư được thuận lợi.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị Tổng cục Thống kê quan tâm đầu tư nâng cấp đồng bộ hạ tầng CNTT - TT của các Cục Thống kê nhằm đáp ứng yêu cầu thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích, phổ biến và lưu trữ dữ liệu thống kê của các địa phương.

- Quan tâm công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực làm công tác CNTT - TT cũng như trình độ CNTT của công chức thống kê của các địa phương.

- Đổi mới quy trình xây dựng các phần mềm xử lý điều tra Thống kê của Tổng cục Thống kê sớm về thời gian, đồng thời được thử nghiệm hoàn thiện trước khi đưa vào ứng dụng, để tránh phải cập nhật nhiều lần, khó khăn cho các Cục Thống kê./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
Các giải pháp nâng cao năng lực của Cục Thống kê tỉnh Bình Dương

Thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ), Cục Thống kê tỉnh Bình Dương đã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện việc nâng cao năng lực về hoạt động thống kê tại Cục Thống kê tỉnh Bình Dương như sau:

I. KẾT QUẢ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và cơ chế điều phối các hoạt động thống kê

Sau khi Luật Thống kê được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016. Cục Thống kê đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 08-CT/UBND ngày 03/5/2017 về việc triển khai thực hiện Luật Thống kê năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương; đồng thời ban hành các văn bản có liên quan như: Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 về việc triển khai thi hành Luật Thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Kế hoạch số 1565/KH-UBND ngày 27/4/2017 về việc triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 về việc ban hành biểu mẫu thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh; Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 về việc ban hành biểu mẫu thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện, cấp xã; Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Ứng dụng Công nghệ thông tin-truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo đó, Cục Thống kê đã ban hành kế hoạch, văn bản để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện cũng như tuyên truyền, phổ biến cho toàn thể công chức, người lao động trong cơ quan được biết và thực hiện.

2. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến

Thường xuyên nghiên cứu phương pháp luận thống kê mới theo tài liệu hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

3. Đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin; Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê

- Thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia mới đã được ban hành kèm theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Hàng năm, Cục Thống kê triển khai thực hiện các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê theo chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Tổng cục Thống kê giao. Công tác thu thập thông tin đã từng bước áp dụng công nghệ hiện đại như: nhập tin trực tuyến điều tra: Nông nghiệp, Xây dựng, Vốn đầu tư, Lao động việc làm, Biến động dân số...; đã áp dụng điều tra

CAPI (thay thế hoàn toàn phiếu điều tra giấy bằng phiếu điện tử) trong cuộc điều tra lao động và việc làm, điều tra giá tiêu dùng, thử nghiệm web-form (phiếu điều tra trực tuyến) trong điều tra doanh nghiệp năm 2020; đặc biệt, áp dụng điều tra CAPI trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Từ đó, chất lượng và độ tin cậy về mặt số liệu ngày càng được nâng cao, đáp ứng kịp thời về thời gian và chất lượng.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác nghiệp vụ được Cục Thống kê sử dụng trong việc xử lý tổng hợp báo cáo tháng, quý, năm và trong các cuộc điều tra thống kê. Đã khai thác và sử dụng tốt tất cả các phần mềm điều tra do Tổng cục Thống kê cung cấp, đảm bảo yêu cầu nhập tin và xử lý thông tin các cuộc điều tra theo phần mềm riêng. Hiện nay, Cục Thống kê đã triển khai phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc và một số nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn phòng cho công chức, người lao động Văn phòng Cục và các Chi cục Thống kê cấp huyện theo qui định của Tổng cục Thống kê.

- Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/UBND, ngày 03/5/2017 UBND tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện Luật Thống kê năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Hàng năm, Cục Thống kê đã xây dựng kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền kiến thức thống kê, kịp thời phổ biến Luật Thống kê năm 2015 đến các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đã tổ chức Hội nghị phổ biến Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đến các đồng chí là đại diện Lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; cán bộ làm công tác thống kê sở, ban, ngành; Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Bình Dương; Giám đốc và kế toán thống kê doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng áp dụng Luật Thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đồng thời, tuyên truyền qua hội nghị, các lớp tập huấn nghiệp vụ, đã lồng ghép tài liệu tuyên truyền về Luật Thống kê và các Nghị định có liên quan đến Luật Thống kê. Phát hành 1.500 quyển Sổ tay tuyên truyền (Sổ công tác) kết hợp phổ biến thông tin thống kê, bao gồm các nội dung phổ biến: Trích "Luật Thống kê"; Nghị định số 94/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê; Nghị định số 95/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thống kê; Cần trách nhiệm hơn khi đánh giá số liệu thống kê; Chỉ thị số 08/CT-UBND về việc triển khai thực hiện Luật Thống kê năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 3244/QĐ-UBND về việc ban hành biểu mẫu thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh; Luật Thống kê 2015 - Những kết quả đạt được sau 2 năm có hiệu lực thi hành; Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2016, 2017, 2018, kế hoạch năm 2019, kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, được cấp phát đến lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh; Sở, ban ngành; lãnh đạo Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy; UBND huyện, thị xã, thành phố;

Tuyên truyền Đề án Đổi mới quy trình biên soạn GRDP, sự giống nhau và khác nhau giữa GDP và thu nhập bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng trong khảo sát mức sống dân cư 2 năm/lần…

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê được tăng cường. Hàng năm, Cục Thống kê xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phê duyệt; đồng thời xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát các cuộc điều tra thống kê tại địa phương; phối hợp các phòng nghiệp vụ thanh, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch công tác được giao hàng năm áp dụng đối với các Chi cục Thống kê cấp huyện.

4. Đổi mới, hoàn thiện nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê

Thực hiện Quyết định số 1026/QĐ-TCTK ngày 26/10/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định biên soạn và công bố số liệu tổng sản phẩm trong nước. Từ năm 2017 đến nay, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn Tỉnh do Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố, kết quả đánh giá lại số liệu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2010-2018, Cục Thống kê đã báo cáo UBND tỉnh và thống nhất sử dụng số liệu GRDP do Tổng cục Thống kê công bố.

Hàng năm, Cục Thống kê tỉnh Bình Dương đã ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê (Quyết định số 1319/QĐ-CTK ngày 20/12/2016 về Lịch phổ biến thông tin Thống kê năm 2017; Quyết định số 1266/QĐ-CTK ngày 15/12/2017 về lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2018; Quyết định số 1185/QĐ-CTK ngày 14/12/2018 về lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2019). Căn cứ theo lịch phổ biến thông tin thống kê, Cục Thống kê tiến hành công bố và phổ biến các sản phẩm thống kê chủ yếu như: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm), báo cáo chính thức, kết quả các cuộc điều tra, niên giám thống kê… trên Trang thông tin Thống kê - Trang thành phần của Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Dương (địa chỉ truy cập: http://thongke.binhduong.gov.vn), đây là trang chính thức của Cục Thống kê được chính thức ra mắt ngày 19/9/2017, Cục Thống kê chịu trách nhiệm quản trị nội dung và cung cấp thông tin thống kê nhà nước theo các quy định của pháp luật (Công văn số 4043/UBND-VX ngày 13/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quản lý, cung cấp thông tin thống kê trên Cổng thông tin điện tử tỉnh); Trung tâm Thông tin Điện tử (thuộc Sở Thông tin và Truyền thông) chịu trách nhiệm quản trị vận hành hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cấu trúc Trang web gồm có: Giới thiệu (lịch sử hình thành, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê), Văn bản (văn bản pháp quy, văn bản chỉ đạo điều hành), Điều tra thống kê (các kế hoạch điều tra, tổng điều tra), Phương pháp thống kê, Thông tin mới, Chế độ báo cáo, Báo cáo Thống kê, Ấn phẩm thống kê, Kết quả các cuộc điều tra thống kê…

Sau hơn 2 năm hoạt động, Trang thông tin thống kê của Cục Thống kê tỉnh Bình Dương đã thu hút gần 320.000 lượt truy cập của các đối tượng nghiên cứu, sử dụng.

5. Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê

Căn cứ vào đề cương hướng dẫn của Tổng cục Thống kê (Vụ Thống kê Tổng hợp), Cục Thống kê đã ban hành Công văn số 26/CTK-TH và 27/CTK-TH, ngày 04/01/2018 về việc thực hiện biên soạn báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm và biên soạn Niên giám thống kê theo ma két mới của Vụ Thống kê Tổng hợp. Thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý (lãnh đạo các phòng nghiệp vụ và các Chi cục Thống kê huyện, thị xã, thành phố), Ban lãnh đạo Cục chỉ đạo các phòng Thống kê nghiệp vụ cơ quan Cục và các Chi cục Thống kê cấp huyện nghiên cứu thực hiện, nhằm nâng dần chất lượng báo cáo phân tích và dự báo thống kê ngắn hạn; nâng cao chất lượng phân tích kết quả các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê và phân tích tình hình kinh tế - xã hội theo chu kỳ 3 năm, 5 năm, 10 năm. Từ đó, chất lượng thông tin thống kê được nâng dần, giúp cho cấp ủy, chính quyền địa phương đánh giá đúng kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đề ra các giải pháp chỉ đạo sát với thực tế và hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Kết quả các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh được công bố thông qua việc phát hành ấn phẩm, báo cáo phân tích như: kết quả Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 tỉnh Bình Dương, Tổng điều tra Kinh tế năm 2017 tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, thực hiện phân tích báo cáo chuyên đề theo chương trình kế hoạch công tác của Tổng cục Thống kê (Vụ Thống kê Tổng hợp) như: báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2018...

6. Phát triển nhân lực làm công tác thống kê

Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức của Cục Thống kê được quan tâm thông qua việc sắp xếp, tạo điều kiện khuyến khích cho công chức dự học các lớp chuyên môn nghiệp vụ như lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thống kê chương trình thống kê viên, thống kê viên chính; lớp cao cấp, trung cấp lý luận chính trị; lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo; lớp tập huấn Luật quy hoạch; Ngoại ngữ, Tin học…;

Hiện nay có 91 xã, phường, thị trấn đều bố trí chức danh công chức Văn phòng - Thống kê để thực hiện công tác văn phòng, công tác thống kê.

7. Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động thống kê

Cục Thống kê tỉnh Bình Dương đã được Tổng cục Thống kê phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình xây dựng trụ sở Cục Thống kê tại Trung tâm hành chính tập trung của tỉnh. Hiện nay đơn vị đang tiến hành thi công và phối hợp cùng Ban Quản lý dự án Viện Quy hoạch phát triển đô thị của tỉnh để triển khai các bước tiếp theo đúng trình tự trong đầu tư xây dựng xây dựng cơ bản, dự kiến đến tháng 5/2020 công trình sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, cơ quan Cục Thống kê tỉnh Bình Dương còn một số mặt còn tồn tại, hạn chế như sau:

1. Báo cáo phân tích tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, còn tập trung vào việc mô tả, diễn giải số liệu ít trình bày infographic, chưa có phân tích chuyên sâu, dự báo thống kê ngắn hạn và báo cáo phân tích thống kê theo chu kỳ 03 năm, 05 năm, 10 năm.

2. Đội ngũ công chức thống kê của địa phương tuy đã được cũng cố, đào tạo bổ sung, song so với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay còn thiếu và yếu, trong những năm gần đây công chức cơ quan Cục Thống kê luôn thiếu 15-20% so với chỉ tiêu biên chế công chức được Tổng cục Thống kê giao hàng năm.

3. Người làm công tác thống kê ở các Sở, ban, ngành của Tỉnh chủ yếu là kiêm nhiệm và thường xuyên được luân chuyển sang thực hiện công tác khác; việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết của Đảng, do vậy rất khó tổ chức các lớp huấn luyện nghiệp vụ thống kê cho đội ngũ này.

Đối với công chức Văn phòng - Thống kê xã, phường, thị trấn, trong điều kiện đặc thù của Bình Dương nhiều xã, phường, thị trấn có quy mô hàng trăm nghìn dân, công việc của địa phương rất nhiều nên công chức Văn phòng - Thống kê hầu hết dành thời gian cho công việc văn phòng của Ủy ban nhân dân, Đảng ủy xã; còn thời gian dành cho công tác thống kê rất ít.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỜI GIAN TỚI

1. Tăng cường công tác tuyên truyền về Luật Thống kê năm 2015, củng cố và đẩy mạnh hoạt động thanh tra thống kê, bảo đảm các hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh được thực thi theo đúng pháp luật; định kỳ đánh giá kết quả triển khai thực hiện Luật Thống kê và các văn bản pháp lý có liên quan.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng phương pháp luận thống kê mới và các quy trình thống kê tiên tiến, hiện đại, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thống kê. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

3. Triển khai Kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 ban hành theo Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tiếp tục thực hiện Đề án ứng dụng Công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Dương (Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).

5. Đổi mới và hoàn thiện hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê. Đẩy mạnh hoạt động phân tích và dự báo thống kê. Tập trung triển khai thực hiện các phân tích và dự báo thống kê ngắn hạn; đồng thời tăng cường và nâng cao chất lượng phân tích kết quả các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê và phân tích tình hình kinh tế - xã hội theo chu kỳ 03 năm, 05 năm, 10 năm.

6. Bảo đảm tốt nhất thông tin kinh tế - xã hội định kỳ và đột xuất phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng tốt nhu cầu thông tin thống kê cho các đối tượng dùng tin; trước hết là phục vụ việc giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng một số chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội - môi trường của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (căn cứ 110 chỉ tiêu trong Danh mục Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ) để chọn lọc ra 31 chỉ tiêu chủ yếu phục vụ Báo cáo Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025; tham gia Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo lập Quy hoạch tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Tổ chức họp báo công bố số liệu 6 tháng đầu năm 2020 và năm 2020 theo chương trình kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2020 của Tổng cục Thống kê.

7. Tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ thống kê cho công chức làm công tác thống kê xã, phường, thị trấn và các Sở ngành của Tỉnh; thường xuyên chăm lo củng cố bộ máy tổ chức Thống kê từ tỉnh đến huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, chăm lo đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý Nhà nước, ngoại ngữ, vi tính bằng nhiều hình thức đào tạo khác nhau để có đội ngũ công chức thống kê địa phương, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

8. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí, tham nhũng; thực hiện tốt quy chế làm việc, quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng nội bộ cơ quan đoàn kết, trong sạch, vững mạnh ổn định và phát triển. Đẩy mạnh việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; khơi dậy lòng tự hào, yêu ngành, yêu nghề của công chức, người lao động trong cơ quan Cục Thống kê tỉnh Bình Dương.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục thống kê) tổ chức tuyển dụng công chức thống kê cho các địa phương.

2. Hàng năm, ngoài các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê theo các tiêu chuẩn ngạch thống kê, Tổng cục Thống kê có kế hoạch tổ chức thêm một số chương trình bồi dưỡng nâng cao kiến thức thống kê cho người làm công tác thống kê ở các Cục Thống kê, bồi dưỡng kiến thức thống kê cho công chức làm công tác thống kê Sở, ban ngành thuộc tỉnh, công chức làm công tác thống kê - văn phòng cấp xã.

3. Để có số liệu phục vụ địa phương, đặc biệt vào dịp cuối năm, kiến nghị Tổng cục thống kê công bố sớm kỳ ước tính năm chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) vào ngày 10/11 hàng năm./.

BÁO CÁO THAM LUẬN
Kinh nghiệm trong công tác tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê của Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa

Được phép của Ban Tổ chức hội nghị, Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa xin báo cáo tại hội nghị tham luận với chủ đề "Kinh nghiệm trong công tác tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê"

Thưa hội nghị!

Thanh Hóa là tỉnh có quy mô dân số và diện tích tự nhiên lớn trong cả nước. Dân số thời điểm 01/4/2019 là 3.460.128 người đứng thứ ba cả nước (sau Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), diện tích tự nhiên 11.114,65 km² đứng thứ 5 cả nước. Toàn tỉnh có 27 huyện, thị xã, thành phố với 559 xã, phường, thị trấn.

Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa có 7 Phòng ở Cơ quan Cục và 27 Chi cục Thống kê các huyện, thị xã, thành phố. Năm 2019, Cục Thống kê được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê giao 180 chỉ tiêu công chức và 14 chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

Năm 2019, Cục Thống kê Thanh Hóa thực hiện kế hoạch công tác với khối lượng công việc được giao khá lớn, gồm các cuộc điều tra thường xuyên, các báo cáo thống kê, công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính… trong kế hoạch công tác được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê giao tại Quyết định số 1009/QĐ-TCTK ngày 17/9/2018; thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, điều tra thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số; thực hiện nhiều nhiệm vụ do Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa giao như cung cấp số liệu phục vụ lập Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2020-2030 tầm nhìn đến năm 2045, điều tra thu thập thông tin tính toán chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người đến cấp huyện, điều tra xuất, nhập khẩu hàng hóa…

Trong các giải pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm 2019, Cục Thống kê Thanh Hóa xác định tăng cường và tổ chức thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê đóng vai trò quan trọng giúp Cục Thống kê hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Cục Thống kê Thanh Hóa xin báo cáo hội nghị về công tác tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê năm 2019 của Cục với các nội dung như sau:

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát

Căn cứ kế hoạch công tác được giao, định hướng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của Tổng cục Thống kê và tình hình thực tế của địa phương. Ngay từ cuối năm 2018, lãnh đạo Cục đã giao Phòng Thanh tra Thống kê phối hợp cùng các phòng ở Cơ quan Cục tham mưu việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường phối hợp với các phòng nghiệp vụ; quan tâm đến những

đơn vị có nhiều hạn chế, yếu kém và chú ý đến những đơn vị làm tốt để làm điển hình trong ngành cho các đơn vị khác học tập; dành nhiều thời gian tập trung cho kiểm tra, giám sát Tổng điều tra dân số và nhà ở. Năm 2019, Cục Thống kê Thanh Hóa xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát cụ thể như sau:

- Kế hoạch thanh tra trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê phê duyệt: Thanh tra việc thực hiện Phương án các cuộc điều tra thường xuyên tại 05 Chi cục Thống kê; thanh tra việc thực hiện Phương án Tổng điều tra dân số và nhà ở tại 01 huyện.

- Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phương án điều tra đối với hầu hết các cuộc điều tra do Cục trưởng phê duyệt.

- Kế hoạch kiểm tra công vụ đối với 03 Chi cục Thống kê do Cục trưởng phê duyệt.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê của Cục Thống kê Thanh Hóa luôn được Ban lãnh đạo Cục quan tâm, chỉ đạo sát sao và tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt.

Trước khi thực hiện mỗi cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát Cục trưởng Cục Thống kê đều ra quyết định thành lập Đoàn hoặc phân công nhiệm vụ cho từng công chức; yêu cầu xây dựng kế hoạch tiến hành cho mỗi cuộc thanh tra, kiểm tra, đảm bảo đầy đủ mục đích, yêu cầu, nội dung cần thực hiện và tiến độ về thời gian, xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo và thiết lập các loại hồ sơ lưu trữ theo quy định. Do lực lượng công chức của Phòng Thanh tra mỏng, trình độ chuyên sâu về công tác thanh tra của một số công chức còn hạn chế vì vậy mỗi đợt thanh tra, kiểm tra, lãnh đạo Cục đã trưng tập các công chức ở các phòng nghiệp vụ Cơ quan Cục tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra.

Sau các đợt kiểm tra, giám sát, các Đoàn và cá nhân được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đều có báo cáo kết quả, đánh giá những mặt làm được và chưa làm được của các đơn vị được kiểm tra, giám sát; chỉ rõ tên đơn vị, cá nhân còn để xảy ra sai sót báo cáo Lãnh đạo Cục có hình thức xử lý và rút kinh nghiệm trong toàn Cục Thống kê.

Trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Cục Thống kê Thanh Hóa đã lập kế hoạch và thực hiện nhiều đợt kiểm tra, giám sát đối với Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cấp huyện, cấp xã, điều tra viên, tổ trưởng trong việc thực hiện Phương án Tổng điều tra đối với tất cả các khâu từ khâu lập bảng kê, tập huấn nghiệp vụ, khâu thu thập thông tin ghi phiếu… đồng thời hướng dẫn Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cấp huyện, cấp xã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát Tổng điều tra trên địa bàn.

Do công tác điều tra thống kê trong năm 2019 có một số cuộc điều tra và Tổng điều tra dân số và nhà ở thực hiện việc thu thập thông tin bằng phiếu điện tử nên việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của Cục Thống kê Thanh Hóa đã có những đổi mới; chương trình kiểm tra, giám sát được thực hiện trên

phần mềm trong hệ thống không gian mạng: Kiểm tra tiến độ hàng ngày của điều tra viên; kiểm tra chất lượng thông tin trên phiếu điều tra khi có chênh lệch thông tin giữa bảng kê và phiếu điều tra; kiểm tra thời gian phỏng vấn của điều tra viên với hộ điều tra; kiểm tra xem điều tra viên có đến hộ không bằng hệ thống định vị;… Qua công tác kiểm tra, giám sát đã thông báo cho điều tra viên, giám sát viên cấp dưới những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý hoặc những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh lại; việc đổi mới công tác kiểm tra, giám sát theo cách này đã mang lại hiệu quả cao hơn, chấn chỉnh kịp thời các sai sót từ khâu thu thập thông tin.

3. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê năm 2019

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê năm 2019, nhìn chung các đơn vị được thanh tra, kiểm tra đã thực hiện đúng các quy trình, quy định tại phương án các cuộc điều tra như công tác rà soát, lập bảng kê danh sách các đơn vị điều tra, thực hiện chọn mẫu, rà soát mẫu điều tra; việc tuyển chọn điều tra viên và tổ trưởng điều tra; việc tổ chức tập huấn nghiệp vụ; việc thu thập thông tin ghi phiếu điều tra; việc kiểm tra, giám sát cuộc điều tra; việc nghiệm thu, nhập tin phiếu điều tra và tiến độ thực hiện các cuộc điều tra đã cơ bản đảm bảo; công tác lưu trữ, bảo quản phiếu điều tra đúng quy định. Tuy nhiên, qua thanh tra, kiểm tra, giám sát các Đoàn và cá nhân thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê đã phát hiện những nội dung còn hạn chế, sai sót trong thực hiện Phương án các cuộc điều tra, trong thực thi công vụ, quản lý tài chính, tài sản trong đó có những nội dung cần lưu ý:

a. Đối với việc thực hiện Phương án Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

- Công tác lập bảng kê và rà soát bảng kê ở một số địa bàn chưa thực hiện tốt, còn bỏ sót hoặc xác định thừa, thiếu hộ, nhân khẩu; việc lập bảng kê chưa theo đúng thứ tự hộ; điều tra viên chưa đến 100% hộ để thực hiện việc rà soát, cập nhật bảng kê.

- Ở một số lớp tập huấn có hiện tượng học viên chấp hành chưa tốt nội quy lớp học, còn chủ quan trong việc ghi chép, thiếu tập trung trong khi nghe giảng bài và thực hành; kỹ năng của một số giảng viên còn hạn chế.

- Công tác thu thập thông tin của điều tra viên ở một số địa bàn còn gặp khó khăn do năng lực hạn chế hoặc là người cao tuổi, sử dụng điện thoại thế hệ cũ nên khi phỏng vấn thu thập thông tin chưa đáp ứng yêu cầu. Tổ trưởng điều tra chủ yếu là cán bộ Văn phòng - Thống kê cấp xã, phải cùng lúc thực hiện nhiều nhiệm vụ nên có ít thời gian dành cho việc kiểm tra chất lượng, thông tin phiếu.

- Công tác kiểm tra, giám sát ở một số Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã do lực lượng giám sát viên mỏng, mỗi giám sát viên phải phụ trách nhiều địa bàn và kiêm nhiệm nhiều công việc nên việc kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, liên tục, thực hiện các bước kiểm tra, giám sát chưa đúng quy trình.

b. Đối với việc thực hiện Phương án các cuộc điều tra thường xuyên

- Còn có sự chênh lệch về số liệu của thông tin ghi phiếu khi điều tra và khi thanh tra, kiểm tra, giám sát.

- Việc tuân thủ quy trình điều tra, kỹ năng quan sát, phỏng vấn, khai thác thu thập thông tin của một số điều tra viên chưa tốt; phương pháp tiếp cận đối tượng điều tra còn hạn chế dẫn đến còn sai sót như Điều tra lao động và việc làm, Điều tra hoạt động xây dựng, Điều tra vốn đầu tư thực hiện.

- Trong Khảo sát mức sống dân cư, vẫn có hiện tượng phiếu điều tra không logic giữa các chỉ tiêu, còn tình trạng thiếu thừa thông tin. Điều tra viên làm ẩu, làm lướt, khai thác thông tin chưa kỹ, chưa nắm chắc một số chỉ tiêu trong phiếu.

- Ở một số cuộc kiểm tra, giám sát, sau kiểm tra, giám sát, công chức được phân công công tác kiểm tra, giám sát chưa có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định tại Quyết định số 126/QĐ-TCTK của Tổng cục Thống kê.

c. Đối với việc thực thi công vụ, quản lý tài chính, tài sản

- Trong phân công nhiệm vụ cho công chức ở một số Chi cục Thống kê chưa khoa học, còn chồng chéo, thiếu kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của công chức; quản lý thời giờ làm việc, tiến độ hoàn thành công việc của công chức còn lỏng lẻo; lưu trữ tài liệu, hồ sơ công việc chưa đảm bảo.

- Quản lý, chi tiêu kinh phí có nội dung chưa phù hợp, còn lãng phí.

Kính thưa hội nghị!

Công tác tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê của Cục Thống kê Thanh Hóa trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế. Trong thời gian tới, Cục Thống kê Thanh Hóa phải tiếp tục nỗ lực phấn đấu khắc phục hạn chế trong công tác tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê trên địa bàn, góp phần nâng cao chất lượng số liệu thống kê; phục vụ tốt hơn nhu cầu của cấp ủy và chính quyền các cấp; đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực thống kê.

Qua thực tiễn thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê của Cục Thống kê Thanh Hóa thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, phải coi trọng và thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về thống kê bởi đây là yếu tố không thể thiếu trong hoạt động quản lý nhà nước về thống kê; giúp mọi tổ chức, công dân hiểu rõ hơn quyền và nghĩa vụ của mình đối với hoạt động thống kê từ đó tích cực ủng hộ ngành Thống kê.

Hai là, phải có sự quan tâm chỉ đạo sát sao và tạo điều kiện về mọi mặt của lãnh đạo Cục Thống kê đối với công tác tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê. Luôn ý thức được công tác thanh tra, kiểm tra,

giám sát hoạt động thống kê là yếu tố quyết định nhằm nâng cao chất lượng số liệu thống kê, tạo vị thế của ngành.

Ba là, tăng cường thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê. Tăng cường về biên chế, cơ chế phối hợp, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của thanh tra thống kê; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê.

Trên đây là tham luận về "Kinh nghiệm công tác tổ thức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê" của Cục Thống kê Thanh Hóa. Qua nội dung tham luận này, chỉ mới phản ảnh một khía cạnh của việc thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê nhằm nâng cao chất lượng thông tin thống kê để giữ kỷ luật, kỷ cương hành chính và vị thế của ngành Thống kê tại địa phương. Trong thực tế, còn rất nhiều đơn vị thực hiện công tác này rất tốt, rất mong nhận được sự trao đổi, đóng góp của Hội nghị để công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thống kê ngày càng phát huy hiệu quả, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về thống kê trên phạm vi cả nước và từng địa phương./.

BÁO CÁO
Đánh giá chất lượng thống kê theo bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

Tiến hành đánh giá chất lượng thống kê nhà nước theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030[1] (viết gọn là Bộ tiêu chí chất lượng thống kê) là một nhiệm vụ mới, trọng tâm của ngành Thống kê năm 2020. Báo cáo này đề cập 02 nội dung chính, gồm: Tổng quan về Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030; Tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.

I. TỔNG QUAN BỘ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ

1. Nội dung Bộ tiêu chí chất lượng thống kê

Ngày 05/01/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg[2] áp dụng đối với các cơ quan thống kê nhà nước. Theo đó, Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 bao gồm 19 tiêu chí với 92 nội dung phản ánh toàn diện 4 cấp độ chất lượng thống kê nhà nước. Cụ thể: Cấp độ A về Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp và các tiêu chuẩn thống kê (có 3 tiêu chí với 13 nội dung); Cấp độ B về Quản lý môi trường thể chế cho các hoạt động thống kê (có 6 tiêu chí với 28 nội dung); Cấp độ C về Quản lý các quy trình thống kê (có 4 tiêu chí với 18 nội dung); Cấp độ D về Quản lý các kết quả đầu ra thống kê (có 6 tiêu chí với 33 nội dung).

2. Mục đích ban hành bộ tiêu chí chất lượng thống kê

Ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhằm tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng thống kê để giải quyết các hạn chế, bất cập về chất lượng thống kê nhà nước hiện nay; đồng thời làm cơ sở cho việc cải thiện, nâng cao chất lượng thống kê nhà nước, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của các tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê. Mục đích cụ thể đối với từng chủ thể như sau: (1) Đối với cơ quan quản lý nhà nước, Bộ tiêu chí chất lượng thống kê đóng góp vào việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý phục vụ công tác quản lý nhà nước về chất lượng thống kê; xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê là việc cụ thể hóa Luật Thống kê và là công cụ đánh giá, xếp hạng, cấp giấy chứng nhận chất lượng thống kê; thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan về chất lượng và hiệu quả của hoạt động thống kê nhà nước; (2) Đối với chủ thể sản xuất thông tin thống kê nhà nước, sử dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê để tự đánh giá chất lượng thống kê do cơ quan sản xuất và công bố; làm minh bạch, công khai quá trình sản xuất thông tin thống kê nhà nước;

---

[1] *Quyết đinh số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 là một trong các sản phẩm quan trọng của Đề án tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng thống kê đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 643/QĐ-TTg ngày 11/5/2017.*

[2] *Đây là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên điều chỉnh hoạt động quản lý chất lượng thống kê nhà nước.*

thúc đẩy cải tiến và không ngừng nâng cao chất lượng thông tin thống kê nhà nước, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê, từng bước tạo niềm tin và nâng cao vị thế của hệ thống tổ chức thống kê nhà nước; (3) Đối với chủ thể sử dụng thông tin thống kê nhà nước, thông qua Bộ tiêu chí chất lượng thống kê để nhận biết, kiểm chứng độ chính xác và tin tưởng sử dụng thông tin thống kê nhà nước một cách đúng đắn và hiệu quả; (4) Đối với chủ thể cung cấp thông tin cho hệ thống tổ chức thống kê nhà nước, Bộ tiêu chí chất lượng thống kê giúp tạo dựng niềm tin vào các biện pháp làm giảm gánh nặng trả lời và bảo mật thông tin cá nhân (riêng tư) đã cung cấp cho cơ quan thống kê, từ đó có thiện chí hợp tác, cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ hơn.

Ngoài mục đích nói trên, Bộ tiêu chí chất lượng thống kê còn được coi như một cái "Ô chất lượng" bao trùm toàn bộ các yếu tố bảo đảm chất lượng, trong đó có 11 chỉ tiêu định lượng chất lượng. Nếu "Ô chất lượng" này không tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng thống kê. Tương tự như người đi trong mưa, cần có ô/dù để che mưa, nhưng nếu ô không tốt sẽ bị ướt. Như vậy, Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030 là cơ sở để xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động để cải thiện, nâng cao chất lượng; đồng thời là công cụ bảo vệ cơ quan trước những chỉ trích thiếu căn cứ về chất lượng thông tin thống kê do cơ quan sản xuất và công bố.

3. Đối tượng áp dụng và lộ trình đánh giá chất lượng theo Bộ chí chất lượng thống kê

(1) Đối tượng áp dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê, gồm: Cơ quan thống kê Trung ương (Cơ quan Tổng cục Thống kê); cơ quan thống kê địa phương (Cục Thống kê cấp tỉnh)[3]; tổ chức thống kê bộ, ngành[4]; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động đánh giá chất lượng thống kê nhà nước. Như vậy, tất cả các cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê nhà nước đều thuộc đối tượng áp dụng Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.

(2) Thời gian thực hiện đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê

- Từ năm 2020, hàng năm các cơ quan trong hệ thống thống kê nhà nước tiến hành tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê; gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng thống kê thuộc phạm vi phụ trách tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); từ năm 2024, thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê trên hệ thống đánh giá trực tuyến.

- Từ năm 2021, định kỳ 5 năm Hội đồng đánh giá chất lượng thống kê quốc gia thực hiện đánh giá độc lập chất lượng thống kê nhà nước; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả đánh giá độc lập chất lượng thống kê nhà nước.

---

[3] Thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

[4] Tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ THEO BỘ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG THỐNG KÊ

Theo lộ trình quy định tại Quyết định 01/2019/QĐ-TTg nói trên, năm 2020 các đơn vị trong Ngành tiến hành tự đánh chất lượng thống kê theo 92 nội dung tiêu chí chất lượng thuộc Bộ tiêu chí chất lượng thống kê. Năm 2020 là năm đầu tiên thực hiện phương pháp đo lường định lượng chất lượng thống kê của từng đơn vị. Đây được coi là nghiệp vụ mới và là nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 của từng đơn vị và của toàn ngành Thống kê.

1. Khái niệm và mục đích tự đánh giá chất lượng thống kê

- Tự đánh giá chất lượng thống kê là hoạt động đánh giá chất lượng thống kê của cơ quan do chính cơ quan thực hiện để đánh giá một cách toàn diện, có hệ thống và thường xuyên theo công cụ, phương pháp và quy trình do cấp có thẩm quyền quy định.

- Mục đích của tự đánh giá chất lượng thống kê là xác định các điểm mạnh, điểm yếu và các rủi ro về chất lượng thống kê; từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình hành động nhằm khắc phục các điểm yếu và phòng ngừa các rủi ro; cải tiến và nâng cao chất lượng thống kê của cơ quan.

2. Chủ thể và đối tượng tự đánh giá chất lượng thống kê

- Chủ thể tự đánh giá, gồm: Cơ quan Tổng cục Thống kê (Cơ quan Thống kê Trung ương) tiến hành đánh giá chất lượng thống kê đối với toàn bộ các hoạt động thống kê do các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục; Cục Thống kê cấp tỉnh tiến hành đánh giá chất lượng toàn bộ công tác thống kê do các phòng thuộc cơ quan Cục Thống kê thực hiện. Riêng đối với Chi cục Thống kê cấp huyện, năm 2020 chưa yêu cầu đánh giá chất lượng công tác thống kê ở cấp Chi cục.

- Đối tượng tự đánh giá bao gồm tất cả các hoạt động thống kê đã kết thúc từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 30/9 năm đánh giá.

3. Cách đánh giá, tính điểm và xếp loại chất lượng thống kê

a) Cách đánh giá: Các nội dung của Bộ tiêu chí chất lượng thống kê quy định tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ được đánh giá theo thang đánh giá 5 mức (tương đương 5 điểm) như sau:

- *Mức 1*. Không đáp ứng yêu cầu của nội dung tiêu chí: Không thực hiện bất kỳ hoạt động đảm bảo chất lượng nào để đáp ứng yêu cầu của nội dung tiêu chí; cần thực hiện cải tiến chất lượng ngay.

- *Mức 2*. Đáp ứng được một phần nhỏ yêu cầu của nội dung tiêu chí: Đã có một số hoạt động đảm bảo chất lượng ban đầu để đáp ứng yêu cầu của nội dung tiêu chí nhưng hiệu quả còn kém; cần có thêm nhiều cải tiến chất lượng mới đáp ứng được yêu cầu của nội dung tiêu chí.

- *Mức 3*. Đáp ứng được phần lớn yêu cầu của nội dung tiêu chí: Công tác đảm bảo chất lượng đã được thực hiện khá bài bản, nhưng cần có thêm một số cải tiến mới đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nội dung tiêu chí.

- *Mức 4*. (Mức đạt chuẩn): Đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nội dung tiêu chí: Công tác đảm bảo chất lượng đã được thực hiện bài bản, việc thực hiện hoạt động đảm bảo chất lượng đem lại kết quả như mong đợi, nếu có thêm các cải tiến nữa sẽ đáp ứng cao hơn yêu cầu của nội dung tiêu chí.

- *Mức 5*. Đáp ứng cao hơn yêu cầu của nội dung tiêu chí: Công tác đảm bảo chất lượng công tác đảm bảo chất lượng đã được thực hiện bài bản, hiệu quả và mang lại kết quả cao hơn mong đợi.

b) Cách tính điểm và xếp loại chất lượng

- Điểm chuẩn chất lượng của mỗi nội dung tiêu chí là 4 điểm, tổng điểm chuẩn chất lượng mà cơ quan phải đạt bằng 4 điểm x số nội dung tiêu chí áp dụng[5].

- Tỷ lệ % điểm chất lượng thực tế so với điểm chuẩn tính theo công thức:

$$Đ_t(\%) = \frac{\sum_{i=1}^{n} q_{ti}}{\sum_{i=1}^{n} q_{ci}} \text{ x } 100 \qquad (1)$$

Trong đó:

$Đ_t$: Tỷ lệ phần trăm điểm chất lượng thực tế;

q_{ti}: Điểm đánh giá thực tế nội dung tiêu chí thứ i (i=1, 2…n);

q_{ci}: Điểm chuẩn nội dung tiêu chí thứ i (i=1, 2…n).

- Xếp loại chất lượng thống kê:

✓ Chất lượng rất tốt: $Đ_t$ đạt trên 100%:

✓ Chất lượng tốt: $Đ_t$ đạt từ 90% đến <100%:

✓ Chất lượng khá: $Đ_t$ đạt từ 70% đến <90%:

✓ Chất lượng trung bình: $Đ_t$ từ 50% đến <70%:

✓ Chất lượng kém: $Đ_t$ đạt <50%.

4. Công cụ đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước

a) Công cụ đánh giá chất lượng thống kê là "Bảng tự đánh giá chất lượng thống kê nhà nước". Bảng này gồm: 07 cột (ký hiệu từ A đến G) và nhiều dòng đã ghi sẵn các thông tin cơ bản về 92 nội dung tiêu chí chất lượng được ban hành tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Cột A, Số thự tự của nội dung tiêu chí;

- Cột B, Tên nội dung tiêu chí chất lượng;

---

[5] *Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan để xác định số nội dung tiêu chí sử dụng để tự đánh giá chất lượng*

- Cột C, Các mức chất lượng có thể đạt được;

- Cột D, Mã số (từ 1 đến 5 tương ứng với từng mức độ đạt được ở cột C);

- Cột E, Nguồn bằng chứng tham khảo (nguồn thông tin gợi ý để ghi các bằng chứng thực tế vào Cột F);

- Cột F, Bằng chứng thực tế (để chứng minh mức chất lượng đã xác định ở Cột D). - Cột G, Ghi chú (các trường hợp đặc biệt, ví dụ, trường hợp nội dung tiêu chí chất lượng không phù hợp đối với cơ quan, cần ghi rõ lý do).

Các dòng của Bảng, mỗi dòng ghi một nội dung tiêu chí và ghi lần lượt từ nội dung tiêu chí đầu tiên đến tiêu chí cuối cùng *(xem Phụ lục 1 để biết chi tiết và đầy đủ Bảng tự đánh giá chất lượng thống kê nhà nước)*

b) Sử dụng Bảng tự đánh giá chất lượng thống kê như thế nào?

- Trước tiên, người đánh giá cần đọc kỹ từng nội dung tiêu chí (Cột B) và mô tả các mức chất lượng của tiêu chí đó, mỗi mức chất lượng được mô tả một dòng (Cột C) để xác định chính xác nội dung tiêu chí đó phù hợp nhất với mức nào; đồng thời khoanh tròn vào mã số thích hợp nhất (Cột D);

- Tiếp theo, ghi các bằng chứng cụ thể vào Cột F để khẳng định rằng việc xác định mã số ở Cột D là chính xác. Cần tham khảo nguồn bằng chứng tham chiếu (Cột E) để ghi các bằng chứng thực tế vào Cột F. Nếu có bất kỳ vấn đề gì về nội dung tiêu chí nào, thì ghi vào dòng tương ứng của Cột G.

5. Các nhiệm vụ khác liên quan

- Thực hiện ngay việc tư liệu hóa một cách hệ thống các hoạt động thống kê do đơn vị thực hiện[6]. Ví dụ, tư liệu hóa các hoạt động về điều tra doanh nghiệp hàng năm; đặc biệt dữ liệu để tính các chỉ tiêu chất lượng, như tỷ lệ vượt quá phạm vi, sai số điều tra mẫu…

- Giao một đơn vị làm đầu mối thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê, trong đó có nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng thống kê.

- Tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng về quản lý lượng thống kê nói chung và tự đánh giá chất lượng thống kê nói riêng do Tổng cục triệu tập.

- Từ năm 2021, giao điểm kế hoạch công tác và điểm thi đua về thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê như các lĩnh vực công tác khác đã và đang thực hiện.

Tóm lại: Bộ tiêu chí chất lượng thống kê đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 là văn bản quy phạm pháp luật cao nhất điều chỉnh hoạt động quản lý chất lượng thống kê nhà nước. Theo đó, từ năm 2020 các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê nhà nước thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng nói trên. Đây là nhiệm vụ mới và rất có ý nghĩa đối với toàn

[6] *Nội dung này đã đề cập tại Báo cáo Hội nghị Ngành năm 2019*

Ngành, Tổng cục yêu cầu Thủ trưởng đơn vị phải xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm năm 2020; thực hiện tự đánh giá nghiêm túc, trung thực và khách quan./.

PHỤ LỤC 1: Bảng tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước

- Tên Cơ quan:……..……; Tên Đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá ……..

- Họ và tên người chủ trì thực hiện tự đánh giá:……; Chức vụ……; Điện thoại:…….……

A. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU PHỐI, PHỐI HỢP VÀ QUẢN LÝ CÁC TIÊU CHUẨN THỐNG KÊ

Tiêu chí 1. Quản lý hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào MỨC phù hợp nhất)*	Mức	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
1	Có quy định về điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê (CLTK 1.1)	Chưa có bất kỳ văn bản nào về hoạt động phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê của cơ quan	1	- Quy chế phối hợp (nội bộ, bên ngoài); Các văn bản khác liên quan đến phối hợp		
		Có văn bản về hoạt động phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê của cơ quan, nhưng chưa phải là quyết định ban hành quy chế	2			
		Có quyết định ban hành quy chế phối hợp trong nội bộ cơ quan hoặc quy chế phối hợp với một số các cơ quan liên quan đến việc thực hiện các hoạt động thống kê	3			
		Có quyết định ban hành quy chế phối hợp trong nội bộ cơ quan và quy chế phối hợp với tất cả các cơ quan liên quan đến việc thực hiện các hoạt động thống kê	4			
		Có quyết định ban hành quy chế phối hợp trong nội bộ cơ quan và quy chế phối hợp với tất cả các cơ quan liên quan đến việc thực hiện các hoạt động thống kê; Quy chế được rà soát, cải tiến, đổi mới thường xuyên	5			
2	Thực hiện việc đánh giá hoạt động điều phối,phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê (CLTK 1.2)	Không có bất kỳ báo cáo nào đề cập đến việc đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê theo định kỳ hàng năm	1	- Báo cáo đánh giá thực hiện điều phối, phối hợp; - Đề xuất giải pháp về điều phối, phối hợp; - Các báo cáo liên quan; Biên bản cuộc họp.		
		Có báo cáo đề cập đến việc đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê theo định kỳ hàng năm	2			
		Có báo cáo riêng về đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp trong nội bộ hoặc với bên ngoài theo định kỳ hàng năm	3			
		Có báo cáo riêng về đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp trong nội bộ và với bên ngoài theo định kỳ hàng năm	4			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào MỨC phù hợp nhất)*	Mức	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
		Có báo cáo riêng về đánh giá hoạt động điều phối, phối hợp trong nội bộ và với bên ngoài theo định kỳ hàng năm; Tổ chức hội nghị giữa các bên để cải tiến, đổi mới hoạt động điều phối, phối hợp thực hiện các hoạt động thống kê	5			

Tiêu chí 2. Quản lý mối quan hệ với các bên liên quan

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào MỨC phù hợp nhất)*	Mức	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
1	Có danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê (CLTK 2.1)	Không có bất kỳ danh sách nào về cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	1	- Danh sách cả 2 đối tượng; - Mức độ chi tiết của danh sách; - Văn bản, chỉ đạo về việc cập nhật danh sách; - Danh sách giữa 2 lần cập nhật…		
		Có danh sách về cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê	2			
		Có danh sách về cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê nhưng không được rà soát và cập nhật hàng năm	3			
		Có danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê được rà soát và cập nhật hàng năm	4			
		Có cơ sở dữ liệu về cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	5			
2	Có tài liệu hướng dẫn về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê (CLTK 2.2)	Không có bất kỳ tài liệu nào đề cập đến hướng dẫn việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	1	- Sổ tay hướng dẫn; - Văn bản quy định về tham khảo ý kiến như thế nào; - Tài liệu có mục HD tham khảo ý kiến…		
		Có tài liệu đề cập đến hướng dẫn việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê (không phải sổ tay hướng dẫn)	2			
		Có sổ tay hướng dẫn về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê	3			
		Có sổ tay hướng dẫn về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	4			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào MỨC phù hợp nhất)*	Mức	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
		Sổ tay hướng dẫn dạng điện tử về việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê	5			
3	Có văn bản thỏa thuận với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê (CLTK2.3)	Không có bất kỳ văn bản thỏa thuận nào được ký kết với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan	1	- Các văn bản thỏa thuận; - Danh sách các cơ quan cần có thỏa thuận; - Biên bản ghi nhớ; biên bản cuộc họp.		
		Có văn bản thỏa thuận được ký kết với dưới 40% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan	2			
		Có văn bản thỏa thuận được ký kết với từ 40% đến dưới 70% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan	3			
		Có văn bản thỏa thuận được ký kết với từ 70% đến 100% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan	4			
		Có văn bản thỏa thuận được ký kết với từ 70% đến 100% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê của cơ quan; Văn bản thỏa thuận được cải tiến, đổi mới thường xuyên	5			
4	Có văn bản thỏa thuận với các cơ quan báo chí về hợp tác phổ biến thông tin thống kê (CLTK2.4)	Không có bất kỳ văn bản thỏa thuận nào với các cơ quan báo chí về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	1	- Các văn bản thỏa thuận; danh sách các cơ quan cần có thỏa thuận; - Biên bản ghi nhớ; biên bản cuộc họp; - Chiến lược hợp tác với báo chí…		
		Có văn bản thỏa thuận với một trong 4 loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	2			
		Có văn bản thỏa thuận với 2 trong 4 loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	3			
		Có văn bản thỏa thuận với đủ 4 loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) về hợp tác phổ biến thông tin thống kê	4			
		Có văn bản thỏa thuận với đủ 4 loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử) về hợp tác phổ biến thông tin thống kê; Tổ chức hội thảo, hội nghị về hợp tác phổ biến thông tin thống kê với các cơ quan báo chí	5			

Tiêu chí 3. Quản lý các tiêu chuẩn thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
1	Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê (CLTK3.1)	Không có đơn vị nào thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê	1	- Quyết định giao nhiệm vụ; - Mô tả nhân sự và các hoạt động của đơn vị; - Mô tả sản phẩm đã thực hiện…		
		Có đơn vị được giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê nhưng không có công chức/viên chức chuyên trách	2			
		Có đơn vị được giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê, có công chức/viên chức chuyên trách	3			
		Có đơn vị chuyên trách (cấp vụ/phòng/ban/nhóm công tác) thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê	4			
		Có đơn vị chuyên trách (cấp vụ/phòng/ban/nhóm công tác) thực hiện chức năng, nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn thống kê; Công chức/viên chức chuyên trách được bồi dưỡng về tiêu chuẩn thống kê	5			
2	Thực hiện việc tổ chức tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê (CLTK 3.2)	Không tổ chức bất kỳ một hình thức tham khảo ý kiến nào trong quá trình xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn thống kê	1	- Phiếu tham vấn; - Biên bản các cuộc họp…		
		Tổ chức tham khảo ý kiến tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	2			
		Tổ chức tham khảo ý kiến tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc sử dụng thông tin thống kê bằng hình thức hội thảo khoa học	3			
		Tổ chức tham khảo ý kiến tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê bằng hình thức tham vấn trực tiếp với nhóm chuyên gia/chuyên gia trong nước	4			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
		Tổ chức tham khảo ý kiến tham khảo ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin và sử dụng thông tin thống kê bằng hình thức tham vấn trực tiếp với nhóm chuyên gia/chuyên gia trong nước và quốc tế	5			
3	Có các tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực (CLTK 3.3)	Không có tiêu chuẩn thống kê nào phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	1	- Danh sách các tiêu chuẩn thống kê; - Cơ sở xây dựng các tiêu chuẩn; - Bản giải thích những khác biệt với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực…		
		Có dưới 50% số tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	3			
		Từ 80% đến 100% số tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	4			
		Từ 80% đến 100% số tiêu chuẩn thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực; Có tiêu chuẩn thống kê do cơ quan xây dựng được quốc gia khác hoặc tổ chức quốc tế áp dụng	5			
4	Phổ biến các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có) (CLTK 3.4)	Không thực hiện phổ biến các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có)	1	- Sách hướng dẫn về tiêu chuẩn TK; - Văn bản ban hành/ phổ biến tiêu chuẩn và những thay đổi (bản cứng hoặc đường dẫn đến trang web); - Đường dẫn đến địa chỉ web của sách hoặc văn bản; biên bản các hội nghị…		
		Chỉ phổ biến tiêu chuẩn và những thay đổi về tiêu chuẩn (nếu có) thông qua các ấn phẩm hoặc tô chức hội nghị phổ biến	2			
		Chỉ phổ biến tiêu chuẩn và những thay đổi về tiêu chuẩn (nếu có) thông qua các ấn phẩm và tổ chức hội nghị phổ biến	3			
		Các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có)được phổ biến thông qua các ấn phẩm, tô chức hội nghị phổ biến và các hình thức phổ biến hiện đại (qua tài liệu dạng điện tử, website, truyền hình...)	4			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
		Tất cả các tiêu chuẩn thống kê và những thay đổi về tiêu chuẩn thống kê (nếu có) được phổ biến thông qua các ấn phẩm, tô chức hội nghị phổ biến và các hình thức phổ biến hiện đại (qua tài liệu dạng điện tử , website, truyền hình...)	5			
5	Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn để cung cấp (nếu có yêu cầu) (CLTK 3.5)	Các tiêu chuẩn thống kê trước đây không có sẵn để cung cấp	1	- Các phiên bản trước đây của tiêu chuẩn thống kê; - Đường dẫn đến địa chỉ truy cập.		
		Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn nhưng không đầy đủ các phiên bản để cung cấp (nếu có yêu cầu)	2			
		Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn và đầy đủ các phiên bản để cung cấp (nếu có yêu cầu) nhưng không có các bản giải thích những khác biệt giữa các phiên bản tiêu chuẩn thống kê cũ và mới	3			
		Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn đầy đủ các phiên bản để cung cấp (nếu có yêu cầu) và có các bản giải thích những khác biệt giữa các phiên bản tiêu chuẩn thống kê cũ và mới	4			
		Các tiêu chuẩn thống kê trước đây (phiên bản cũ) có sẵn đầy đủ các phiên bản để cung cấp (nếu có yêu cầu) và có các bản giải thích những khác biệt giữa các phiên bản tiêu chuẩn thống kê cũ và mới được công khai trên website để người sử dụng thuận tiện xem xét, so sánh	5			
6	Lưu trữ thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất (CLTK 3.6)	Không có thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	1	- Danh sách (bộ dữ liệu) thông tin ban đầu; - Mức độ lưu trữ của các (bộ dữ liệu) thông tin ban đầu; - Cơ sở dữ liệu thông tin thống kê ban đầu; - Quy định, quy trình lưu trữ…		
		Có dưới 50% thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	2			
		Từ 50% đến dưới 80% thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	3			
		Từ 80% đến 100% thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	4			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
		Từ 80% đến 100% thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất; Cơ quan ban hành quy trình lưu trữ thông tin thống kê ban đầu theo phân loại thống kê ở mức chi tiết nhất	5			
7	Công bố, phổ biến các sản phẩm thống kê có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan (CLTK 3.7)	Không có sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	1	- Sản phẩm đã công bố, phổ biến; - Tiêu chuẩn kèm theo khi công bố, phổ biến; - Đường dẫn đến tài liệu tham khảo về tiêu chuẩn…		
		Có dưới 50% sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	2			
		Từ 50% đến dưới 80% sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	3			
		Từ 80% đến 100% sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan	4			
		Từ 80% đến 100% sản phẩm thống kê được công bố, phổ biến có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan; Sản phẩm thống kê có kèm theo hoặc có chỉ dẫn đến tài liệu về tiêu chuẩn thống kê liên quan được công bố, phổ biến trên website	5			

B. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THỂ CHẾ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG THỐNG KÊ

Tiêu chí 4. Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Tổ chức thống kê được thành	Chưa có bất kỳ hình thức tổ chức thống kê nào	1	- Quyết định thành		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền (CLTK 4.1)	Có bộ phận/ nhóm thống kê thuộc cấp phòng/ vụ	2	lập; - Quyết định về chức năng, nhiệm vụ; - Danh sách nhân lực thống kê và các chứng chỉ theo ngạch (Trái ngành, TK viên; TKV chính…)		
		Có đơn vị thống kê cấp phòng và tương đương	3			
		Có tổ chức thống kê cấp vụ và tương đương trở lên nhưng dưới 100% nhân lực thống kê có chứng chỉ theo ngạch thống kê	4			
		Có tổ chức thống kê là cơ quan hành chính cấp vụ và tương đương trở lên; và 100% nhân lực thống kê có chứng chỉ theo ngạch thống kê	5			
2	Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền (CLTK 4.2)	Người đứng đầu tổ chức thống kê không đạt tiêu chuẩn nào về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	1	- Tài liệu quy định tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền (vd: đề án vị trí việc làm); - Bằng; Chứng chỉ…		
		Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt dưới 50% số tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	2			
		Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt từ 50% đến dưới 100% số tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	3			
		Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt 100% các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	4			
		Người đứng đầu tổ chức thống kê đạt 100% các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và vượt 1 số tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của cấp có thẩm quyền	5			
3	Công khai kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê (CLTK 4.3)	Không có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê	1	- Kế hoạch thực hiện; - Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện; - Các văn bản, biên bản hội nghị, đường dẫn website công khai kế hoạch và báo cáo kết quả		
		Có kế hoạch hoặc báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê nhưng chỉ lồng ghép với các kế hoạch, báo cáo khác của cơ quan	2			
		Có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê được công khai theo một trong các hình thức: ấn phẩm, website, mạng xã hội	3			
		Có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê được công khai đồng thời theo các hình thức: ấn phẩm, website, mạng xã hội	4			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động thống kê được công khai đồng thời theo các hình thức: ấn phẩm, website, mạng xã hội và trên website của cơ quan	5	thực hiện các hoạt động thống kê…		
4	Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê (CLTK 4.4)	Chưa có bất kỳ văn bản nào quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê	1	- Văn bản quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê; - Văn bản ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa; - CSDL về hỏi và đáp các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê		
		Có văn bản quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê, nhưng chưa phải là quy trình	2			
		Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3			
		Có quyết định ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê	4			
		Có quyết định ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê; Có cơ sở dữ liệu về hỏi và đáp các ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ thống kê	5			

Tiêu chí 5. Bảo đảm tính khách quan và công bằng

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Có quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê (CLTK 5.1)	Không có bất kỳ văn bản nào đề cập đến chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê	1	- Văn bản riêng hoặc có đề cập đến quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê; - Quyết định điều chỉnh, sửa đổi văn		
		Có văn bản đề cập đến chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê, nhưng không phải văn bản riêng về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê	2			
		Có văn bản riêng về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê, nhưng không phải quyết định ban hành quy định về chuẩn mực đạo	3			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê		bản quy định riêng về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê…		
		Có quyết định ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê	4			
		Có quyết định ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác thống kê; Có chiến lược tạo dựng hình ảnh người làm công tác thống kê tốt	5			
2	Có quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan (CLTK 5.2)	Không có bất kỳ văn bản nào quy định việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan	1	- Văn bản ban hành quy trình; - Báo cáo đánh giá hằng năm về việc thực hiện quy trình		
		Có văn bản quy định việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan, nhưng chưa phải là quy trình	2			
		Có quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3			
		Có quyết định ban hành quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan	4			
		Có quyết định ban hành quy trình thực hiện việc lựa chọn nguồn dữ liệu, phương pháp biên soạn thông tin thống kê một cách khách quan; Quy trình được rà soát, cải tiến thường xuyên	5			
3	Ban hành và thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê (CLTK 5.3)	Không ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê	1	- Quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê; - Quyết định điều chỉnh, sửa đổi lịch phổ biến thông tin thống kê; - Báo cáo kết quả thực hiện lịch phổ		
		Có quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê, nhưng không thông báo trước và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch (nếu có)	2			
		Có quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê, thông báo trước và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch (nếu có), nhưng không có báo cáo kết quả thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê	3			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê, thông báo trước và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch (nếu có), có báo cáo kết quả thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê	4	biến thông tin thống kê.		
		Có quyết định ban hành lịch phổ biến thông tin thống kê, thông báo trước và giải thích lý do thay đổi thời gian công bố, phổ biến so với lịch (nếu có), có báo cáo kết quả thực hiện lịch phổ biến thông tin Lịch phổ biến thông tin thống kê được chi tiết thời gian đến giờ công bố thông tin thống kê	5			
4	Có quy chế phổ biến thông tin thống kê (CLTK 5.4)	Không có bất kỳ văn bản nào quy định việc phổ biến thông tin thống kê	1	- Các văn bản quy định về công bố và phổ biến thông tin thống kê; - Các văn bản, ấn phẩm, biên bản hội nghị, đường dẫn website		
		Có văn bản quy định về cách thức phổ biến thông tin thống kê, nhưng không phải văn bản riêng	2			
		Có văn bản riêng quy định về cách thức phổ biến thông tin thống kê, nhưng chưa phải là quy chế	3			
		Có quyết định ban hành quy chế phổ biến thông tin thống kê trong đó có quy định về dịch vụ cung cấp phổ biến thông tin thống kê	4			
		Có quyết định ban hành quy chế phổ biến thông tin thống kê trong đó có quy định về dịch vụ cung cấp phổ biến thông tin thống kê Có văn bản quy định danh mục phí dịch vụ cung cấp các thông tin thống kê được công khai	5			
5	Có quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố (CLTK 5.5)	Không có bất kỳ văn bản nào quy định việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố	1	Văn bản quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố		
		Có văn bản đề cập đến việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố, nhưng không phải văn bản riêng	2			
		Có văn bản riêng quy định việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3			
		Có quyết định ban hành quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố	4			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có quyết định ban hành quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố Có chính sách điều chỉnh thông tin thống kê, trong đó quy định về việc sửa lỗi của thông tin thống kê đã công bố	5			

Tiêu chí 6. Bảo đảm tính minh bạch

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Công khai danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố (CLTK 6.1)	Không có danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố	1	Danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố		
		Có danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố nhưng không công khai danh sách này	2			
		Danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố (nếu có) được công khai bằng hình thức văn bản	3			
		Danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố (nếu có) được công khai đồng thời bằng hình thức văn bản và website	4			
		Có chính sách phổ biến thông tin thống kê, trong đó có danh sách các cá nhân được phép tiếp cận thông tin thống kê trước khi công bố; Chính sách được công khai đồng thời bằng hình thức văn bản và website	5			
2	Có quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ (CLTK 6.2)	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ	1	- Văn bản quy định; - Tài liệu hoặc đường dẫn công khai văn bản quy định này …		
		Không áp dụng	2			
		Không áp dụng	3			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có văn bản quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ	4			
		Có văn bản quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ Tư liệu hóa các lần thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin biết về quyền và nghĩa vụ của họ	5			
3	Có quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê (CLTK 6.3)	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê	1	- Văn bản quy định; - Tài liệu hoặc đường dẫn công khai văn bản quy định này		
		Không áp dụng	2			
		Không áp dụng	3			
		Có văn bản quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê	4			
		Có văn bản quy định về việc thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết quy trình bảo mật đã được thực hiện làm ảnh hưởng đến mức độ đầy đủ của thông tin thống kê Tư liệu hóa các lần thông báo	5			
4	Có quy định về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn (CLTK 6.4)	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn	1	- Văn bản quy định; - Tài liệu hoặc đường dẫn công khai văn bản quy định này		
		Không áp dụng	2			
		Không áp dụng	3			
		Có quy định bằng văn bản về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn	4			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có quy định bằng văn bản về việc thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn Tư liệu hóa các lần thông báo trước những điều chỉnh hoặc thay đổi về phương pháp luận, dữ liệu nguồn	5			

Tiêu chí 7. Bảo đảm tính bảo mật và an ninh thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Có tài liệu hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê (CLTK 7.1)	Không có bất kỳ tài liệu nào đề cập đến hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê	1	- Các tài liệu đề cập đến HD việc thực hiện bảo mật và an ninh thống kê; - Sổ tay hướng dẫn; - Các tài liệu và đường dẫn để công khai tài liệu HD; - Quyết định điều chỉnh, sửa đổi tài liệu HD; - Các phiên bản tài liệu hướng dẫn khác nhau.		
		Có tài liệu đề cập đến các hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê (không phải sổ tay hướng dẫn), nhưng không phải văn bản riêng	2			
		Có tài liệu riêng hướng dẫn thực hiện việc bảo mật và an ninh thông tin thống kê (không phải sổ tay hướng dẫn)	3			
		Có sổ tay hướng dẫn việc thực hiện bảo mật và an ninh thống kê được ban hành	4			
		Có sổ tay hướng dẫn việc thực hiện bảo mật và an ninh thống kê được ban hành và được rà soát, cải tiến thường xuyên	5			
2	Có quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin (CLTK 7.2)	Không có bất kỳ văn bản nào đề cập đến quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	1	- Các tài liệu có chứa những các hướng dẫn về bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung		
		Có văn bản đề cập đến quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng không phải văn bản riêng	2			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3	cấp thông tin; - Văn bản ban hành quy trình; - Quyết định điều chỉnh, sửa đổi quy trình		
		Có quyết định ban hành quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được công khai	4			
		Có quyết định ban hành quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được công khai; Quy trình bảo mật thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được rà soát, cải tiến thường xuyên	5			
3	Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê (CLTK 7.3)	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc người làm công tác thống kê cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê	1	- Văn bản quy định; - Văn bản cam kết		
		Không áp dụng	2			
		Không áp dụng	3			
		Có quy định bằng văn bản về việc người làm công tác thống kê cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê	4			
		Có quy định bằng văn bản về việc người làm công tác thống kê cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê 100% người làm công tác thống kê của cơ quan ký cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin thống kê	5			
4	Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê (CLTK 7.4)	Không có bất kỳ quy định nào về các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, không thực hiện biện pháp nào để bảo đảm an ninh thông tin thống kê	1	- Văn bản quy định; - Tài liệu về thực hiện các biện pháp.		
		Không có bất kỳ quy định nào về các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, thực hiện một số biện pháp để bảo đảm an ninh thông tin thống kê	2			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có văn bản đề cập đến các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, thực hiện một số biện pháp để bảo đảm an ninh thông tin thống kê	3			
		Có quy định về các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, và thực hiện các biện pháp này	4			
		Có quy định về các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê, và thực hiện các biện pháp này Các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin thống kê được rà soát và cải tiến thường xuyên	5			

Tiêu chí 8. Bảo đảm cam kết chất lượng thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Tuyên bố cam kết bảo đảm chất lượng thống kê (CLTK 8.1)	Cơ quan không có văn bản nào đề cập đến việc cam kết bảo đảm chất lượng thống kê	1	Văn bản tuyên bố		
		Có văn bản đề cập đến việc cam kết bảo đảm chất lượng thống kê, nhưng không phải là một tuyên bố riêng	2			
		Có văn bản tuyên bố riêng cam kết bảo đảm chất lượng thống kê, nhưng không có văn bản tuyên bố cam kết chất lượng cho từng lĩnh vực thống kê	3			
		Có văn bản tuyên bố cam kết bảo đảm chất lượng thống kê cho từng lĩnh vực thống kê	4			
		Có văn bản tuyên bố cam kết bảo đảm chất lượng thống kê cho 100% lĩnh vực thống kê	5			
2	Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê (CLTK 8.2)	Không có đơn vị nào thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê	1	- Quyết định chức năng, nhiệm vụ; - Danh sách nhân lực làm quản lý chất		
		Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê nhưng chỉ giao cho cá nhân thực hiện kiêm nhiệm	2			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê nhưng chỉ giao cho cá nhân/ nhóm công tác thực hiện chuyên trách	3	lượng thống kê		
		Có đơn vị thực hiện chuyên trách nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê	4			
		Có đơn vị thực hiện chuyên trách nhiệm vụ quản lý chất lượng thống kê; Thành lập hội đồng chất lượng thống kê bao gồm các thành viên trong và ngoài cơ quan	5			
3	Có sổ tay hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê (CLTK 8.3)	Không có văn bản nào đề cập đến hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê	1	- Các văn bản liên quan; - Sổ tay hướng dẫn		
		Có văn bản đề cập đến hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê (nhưng không phải văn bản riêng)	2			
		Có văn bản riêng hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê, nhưng không phải sổ tay hướng dẫn	3			
		Có sổ tay hướng dẫn quản lý chất lượng thống kê được ban hành	4			
		Sổ tay hướng dẫn được ban hành và rà soát, cải tiến thường xuyên	5			
4	Công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê (CLTK 8.4)	Không có công chức, viên chức thống kê nào được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	1	- Danh sách công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê; - Danh sách công chức, viên chức thống kê thực hiện chức năng quản lý chất lượng thống kê được cấp chứng chỉ đánh giá viên		
		Có dưới 50% số công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	3			
		Từ 80% số công chức, viên chức thống kê trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê	4			
		Từ 80% số công chức, viên chức thống kê trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chất lượng thống kê; 100% công chức, viên chức thống kê thực hiện chức năng quản lý chất lượng thống kê được cấp chứng chỉ đánh giá viên	5			
5	Có kế hoạch bảo đảm chất lượng cho từng chương trình	Không có kế hoạch bảo đảm chất lượng cho chương trình thống kê nào trước khi thực hiện từng chương trình	1	- Danh sách các chương trình thống kê		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	thống kê trước khi thực hiện (CLTK 8.5)	Có dưới 50% số chương trình thống kê có kế hoạch bảo đảm chất lượng trước khi thực hiện chương trình	2	của cơ quan; số chương trình thống kê có kế hoạch đảm bảo chất lượng thống kê; - Các kế hoạch đảm bảo chất lượng thống kê.		
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê có kế hoạch bảo đảm chất lượng trước khi thực hiện chương trình	3			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê có kế hoạch bảo đảm chất lượng trước khi thực hiện chương trình	4			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê có kế hoạch bảo đảm chất lượng trước khi thực hiện chương trình Kế hoạch bảo đảm chất lượng của từng chương trình được thiết kế cho tất cả các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	5			
6	Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê (CLTK 8.6)	Chưa có bất kỳ văn bản nào quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê	1	- Văn bản quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê; - Văn bản ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê; - CSDL về hỏi và đáp các ý kiến về chất lượng thống kê.		
		Có văn bản quy định về việc tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhưng chưa phải là quy trình	2			
		Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê, nhưng không được ban hành dưới dạng quyết định	3			
		Có quyết định ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê	4			
		Có quyết định ban hành quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê. Có CSDL về hỏi và đáp các ý kiến về chất lượng thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê	5			
7	Thực hiện việc đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê	Không thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê	1	- Báo cáo chất lượng; - Cơ sở dữ liệu;		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	(CLTK 8.7)	Thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê của cơ quan nhưng không theo định kỳ hàng năm	2	- Đường dẫn đến web và các tài liệu liên quan…		
		Thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê của cơ quan theo định kỳ hàng năm	3			
		Thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê của cơ quan và của từng lĩnh vực thống kê theo định kỳ hàng năm	4			
		Thực hiện đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê của cơ quan và của từng lĩnh vực thống kê theo định kỳ hàng năm Có CSDL về đánh giá và báo cáo chất lượng thống kê trên website	5			
8	Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê (CLTK 8.8)	Không có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê	1	- Kế hoạch hành động; - Báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch hành động …		
		Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê nhưng không được lập theo định kỳ hàng năm	2			
		Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê của cơ quan được lập theo định kỳ hàng năm	3			
		Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê của cơ quan và của từng lĩnh vực thống kê được lập theo định kỳ hàng năm	4			
		Có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế về chất lượng thống kê của cơ quan và của từng lĩnh vực thống kê được lập theo định kỳ hàng năm; Có báo cáo tiến độ thường xuyên về việc thực hiện kế hoạch hành động	5			

Tiêu chí 9. Bảo đảm đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Bảo đảm nhân lực cho hoạt động thống kê	Không có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, dưới 80% số công chức,	1	- Văn bản biên chế; - Danh sách nhân lực,		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
	(CLTK 9.1)	viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp		trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo; - Đề án Vị trí việc làm; - Kế hoạch tăng cường năng lực cho công chức, viên chức thống kê		
		Không có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, 100% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp	2			
		Có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, dưới 80% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp	3			
		Có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, 100% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp	4			
		Có đủ số lượng nhân lực cho hoạt động thống kê, 100% số công chức, viên chức thống kê có trình độ chuyên môn phù hợp; Có kế hoạch tăng cường năng lực cho công chức, viên chức thống kê	5			
2	Bảo đảm kinh phí cho hoạt động thống kê (CLTK 9.2)	Kinh phí cho hoạt động thống kê không được cấp đủ 100% so với dự toán và không cấp đúng tiến độ	1	- Văn bản về kinh phí và tiến độ cấp kinh phí; - Kế hoạch huy động nguồn lực cho hoạt động thống kê.		
		Không áp dụng	2			
		Kinh phí cho hoạt động thống kê được cấp đủ 100% so với dự toán nhưng không được cấp đúng tiến độ	3			
		Kinh phí cho hoạt động thống kê được cấp đủ 100% so với dự toán và được cấp đúng tiến độ	4			
		Kinh phí cho hoạt động thống kê được cấp đủ 100% so với dự toán và được cấp đúng tiến độ; Có kế hoạch huy động nguồn lực cho hoạt động thống kê	5			
3	Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin và các nguồn lực khác cho hoạt động thống kê (CLTK 9.3)	Không có lĩnh vực thống kê nào được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	1	- Văn bản về đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông của các lĩnh		
		Có dưới 50% số lĩnh vực thống kê được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	2			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Từ 50% đến dưới 80% số lĩnh vực thống kê được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	3	vực thống kê; - Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông cho các hoạt động thống kê.		
		Từ 80% đến 100% số lĩnh vực thống kê được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông	4			
		Từ 80% đến 100% số lĩnh vực thống kê được đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông; Có kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông cho các hoạt động thống kê	5			

C. QUẢN LÝ CÁC QUY TRÌNH THỐNG KÊ

Tiêu chí 10. Bảo đảm tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Các phương pháp luận thống kê đang sử dụng đều phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực (CLTK 10.1)	Các lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê chưa chưa phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	1	- Báo cáo về áp dụng các phương pháp luận thống kê quốc tế; - Đường dẫn CSDL về phương pháp luận thống kê.		
		Dưới 50% lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	2			
		Từ 50% <100% lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	3			
		100% lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê đều phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực	4			
		100% lĩnh vực thống kê sử dụng phương pháp luận thống kê đều phù hợp với các tiêu chuẩn, thực hành thống kê tốt của quốc tế và khu vực; Có CSDL về phương pháp luận thống kê dùng chung	5			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
2	Quy định việc áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê (CLTK 10.2)	Chưa có quy định về áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê	1	- Tài liệu hướng dẫn; - Quyết định quy định…		
		Có nội dung đề cập đến việc áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê, nhưng được lồng ghép vào các văn bản khác	2			
		Có văn bản riêng đề cập đến việc áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê, nhưng không phải quyết định	3			
		Có quyết định ban hành quy định áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê	4			
		Có quyết định ban hành quy định áp dụng thống nhất các phương pháp luận thống kê; Xem xét mức độ thực hiện quyết định để kịp thời sửa đổi, bổ sung	5			
3	Hợp tác với các chuyên gia, nhà khoa học nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê (CLTK 10.3)	Chưa có hoạt động nào về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê	1	- Giấy/thư mời hợp tác, tham dự hội thảo; - Biên bản họp, làm việc; - Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn; - Các văn bản liên quan; - Các biên bản làm việc với chuyên gia; - CSDL về các chuyên gia		
		Mời các chuyên gia, nhà khoa học tham dự hội thảo, hội nghị khoa học về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê	2			
		Có văn bản hợp tác với các chuyên gia, nhà khoa học về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê	3			
		Hội đồng tư vấn về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê với các thành viên là các chuyên gia, nhà khoa họctrong và ngoài cơ quan	4			
		Hội đồng tư vấn về cải tiến và nâng cao hiệu quả áp dụng các phương pháp luận thống kê với các thành viên là các chuyên gia, nhà khoa họctrong và ngoài cơ quan; có CSDL về các chuyên gia, nhà khoa học về phương pháp luận thống kê cập nhật hàng năm	5			
4	Thực hiện việc đánh giá sự phù hợp của các hình thức	Chưa thực hiện đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá về sự phù hợp của các hình thức thu thập thông tin thống kê	1	Báo cáo đánh giá và tài liệu liên quan		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	thu thập dữ liệu, thông tin thống kê (CLTK 10.4)	Dưới 50% lĩnh vực thống kê thực hiện đánh giá và kết quả về sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê	2			
		Từ 50% <100% lĩnh vực thống kê thực hiện đánh giá và báo cáo sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê	3			
		100% lĩnh vực thống kê thực hiện đánh giá và báo cáo sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê	4			
		100% lĩnh vực thống kê thực hiện đánh giá và báo cáo sự phù hợp của các hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê; Tự liệu hóa hoạt động thực hiện đánh giá các hình thức thu thập thông tin thống kê	5			
5	Quy định việc sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu (CLTK 10.5)	Chưa có bất kỳ quy định nào về việc sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu	1	Văn bản quy định về sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu		
		Có nội dung hướng dẫn sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu, nhưng được lồng ghép với các tài liệu khác	2			
		Có tài liệu hướng dẫn sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu, nhưng chưa ở dạng quyết định	3			
		Có quyết định ban hành qui định sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu	4			
		Có quyết định ban hành qui định sử dụng các phương pháp phù hợp để hiệu chỉnh dữ liệu, gán dữ liệu còn thiếu; Có CSDL về hiệu chỉnh và gán dữ liệu còn thiếu	5			
6	Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng thường	Công chức, viên chức nào làm công tác thống kê chưa được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	1	- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	xuyên về phương pháp luận thống kê (CLTK 10.6)	Dưới 50% số công chức, viên chức làm công tác thống kê được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	2	của cơ quan; - Giấy triệu tập học viên; - Chứng chỉ bồi dưỡng; - Hồ sơ CCVC; - Giấy mời họp…		
		Từ 50% đến 100 % số công chức, viên chức làm công tác thống kê được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	3			
		100% công chức, viên chức làm công tác thống kê được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê	4			
		100% công chức, viên chứclàm công tác thống kê được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp luận thống kê; Ứng dụng CNTT trong việc quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng CCVC	5			

Tiêu chí 11. Bảo đảm sự phù hợp giữa hiệu quả và chi phí

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Thực hiện các biện pháp giám sát việc sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê (CLTK 11.1)	Chưa thực hiện các biên pháp giám sát việc sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê	1	- Báo cáo kết quả giám sát; - Quyết định ban hành các văn bản, quy định, quy chế; - Biên bản họp, thanh tra, kiểm tra...		
		Đã thực hiện các biện pháp giám sát, nhưng chưa có báo cáo kết quả giám sát việc sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê	2			
		Đã thực hiện các biện pháp giám sát, nhưng báo cáo kết quả giám sát được lồng ghép trong các báo cáo khác	3			
		Đã thực hiện các biện pháp giám sát và báo cáo kết quả giám sát sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê	4			
		Đã thực hiện các biện pháp giám sát và báo cáo kết quả giám sát sử dụng các nguồn lực cho hoạt động thống kê; Việc giám sát được tư liệu hóa	5			
2	Thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn	Chưa thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	1	- Báo cáo kết quả thực hiện các biện		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê (CLTK 11.2)	Đã thực hiện các biện pháp chuẩn hóa, nhưng chưa có báo có kết quả chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	2	pháp chuẩn hóa; - Quyết định ban hành; - Biên bản họp…		
		Đã thực hiện các biện pháp chuẩn hóa; nhưng kết quả chuẩn hóa được lồng ghép vào báo cáo khác	3			
		Đã thực hiện các biện pháp và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	4			
		Đã thực hiện các biện pháp và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê; Thành lập Hội đồng chuyên môn thực hiện các biện pháp chuẩn hóa các tiêu chuẩn thống kê và quy trình sản xuất thông tin thống kê	5			
3	Rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới (CLTK 11.3)	Chưa thực hiện rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới	1	- Báo cáo rà soát; - Quyết định thành lập Hội đồng rà soát; - Biên bản họp Hội đồng…		
		Đã thực hiện rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới, nhưng chưa có báo cáo kết quả rà soát	2			
		Đã thực hiện rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới, nhưng kết quả rà soát được lồng ghép trong báo cáo khác	3			
		Đã thực hiện rà soát và báo cáo kết quả rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới	4			
		Đã thực hiện rà soát và báo cáo kết quả rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới; Thành lập Hội đồng rà soát các dữ liệu nguồn sẵn có để sử dụng trước khi dự kiến thu thập dữ liệu mới	5			
4	Tham gia một cách chủ động với cơ quan quản lý cơ sở dữ	Chưa chủ động làm việc với bất kỳ cơ quản lý cơ sở dữ liệu hành chính	1	- Văn bản đề xuất; - Biên bản làm việc		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	liệu hành chính để cải thiện tiềm năng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê (CLTK 11.4)	Chủ động làm việc với dưới 50% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính	2	…		
		Chủ động làm việc từ 50% <100 cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính	3			
		Chủ động làm việc với 100% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính	4			
		Chủ động làm việc với 100% số cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hành chính; Tổ chức cuộc họp rà soát và có văn bản thỏa thuận	5			
5	Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thống kê (CLTK 11.5)	Chưa có kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê	1	- Kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê được phê duyệt; - Báo cáo thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT-TT …		
		Có kế hoạch và thực hiện dưới 50% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê	2			
		Có kế hoạch và thực hiện từ 50%<100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê	3			
		Có kế hoạch và thực hiện 100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê	4			
		Có kế hoạch và thực hiện 100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thống kê; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động thống kê	5			

Tiêu chí 12. Bảo đảm tính đúng đắn của việc thực hiện các chương trình thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng trong	Chưa thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê	1	Báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	từng bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê (CLTK 12.1)	Dưới 50% số chỉ tiêu và điều tra thống kê được kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê	2	kiểm soát chất lượng		
		Từ 50%<100% số chỉ tiêu và điều tra thống kê được kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê	3			
		100% số chỉ tiêu và điều tra thống kê được kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê	4			
		100% số chỉ tiêu và điều tra thống kê được kiểm soát chất lượng ở từng bước của quy trình biên soạn chỉ tiêu, quy trình điều tra thống kê; Cải tiến các biện pháp kiểm soát chất lượng bằng các cổng chất lượng	5			
2	Có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình thống kê (CLTK 12.2)	Chưa có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình thống kê	1	- Các dữ liệu hoặc đường dẫn đến dữ liệu; - Các tài liệu liên quan		
		Dưới 50% các chương trình thống kê có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình này	2			
		Từ 50% <100% các chương trình thống kê có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình này	3			
		100% các chương trình thống kê có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình này	4			
		100% các chương trình thống kê có dữ liệu về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình này; CSDL về hoạt động và chi phí thực hiện các chương trình thống kê được cập nhật thường xuyên	5			
3	Thực hiện việc đánh giá tính hiệu quả của chương trình thống kê (CLTK 12.3)	Chưa thực hiện đánh giá tính hiệu quả của các chương trình thống kê	1	- Các dữ liệu hoặc đường dẫn đến dữ liệu; - Các tài liệu liên quan		
		Dưới 50% các chương trình thống kê được đánh giá tính hiệu quả	2			
		Từ 50% <100 lượng chương trình thống kê được đánh giá tính hiệu quả	3			
		100% trở lên chương trình thống kê được đánh giá tính hiệu quả	4			
		100% trở lên chương trình thống kê được đánh giá tính hiệu quả; Thành lập Hội đồng đánh giá và cải tiến tính hiệu quả của các chương trình thống kê	5			

Tiêu chí 13. Quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
1	Có tài liệu hướng dẫn về quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin (CLTK 13.1)	Chưa có bất kì tài liệu hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	1	- Tài liệu; - Sổ tay hướng dẫn; - Đường dẫn đến tài liệu, sổ tay		
		Có tài liệu hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng được lồng ghép vào các tài liệu khác	2			
		Có tài liệu hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng chưa có quyết định ban hành	3			
		Có quyết định ban hành sổ tay hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	4			
		Có quyết định ban hành sổ tay hướng dẫn quản lý gánh nặng trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin; Có Sổ tay hướng dẫn điện tử và sổ tay được cập nhật thường xuyên	5			
2	Áp dụng các hình thức, phương pháp thu thập thông tin khác nhau và các tiêu chuẩn thống kê để giảm gánh nặng trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin (CLTK 13.2)	Chưa sử dụng CSDL hành chính nào cho mục đích thống kê; Chưa kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại cho bất kỳ cuộc điều tra nào	1	- Tên và đường dẫn của các CSDL hành chính được sử dụng cho hoạt động thống kê; - Các phương án điều tra thống kê		
		Dưới 50% các CSDL hành chính hiện có được sử dụng cho mục đích thống kê; Dưới 50% các cuộc điều tra kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại	2			
		Từ 50% <80% các CSDL hành chính hiện có được sử dụng cho mục đích thống kê; Từ 50% <80% các cuộc điều tra kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại	3			
		Từ 80%<100% các CSDL hành chính hiện có được sử dụng cho mục đích thống kê; Từ 80%<100% các cuộc điều tra kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại	4			
		100% các CSDL hành chính hiện có được sử dụng cho mục đích thống kê; 100% các cuộc điều tra kết hợp phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại	5			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
3	Có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin (CLTK 13.3)	Chưa có quy trình tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	1	- Tài liệu về quy trình; - Quyết định ban hành quy trình; - Đường dẫn CSDL		
		Có thực hiện tiếp nhận, trả lời ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, nhưng chưa thực hiện theo quy trình	2			
		Thực hiện tiếp nhận, trả lời ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo quy trình, những chưa có quyết định ban hành	3			
		Có quyết định ban hành quy trình và thực hiện tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo quy trình	4			
		Có quyết định ban hành quy trình và thực hiện tiếp nhận, trả lời và tư liệu hóa các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo quy trình; CSDL hỏi và đáp về các ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin	5			
4	Thực hiện việc đánh giá phiếu điều tra, mẫu biểu báo cáo thống kê để xác định các hạn chế của chúng (CLTK 13.4)	Chưa thực hiện đánh giá phiếu điều tra, mẫu biểu báo thống kê trong thiết kế và sau sử dụng	1	Báo cáo đánh giá phiếu điều tra, biểu mẫu báo cáo…		
		Dưới 50% các loại phiếu điều tra, biểu mẫu báo cáo thống kê được đánh giá trong thiết kế và sau sử dụng	2			
		Từ 50% đến 100% các loại phiếu điều tra, mẫu biểu báo thống kê được đánh giá trong thiết kế và sau sử dụng	3			
		100% các loại phiếu điều tra, biểu mẫu báo cáo thống kê được đánh giá trong quá trình thiết kế và khi sử dụng	4			
		100% các loại phiếu điều tra, biểu mẫu báo cáo thống kê được đánh giá trong quá trình thiết kế và khi sử dụng; Có ngân hàng câu hỏi phục vụ thiết kế điều tra và biểu mẫu báo cáo thống kê	5			

D. QUẢN LÝ CÁC KẾT QUẢ ĐẦU RA THỐNG KÊ

Tiêu chí 14. Bảo đảm tính phù hợp

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
1	Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê (CLTK 14.1)	Không có bất kỳ dữ liệu nào về người sử dụng thông tin thống kê	1	Dữ liệu, cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê …		
		Có một số dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê, nhưng chưa ở dạng cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê	2			
		Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê, nhưng cơ sở dữ liệu này không được rà soát, cập nhật hàng năm	3			
		Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê được rà soát, cập nhật hàng năm	4			
		Có cơ sở dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê được rà soát, cập nhật hàng năm; Có báo cáo phân tích dữ liệu về người sử dụng thông tin thống kê hàng năm để hỗ trợ việc thiết lập ưu tiên và tư vấn người sử dụng	5			
2	Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê (CLTK 14.2)	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	1	Các tài liệu, kết quả tham khảo ý kiến		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	3			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê	4			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê; Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê về các nội dung của chiến lược, kế hoạch công tác thống kê và công khai các kết quả này	5			
3	Xác định và phản ánh nhu cầu ưu tiên của người sử	Không xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê	1	- Văn bản xác định nhu cầu ưu tiên của		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	dụng thông tin thống kê vào chiến lược, kế hoạch công tác của cơ quan (CLTK 14.3)	Xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê, nhưng không phản ánh những nhu cầu này vào chiến lược, kế hoạch công tác của cơ quan	2	người sử dụng thông tin thống kê; - Chiến lược dài hạn, kế hoạch công tác trung hạn, hàng năm của cơ quan…		
		Xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê nhưng chỉ phản ánh những nhu cầu này vào chiến lược dài hạn, không phản ánh những nhu cầu này vào kế hoạch hàng năm của cơ quan	3			
		Xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê và phản ánh những nhu cầu này vào chiến lược dài hạn và hàng năm của cơ quan	4			
		Xác định nhu cầu ưu tiên của người sử dụng thông tin thống kê và phản ánh những nhu cầu này vào chiến lược dài hạn và hàng năm của cơ quan; Có CSDL về các nhu cầu ưu tiên	5			
4	Xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê (CLTK 14.4)	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	1	- Chương trình hành động; - Báo cáo tiến độ, kết quả hực hiện chương trình hành động.		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	3			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê	4			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê; Chương trình hành động về cải thiện tính phù hợp của thông tin thống kê thường xuyên được rà soát, điều chỉnh để đáp ứng các nhu cầu mới nổi	5			
5	Xác định tỷ lệ đầy đủ của số	Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1	Danh sách các chỉ		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	liệu thống kê (CLTK 14.5)	Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ 2 ≤ X < 3	2	tiêu thống kê chủ yếu của cơ quan có công bố tỷ lệ đầy đủ.		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ 3 ≤ X < 4	3			
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ 4≤ X < 5	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu X = 5	5			

Tiêu chí 15. Bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê (CLTK 15.1)	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	1	- Văn bản có chứa kết quả đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê của các chương trình thống kê; - Văn bản ban hành/ hướng dẫn quy trình đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	3			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	4			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê; Có quy trình đánh giá và xác nhận tính hợp lý của dữ liệu nguồn với kết quả thống kê	5			
2	Thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu (CLTK 15.2)	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	1	Danh sách các chương trình thống kê của cơ quan có thực hiện việc đánh giá sai số chọn mẫu		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	2			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	3	và kết quả đánh giá		
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	4			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu; Có quy trình đánh giá một cách hệ thống sai số chọn mẫu	5			
3	Thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu (CLTK 15.3)	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	1	- Văn bản có chứa kết quả đánh giá sai số chọn mẫu của các chương trình thống kê; - Văn bản ban hành/ hướng dẫn quy trình đánh giá một cách Hệ thống sai số chọn mẫu; - Danh sách các chương trình thống kê của cơ quan có thực hiện việc đánh giá sai số phi chọn mẫu và kết quả đánh giá.		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	3			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	4			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê thực hiện việc đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu; Có quy trình đánh giá một cách hệ thống sai số phi chọn mẫu	5			
4	Xác định tỷ lệ vượt quá phạm vi (CLTK 15.4)	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1	Danh sách các cuộc điều tra của cơ quan có công bố tỷ lệ vượt quá phạm vi.		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 3 ≤ X < 4	3			
		Mức đáp ứng trung bình của cáccuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 4≤ X < 5	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu X = 5	5			
5	Xác định tỷ lệ đơn vị không trả lời (CLTK 15.5)	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 1 ≤ X < 2	1	Danh sách các cuộc điều tra của cơ quan có công bố tỷ lệ đơn vị không trả lời.		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 2 ≤ X < 3	2			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 3 ≤ X < 4	3			
		Mức đáp ứng trung bình của cáccuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 4≤ X < 5	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu X = 5	5			
6	Xác định tỷ lệ khoản mục không trả lời (CLTK 15.6)	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 1 ≤ X < 2	1	Danh sách các cuộc điều tra của cơ quan có công bố tỷ lệ khoản mục không trả lời.		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 2 ≤ X < 3	2			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 3 ≤ X < 4	3			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
		Mức đáp ứng trung bình của cáccuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 4≤ X < 5	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu X = 5	5			
7	Xác định quy mô trung bình điều chỉnh số liệu thống kê (CLTK 15.7)	Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ 1 ≤ X < 2	1	Danh sách các chỉ tiêu thống kê của cơ quan có công bố quy mô trung bình điều chỉnh số liệu thống kê.		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ 2 ≤ X < 3	2			
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ 3 ≤ X < 4	3			
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ 4≤ X < 5	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu X = 5	5			
8	Xác định tỷ lệ gán số liệu còn thiếu (CLTK 15.8)	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 1 ≤ X < 2	1	Danh sách các cuộc điều tra của cơ quan có công bố tỷ lệ gán số liệu còn thiếu.		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 2 ≤ X < 3	2			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 3 ≤ X < 4	3			
		Mức đáp ứng trung bình của cáccuộc điều tra thống kê chủ yếu từ 4≤ X < 5	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê chủ yếu X = 5	5			

Tiêu chí 16. Bảo đảm tính kịp thời và tính đúng hạn

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Xác định thời gian trễ của kết quả đầu ra thống kê được công bố lần đầu (CLTK 16.1)	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1	Danh sách các cuộc điều tra hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu của cơ quan có xác định thời gian trễ của kết quả đầu ra thống kê được công bố lần đầu.		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu $X = 5$	5			
2	Xác định thời gian trễ của kết quả đầu ra thống kê được công bố cuối cùng (CLTK 16.2)	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1	Danh sách các cuộc điều tra hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu của cơ quan có xác định thời gian trễ của kết quả đầu ra thống kê được công bố cuối cùng.		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu $X = 5$	5			
3	Xác định tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê (CLTK 16.3)	Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1	Danh sách các cuộc điều tra hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu của cơ quan có xác định tính đúng hạn		
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*	Mã số	Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3	của kết quả đầu ra thống kê.		
		Mức đáp ứng trung bình của cáccuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $4 \leq X < 5$	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các cuộc điều tra thống kê hoặc chỉ tiêu thống kê chủ yếu $X = 5$	5			
4	Xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê (CLTK 16.4)	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	1	- Chương trình hành động; - Báo cáo tiến độ, kết quả hực hiện chương trình hành động.		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	3			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	4			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê xây dựng và thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê; Có báo cáo riêng đánh giá về thực hiện chương trình hành động về cải thiện tính kịp thời và tính đúng hạn của kết quả đầu ra thống kê	5			

Tiêu chí 17. Bảo đảm tính dễ tiếp cận, rõ ràng và dễ hiểu

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
1	Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê (CLTK 17.1)	Không có đơn vị nào thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê	1	Quyết định thành lập, giao nhiệm vụ, tài liệu lưu trữ về các hoạt động hỗ trợ…		
		Không áp dụng	2			
		Không áp dụng	3			
		Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê	4			
		Có đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin thống kê; Tư liệu hóa các trường hợp hỗ trợ người sử dụng thông tin	5			
2	Có quy định việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê để bảo đảm dễ tiếp cận, rõ ràng, dễ hiểu (CLTK 17.2)	Không có bất kỳ quy định nào về việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê	1	Văn bản trong đó có chứa quy định về việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê.		
		Có quy định việc trình bày và lưu trữ một trong các dạng sau: Số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê	2			
		Có quy định việc trình bày và lưu trữ 2 trong các dạng sau: Số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, các xuất bản phẩm thống kê	3			
		Có quy định việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, và các xuất bản phẩm thống kê để bảo đảm dễ tiếp cận, rõ ràng, dễ hiểu	4			
		Có quy định việc trình bày và lưu trữ số liệu thống kê, dữ liệu đặc tả thống kê, và các xuất bản phẩm thống kê để bảo đảm dễ tiếp cận, rõ ràng, dễ hiểu; Quy định này được rà soát, cải tiến thường xuyên	5			
3	Có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê (CLTK 17.3)	Không có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê	1	Danh mục các xuất bản phẩm, dịch vụ thống kê.		
		Có danh mục các xuất bản phẩm hoặc dịch vụ thống kê	2			
		Có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê, nhưng không được rà soát, cập nhật hàng năm	3			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có danh mục các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê được rà soát, cập nhật hàng năm	4			
		Có danh mục điện tử các xuất bản phẩm và dịch vụ thống kê đươc rà soát, cập nhật hàng năm và công khai trên web	5			
4	Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê (CLTK 17.4)	Chưa có kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê	1	- Kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động phổ biến và lưu trữ thông tin thống kê được phê duyệt; - Báo cáo thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT-TT		
		Có kế hoạch và thực hiện dưới 50% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê	2			
		Có kế hoạch và thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động phổ biến, lưu trữ thông tin thống kê	3			
		Có kế hoạch và thực hiện 80 đến 100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thông tin thống kê	4			
		Có kế hoạch và thực hiện 80 đến 100% kế hoạch ứng dụng CNTT-TT trong các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thông tin thống kê được phổ biến dạng điện tử; Có Hệ thống lưu trữ thông tin thống kê	5			
5	Có quy định việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô (CLTK 17.5)	Không có bất kỳ văn bản nào quy định về việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô	1	- Văn bản quy định; - Quy trình cấp quyền truy cập; - CSDL lưu trữ về việc truy cập dữ liệu vi mô…		
		Không áp dụng	2			
		Không áp dụng	3			
		Có văn bản quy định việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô	4			
		Có văn bản quy định và quy trình quản lý việc truy cập vào cơ sở dữ liệu thống kê vi mô	5			
6	Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích	Công chức, viên chức thống kê không được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	1	Danh sách CCVC được đào tạo/tổng số CCVC của đơn vị		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn (CLTK 17.6)	Có dưới 50% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	2	chia theo từng lớp.		
		Từ 50% đến dưới 80% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	3			
		Từ 80% đến 100% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	4			
		Từ 80% đến 100% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng; Các khóa đào tạo về các kỹ năng này được đổi mới, cải tiến thường xuyên	5			

Tiêu chí 18. Bảo đảm tính chặt chẽ và tính so sánh

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Thực hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê (CLTK 18.1)	Không có bất kỳ chương trình thống kê nào hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	1	Văn bản và tài liệu đánh giá		
		Có dưới 50% số chương trình thống kê hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số chương trình thống hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	3			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê	4			
		Từ 80% đến 100% số chương trình thống kê hiện việc đánh giá tính chặt chẽ và tính so sánh của số liệu thống kê; Việc đánh giá được tư liệu hóa	5			
2	Có cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn	Không lưu trữ bất kỳ dữ liệu nào về tiêu chuẩn thống kê	1	Văn bản và tài liệu		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	thống kê dùng chung (CLTK 18.2)	Các dữ liệu về tiêu chuẩn thống kê không được lưu trữ tập trung ở cùng một đơn vị	2	đánh giá		
		Các dữ liệu về tiêu chuẩn thống kê được lưu trữ tập trung ở cùng một đơn vị, nhưng chưa hình thành cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung	3			
		Có cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung	4			
		Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn thống kê dùng chung được cập nhật, nâng cấp, cải tiến thường xuyên	5			
3	Biên soạn số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau đều dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê (CLTK 18.3)	Không có các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê để biên soạn số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau	1	Văn bản và tài liệu đánh giá		
		Số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, nhưng không dựa trên các tiêu chuẩn chung về đơn vị và phân loại thống kê	2			
		Số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị nhưng không dựa trên các tiêu chuẩn chung về phân loại thống kê	3			
		Số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau đều dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê	4			
		Số liệu thống kê từ các nguồn dữ liệu và chu kỳ khác nhau đều dựa trên các tiêu chuẩn chung về phạm vi, định nghĩa, đơn vị và phân loại thống kê; Việc biên soạn số liệu thống kê được tư liệu hóa	5			
4	Xác định độ dài của dãy số thời gian có tính so sánh (CLTK 18.4)	Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1	Danh sách các chỉ tiêu thống kê của cơ quan có xác định độ dài của dãy số thời gian có tính so sánh		
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $2 \leq X < 3$	2			
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ $3 \leq X < 4$	3			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu từ 4≤ X < 5	4			
		Mức đáp ứng trung bình của các chỉ tiêu thống kê chủ yếu X = 5	5			
5	Có giải thích về các trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian (CLTK 18.5)	Không đưa ra giải thích về bất kỳ một trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian nào	1	Danh sách các chỉ tiêu thống kê của cơ quan có giải thích về các trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian		
		Có dưới 50% số trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được giải thích rõ ràng	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được giải thích rõ ràng	3			
		Từ 80% đến 100% số trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được giải thích rõ ràng	4			
		Từ 80% đến 100% số trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được giải thích rõ ràng; Việc giải thích về các trường hợp ngắt quãng trong dãy số thời gian được công khai trên website	5			

Tiêu chí 19. Quản lý dữ liệu đặc tả thống kê

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
1	Có tài liệu hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê (CLTK 19.1)	Không có bất kỳ tài liệu nào đề cập đến hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê	1	Tài liệu hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê; Sổ tay hướng dẫn; Tài liệu có mục		
		Có tài liệu đề cập đến các hướng dẫn biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê, nhưng không phải văn bản riêng	2			

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
		Có tài liệu riêng hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê (không phải sổ tay hướng dẫn)	3	hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả; Các đường dẫn để công khai tài liệu hướng dẫn; QĐ điều chỉnh, sửa đổi tài liệu hướng dẫn; các phiên bản tài liệu hướng dẫn khác nhau…		
		Có sổ tay hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê được ban hành	4			
		Có sổ tay hướng dẫn việc biên soạn dữ liệu đặc tả thống kê được ban hành và được rà soát, cải tiến thường xuyên	5			
2	Công bố và phổ biến số liệu thống kê kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê (CLTK 19.2)	Chỉ công bố và phổ biến số liệu thống kê mà không công bố kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng hoặc không chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê	1	Văn bản và tài liệu liên quan		
		Có dưới 50% số chỉ tiêu thống kê được công bố và phổ biến kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê	2			
		Từ 50% đến dưới 80% số chỉ tiêu thống kê được công bố, phổ biến kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả	3			
		Từ 80% đến 100% số chỉ tiêu thống kê được công bố, phổ biến kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê	4			
		Từ 80% đến 100% số chỉ tiêu thống kê được công bố và phổ biến kèm theo dữ liệu đặc tả thống kê tương ứng, hoặc có chỉ dẫn đến dữ liệu đặc tả thống kê; Việc công bố và phổ biến được công khai trên website	5			
3	Có cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung	Không lưu trữ bất kỳ dữ liệu đặc tả thống kê nào	1	Cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	(CLTK 19.3)	Các dữ liệu đặc tả thống kê không được lưu trữ tập trung ở cùng một đơn vị	2			
		Các dữ liệu đặc tả thống kê được lưu trữ tập trung ở cùng một đơn vị, nhưng chưa hình thành cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung	3			
		Có cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung	4			
		Cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê dùng chung được cập nhật, nâng cấp, cải tiến thường xuyên	5			
4	Công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu đặc tả thống kê (CLTK 19.4)	Công chức, viên chức thống kê không được đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu đặc tả thống kê	1	Danh sách công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu đặc tả thống kê		
		Có dưới 50% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	2			
		Từ 50% đến dưới 80% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	3			
		Từ 80% đến 100% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn	4			
		Từ 80% đến 100% công chức, viên chức thống kê được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng: Viết báo cáo phân tích thống kê; viết giải thích số liệu thống kê; viết thông cáo báo chí; trả lời phỏng vấn; Các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng này được đổi mới, cải tiến thường xuyên	5			
5	Xác định tỷ lệ đầy đủ của dữ liệu đặc tả thống kê	Mức đáp ứng tb của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu từ $1 \leq X < 2$	1	DS các cuộc điều tra hoặc chỉ tiêu thống		

TT	Nội dung tiêu chí	Đánh giá mức độ đạt của nội dung tiêu chí (*Khoanh tròn vào mã số phù hợp nhất)*		Nguồn bằng chứng tham khảo	Bằng chứng thực tế	Ghi chú
A	**B**	**C**	**D**	**E**	**F**	**G**
	(CLTK 19.5)	Mức đáp ứng tb của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu từ 2 ≤ X < 3	2	kê chủ yếu xác định tỷ lệ đầy đủ của dữ liệu đặc tả thống kê		
		Mức đáp ứng TB của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu từ 3 ≤ X < 4	3			
		Mức đáp ứng TB của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu từ 4≤ X < 5	4			
		Mức đáp ứng TB của các chỉ tiêu thống kê/điều tra chủ yếu X = 5	5			

BÁO CÁO THAM LUẬN
Các giải pháp nâng cao năng lực của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng

Trong những năm gần đây, hệ thống Thống kê Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đang ngày càng hoàn thiện, đổi mới, sáng tạo nhằm nâng cao năng lực, vai trò, vị thế và đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê trong tình hình mới. Vì vậy, phấn đấu nâng cao năng lực trong hệ thống Thống kê luôn là vấn đề được Lãnh đạo Tổng cục Thống kê, các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thống kê, trong đó có Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện.

1. Đặc điểm tình hình

Cao Bằng là tỉnh một miền núi biên giới phía Bắc của Tổ quốc, có tổng diện tích tự nhiên 6.700 km^2, đường biên giới tiếp giáp Trung Quốc dài 333 km. Tỉnh có 12 huyện và 01 thành phố, với 199 xã, phường, thị trấn. Trong đó, có 137 xã đặc biệt khó khăn, 46 xã, thị trấn biên giới. (huyện xa nhất cách trung tâm thành phố Cao Bằng 180 km); Dân số trung bình toàn tỉnh năm 2019 có 530,7 nghìn người, mật độ dân số là 79,2 người/km^2, dân cư phân bố không đồng đều, nơi có mật độ cao nhất là thành phố Cao Bằng 687 người/km^2; thấp nhất là huyện Thạch An 43 người/km^2.

Cơ cấu tổ chức bộ máy Cục Thống kê có 6 phòng và 13 Chi cục Thống kê các huyện, thành phố. Hiện nay, tổng số công chức Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng có mặt đến ngày 31/12/2019 là 76/89 người, thiếu 13 người so với biên chế được giao. Trong đó công chức nữ là 45/76 công chức, chiếm 59,21%. Tại Văn phòng Cục có 24 công chức (chiếm 31%).; đảng viên 39/76 công chức chiếm 51,31%; trình độ Đại học chiếm 69,74%, Cao đẳng chiếm 21,05%, Trung cấp chiếm 9,21%. Số lượng công chức có mặt ở mỗi đơn vị còn thiếu so với biên chế được giao. Mỗi phòng, Chi cục có từ 3-5 công chức.

2. Kết quả đạt được

- Thuận lợi: Được sự quan tâm, chỉ đạo, sát sao của Tổng cục Thống kê và Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về mọi mặt, cơ sở vật chất của Cục Thống kê cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng cục Thống kê về phương pháp, chế độ báo cáo theo quy định, hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác. Các tổ chức Đảng, đoàn thể ở cơ quan đã nêu cao được vai trò, trách nhiệm trong công tác; phát huy được trí tuệ tập thể và trí tuệ của mỗi công chức, đảm bảo sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ, góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành.

- Khó khăn: Là tỉnh miền núi cao, địa hình cơ sở bị chia cắt, giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng nhất định đến công tác Thống kê; Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là chất lượng công chức lãnh đạo so với tiêu chuẩn quy định nên công tác quy hoạch xây dựng nguồn lãnh đạo các cấp còn chậm và thiếu. Cơ sở hạ tầng

CNTT chưa thật sự đáp ứng trong tình hình mới; việc trưng dụng các Điều tra viên ngoài ngành tham gia điều tra ở một số huyện còn khó khăn do công thù lao điều tra thấp, tiếp xúc và đi lại khó khăn...

Với những thuận lợi và khó khăn như trên, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Tổng cục Thống kê, sự quan tâm của Cấp ủy, chính quyền địa phương, năm 2019 Cục Thống kê Cao Bằng đã đạt được một số kết quả nhất định sau:

Với vai trò là cơ quan thường trực, đã tham mưu chỉ đạo tổ chức thực hiện thực hiện tốt cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, với 100 % địa bàn điều tra ứng dụng CNTT để thu thập, xử lý dữ liệu. Tổ chức thực hiện tốt các cuộc điều tra tra như Điều tra thu thập thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số, các cuộc điều tra định kỳ, thường xuyên như Điều tra doanh nghiệp, khảo sát mức sống dân cư, điều tra lao động việc làm, cá thể, Điều tra trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, vận tải, nông, lâm nghiệp và thủy sản, giá, xây dựng và vốn đầu tư …Các cuộc điều tra đều được tổ chức thực hiện theo đúng phương án quy định, đảm bảo thời gian và chất lượng số liệu.

Về xử lý thông tin các cuộc điều tra được thực hiện theo quy định của phương án điều tra. Công tác kiểm tra, soát xét, nghiệm thu, xác minh số liệu được thực hiện nghiêm túc ở các cấp để chỉnh sửa, hoàn thiện, đảm bảo chất lượng phiếu điều tra.

Nâng cao chất lượng báo cáo chuyên ngành, báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của địa phương gửi Tổng cục Thống kê. Cung cấp số liệu kịp thời phục vụ Cấp ủy, chính quyền địa phương trong các kỳ họp, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, xây dựng văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh và cung cấp số liệu cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin thống kê theo quy định của pháp luật thông qua các báo cáo thường xuyên, định kỳ, khi có yêu cầu đột xuất.

Thực hiện biên soạn các ấn phẩm để phổ biến thông tin thống kê như: tờ gấp số liệu thống kê kinh tế - xã hội chủ yếu; ấn phẩm tổng quan kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2010-2019; ấn phẩm kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017; kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; biên soạn các tài liệu: Kiến thức thống kê cơ bản, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã gắn với ứng dụng CNTT, hướng dẫn tính thu nhập bình quân đầu người của thôn, xã, một số nghiệp vụ công tác thống kê cơ bản để tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng thống kê cơ sở của các xã/phường/thị trấn.

Về ứng dụng CNTT: Công tác quản lý điều hành ứng dụng Trang hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp (Ioffice và Eoffice) trong toàn ngành để thực hiện công tác chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo nhanh, hiệu quả, tiết kiệm. Tổ chức thực hiện các cuộc điều tra gắn với ứng dụng CNTT đều thực hiện triệt để theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

Trong hoạt động ứng dụng CNTT đã phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu triển khai xây dựng trang Web hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng. Theo đó, các đơn vị cử công chức phụ trách và được cấp tài khoản để cập nhật dữ liệu và theo dõi, tổng hợp thông tin Thống kê; Triển khai tập huấn

ứng dụng CNTT gắn với Hệ thống chỉ tiêu Thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thông qua trang Web Hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng, gồm các đối tượng là công chức ngành Thống kê, các Sở, ngành, cấp huyện, cấp xã, với số lượng trên 400 người tham gia.

Về công tác bồi dưỡng, đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức luôn được tạo điều kiện nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức. Hiện nay, Cục Thống kê có 02 công chức đang học lớp Cao học; 09 công chức học đại học tại chức, 03 đồng chí theo học lớp trung cấp lý luận chính trị, 04 đồng chí đang học cao cấp lý luận chính trị, 01 đồng chí đã tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị. Trong năm, 04 đồng chí tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị, 01 đồng chí học xong lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp phòng và 01 đồng chí học lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở, ngành. Có 03 đồng chí học bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thống kê viên trình độ đại học, cao đẳng và 02 đồng chí học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê do Tổng cục Thống kê tổ chức.

Trong năm 2019, Cục Thống kê đã liên kết với Khoa Thống kê (Trường Đại học Kinh tế quốc dân) mở lớp bồi dưỡng kỹ năng phân tích, dự báo thống kê cho 100% công chức trong đơn vị; Phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Thống kê cho đội ngũ làm công tác Thống kê xã, phường, thị trấn với tổng số 398 học viên, chia thành 05 lớp. Mở lớp tập huấn bồi dưỡng về kỹ năng soạn thảo, thể thức văn bản, sử dụng Trang hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp (Ioffice và Eoffice) thuận tiện, phát huy hiệu quả, thuận lợi trong quá trình sử dụng, được tổ chức thành 02 đợt với 100% công chức tham dự ở mỗi đợt.

Về công tác kiểm tra, giám sát: Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai các cuộc thanh tra, thanh tra độc lập và giám sát, kiểm tra công vụ. Trên cơ sở đó, kiểm tra, theo dõi sát sao từng công việc để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ, đôn đốc thực hiện. Kịp thời chấn chỉnh các sai sót trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng công tác Thống kê.

Trong công tác quản lý và sử dụng kinh phí, luôn bám sát các quy định về tài chính hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê để quản lý, điều hành và ban hành các văn bản hướng dẫn các Chi cục thực hiện theo đúng quy định.

3. Một số giải pháp nâng cao năng lực của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng

Một là, thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành, bảo đảm sự thống nhất trong tập thể Cấp ủy, lãnh đạo. Tiếp tục phát huy thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan Cục Thống kê. Thực hiện quy chế giao ban trong lãnh đạo và giao ban giữa lãnh đạo cơ quan với lãnh đạo các phòng, Chi cục để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, đồng thời triển khai các nhiệm vụ, chỉ đạo của cấp trên, phát huy sức mạnh đoàn kết, trí tuệ các công chức và tập thể, đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên quan tâm và tăng cường sự phối hợp giữa chi bộ Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị, đoàn thể tạo thành sức mạnh tổng hợp để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Hai là, chủ động xây dựng đổi mới, sắp xếp bộ máy tổ chức ngành Thống kê (dự thảo), thực hiện tốt công tác luân chuyển, điều động, bổ nhiệm theo hướng dẫn và đảm bảo phát huy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, trong đó chú trọng gắn với Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính của tỉnh, mô hình sắp xếp lại các phòng, liên Chi cục theo chủ trương của Tổng cục Thống kê đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, nâng cao năng lực của hệ thống thống kê trên cơ sở tập trung vào nâng cao cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, cơ sở hạ tầng CNTT; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn CNTT cho công chức thống kê từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Từ đó, đẩy mạnh việc ứng dụng, sử dụng CNTT trong hoạt động Thống kê theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê từ khâu lập bảng kê, chọn mẫu, điều tra, tổng hợp, xử lý và khai thác kết quả thông tin điều tra... Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai trang Web Hệ thống Chỉ tiêu Thống kê kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng gắn với việc triển khai Hệ thống chỉ tiêu Thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã gắn với sử dụng CNTT trong thực hiện (nhập dữ liệu và khai thác, tổng hợp số liệu qua trang Web).

Bốn là, tăng cường công tác biên soạn, phổ biến thông tin thống kê gửi Tổng cục Thống kê, đồng thời đảm bảo cung cấp thông tin thống kê, khách quan, đầy đủ, kịp thời phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND đồng thời, đáp ứng nhu cầu thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Tăng cường phổ biến, tuyên truyền thông tin thống kê ngày càng đa dạng, dưới nhiều hình thức, công khai, minh bạch số liệu thống kê.

Năm là, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác thống kê, kiến thức chính trị, quốc phòng cho công chức ngành Thống kê tỉnh Cao Bằng và đội ngũ công chức Văn phòng Thống kê cấp xã nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác thống kê.

Sáu là, tiếp tục tuyên truyền, triển khai Luật Thống kê năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành bảo đảm tuyên truyền, quán triệt sâu rộng, đồng bộ tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và nhân dân trong tỉnh. Xây dựng Quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin Thống kê với một số sở, ngành để chia sẻ thông tin Thống kê.

Bảy là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động Thống kê, kiểm tra công vụ nhằm nâng cao chất lượng số liệu thống kê và hoạt động quản lý điều hành hệ thống thống kê.

Trên đây là báo cáo tham luận về "*Các giải pháp nâng cao năng lực của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng"*. Là một đơn vị có quy mô nhỏ, thành tích và kinh nghiệm chưa nhiều, báo cáo không tránh khỏi có phần thiếu sót, Cục Thống kê Cao Bằng rất mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo, góp ý của các đồng chí Lãnh đạo Tổng cục Thống kê, các Vụ, đơn vị bạn, để Cục Thống kê Cao Bằng phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại, hạn chế, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ hơn nữa trong thời gian tới./.

II. CÁC BÁO CÁO, THAM LUẬN KHÔNG TRÌNH BÀY TẠI HỘI NGHỊ

BÁO CÁO
Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê

I. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC THỐNG KÊ

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất thông tin thống kê

1.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập và xử lý thông tin:

- Từng bước chuẩn hóa dữ liệu đầu vào. Với sự giúp đỡ kỹ thuật của các chuyên gia cơ quan thống kê Ý (trong khuôn khổ dự án hỗ trợ kỹ thuật của Chính phủ Ý) đã thực hiện các công việc chuẩn bị để thu thập dữ liệu đầu vào đồng bộ, thống nhất theo tiêu chuẩn.

- Chuyển từ phương thức điều tra truyền thống trên phiếu giấy sang điều tra trên phiếu điện tử:

+ Đã sử dụng phiếu điều tra điện tử trên thiết bị di động và phiếu điện tử trực tuyến để thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 đối với cả phiếu toàn bộ và phiếu mẫu, đạt tỷ lệ trên 99,9%.

+ Đã mở rộng việc sử dụng phiếu điều tra điện tử trên thiết bị di động (CAPI) ở phạm vi toàn quốc trong các cuộc điều tra: CPI, lao động việc làm, biến động dân số, KHHGĐ, điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội 53 dân tộc thiểu số và một số cuộc điều tra thí điểm khác.

- Chuyển từ phương pháp điều tra trực tiếp sang điều tra gián tiếp:

+ Đã sử dụng phương thức điều tra bằng phiếu điện tử trực tuyến trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tuy tỷ lệ phiếu trả lời trực tuyến chưa cao, song bước đầu khẳng định tính khả thi của các công cụ công nghệ thông tin phục vụ phương pháp điều tra gián tiếp (đơn vị điều tra tự khai phiếu điều tra và gửi lại cho cơ quan thống kê) ở Việt Nam hiện nay.

+ Đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng hệ thống điều tra trực tuyến (do thống kê Nhật Bản trợ giúp kỹ thuật). Hệ thống này sẽ phục vụ các cuộc điều tra sử dụng phiếu điện tử theo phương pháp điều tra gián tiếp. Cơ quan thống kê các cấp sẽ được phân quyền để thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát trên hệ thống trong phạm vi được phân công.

- Chuyển từ quản lý dữ liệu phân tán sang quản lý tập trung:

+ Đến nay, ngoài các cuộc điều tra sử dụng phiếu điều tra điện tử, một số cuộc điều tra theo hình thức truyền thống sử dụng phiếu giấy đã được chuyển từ hình thức quản lý dữ liệu phân tán sang quản lý tập trung, như: điều tra cây trồng nông nghiệp, điều tra chăn nuôi, điều tra thủy sản, điều tra IIP, điều tra tổng mức bán lẻ; điều tra vận tải, kho bãi; điều tra du lịch, dịch vụ, điều tra xuất

nhập khẩu dịch vụ, điều tra cá thể, …). Việc tập trung hóa dữ liệu vừa nâng cao tính đồng bộ, thống nhất và thuận lợi cho giám sát vừa tạo tiền đề xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu đầu vào.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cuộc điều tra ở nhiều khâu hơn:

+ Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong hầu hết các khâu của quy trình Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, như lập và rà soát bảng kê, chọn mẫu, thu thập thông tin thực địa, truyền đưa, đồng bộ dữ liệu, kiểm tra làm sạch dữ liệu, tổng hợp, suy rộng, phân tích và công bố kết quả. Trong đó, các công cụ phục vụ quá trình theo dõi tiến độ, kiểm tra, giám sát cuộc điều tra mang lại hiệu quả cao. Việc ứng dụng mạnh công nghệ thông tin trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 vừa qua đã góp phần quan trọng rút ngắn thời gian cuộc điều tra (trên 1 năm) và nâng cao chất lượng thông tin.

+ Bước đầu thực hiện việc đồng bộ, liên thông dữ liệu giữa các cuộc điều tra và liên thông với các nguồn dữ liệu khác để phục vụ tốt hơn quá trình làm sạch dữ liệu và nâng cao tính đồng bộ, thống nhất của thông tin thống kê sản xuất ra.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong sử dụng dữ liệu hành chính:

+ Đã hoàn thiện hệ thống kết nối trực tiếp đến Tổng cục Thuế để nhận dữ liệu tự động theo định kỳ. Dữ liệu được lưu vào cơ sở dữ liệu trung gian để xử lý trước khi đưa vào cơ sở dữ liệu đầu vào của Ngành. Hiện tại đã tiếp nhận dữ liệu quản lý thuế của Tổng cục Thuế gồm các dữ liệu về: thông tin định danh đối tượng nộp thuế (nhận hàng tháng); báo cáo tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ (nhận hàng năm); 7 loại tờ khai nộp thuế theo các sắc thuế (nhận hàng tháng).

+ Tiếp tục nhận dữ liệu tổng hợp về xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ từ Tổng cục Hải quan theo hàng quý (hiện chưa được cung cấp dữ liệu hành chính chi tiết nên chưa khai thác tối đa được hiệu quả của nguồn này cho công tác thống kê).

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo:

+ Đã xây dựng phần mềm phục vụ các Bộ, ngành gửi báo cáo về tổng cục thông qua mạng internet. Phần mềm cũng cung cấp các công cụ để các Vụ có thể theo dõi tiến độ báo cáo, kiểm tra số liệu và phản hồi lại các Bộ, ngành khi báo cáo chưa đạt yêu cầu. Phần mềm đã được hoàn thiện sau thời gian chạy thử nghiệm và đưa vào chạy chính thức từ tháng 1/2020.

+ Chế độ báo cáo Cục Thống kê: Hiện đang xây dựng phần mềm để các Cục Thống kê thực hiện việc cập nhật dữ liệu các báo cáo theo chế độ vào cơ sở dữ liệu tập trung tại Tổng cục. Phần mềm sẽ được thực hiện thí điểm trong đầu năm 2020 để đưa vào sử dụng chính thức trong năm 2020. (Phần mềm này sẽ dừng sử dụng khi dữ liệu toàn Ngành được quản lý tập trung và chia sẻ dùng chung)

1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến thông tin thống kê

- Đã hoàn thành giai đoạn 1 việc xây dựng trang thông tin điện tử Tổng cục Thống kê mới với sự giúp đỡ kỹ thuật của các chuyên gia thống kê Ý. Trang web mới sẽ khắc phục những hạn chế của trang web hiện tại và hướng đến những phương tiện phổ biến dữ liệu hiện đại, thân thiện và thuận lợi cho cả phía người sử dụng thông tin thống kê và phía quản trị nội dung. Trang web mới đang được chạy thử nghiệm (tại địa chỉ https://thongke.gov.vn).

- Bước đầu sử dụng bộ công cụ hình ảnh hóa dữ liệu trong phổ biến dữ liệu góp phần tăng cường hiệu quả thông tin thống kê.

- Tiếp tục xây dựng và cập nhật các CSDL thống kê kinh tế - xã hội vĩ mô để phổ biến làm nền tảng cho việc xây dựng trung tâm dữ liệu đầu ra.

- Tiếp tục xây dựng các kho dữ liệu kết quả các cuộc tổng điều tra và điều tra lớn để phổ biến đến người sử dụng thông tin.

- Tiếp tục xây dựng các kho dữ liệu vi mô phục vụ người dùng tin khai thác, như kho kết quả: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số; điều tra lao động việc làm; khảo sát mức sống dân cư; ….

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành

2.1. Trong công tác cán bộ

- Tiếp tục sử dụng phần mềm quản lý cán bộ để cập nhật hiện trạng công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành.

- Phần mềm chấm điểm thi đua đã được đưa vào sử dụng và qua nhiều năm cập nhật đã hoàn thiện và vận hành ổn định phục vụ đắc lực cho công tác bình xét kết quả thực hiện công tác của các đơn vị trong toàn Ngành.

- Tiếp tục sử dụng phần mềm quản lý danh hiệu thi đua, khen thưởng của Ngành để phục vụ công tác bình xét và quản lý thi đua khen thưởng trong Ngành. Bên cạnh đó, phần mềm hỗ trợ việc bình xét sáng kiến cũng đã được xây dựng và đưa vào sử dụng, hỗ trợ tích cực cho công tác chuyên môn.

2.2. Trong công tác quản lý tài chính

- Tiếp tục cập nhật và sử dụng phần mềm lập dự toán và phân bổ kinh phí thường xuyên trong công tác. Phần mềm đã hỗ trợ tích cực công tác dự toán và phân bổ kinh phí thường xuyên đến các đơn vị trong toàn Ngành, góp phần quản lý kinh phí thường xuyên chặt chẽ, đúng quy định.

- Tiếp tục sử dụng phần mềm quản lý lương của công chức, viên chức và người lao động toàn Ngành góp phần hiệu quả trong quản lý chung, cập nhật kịp thời hiện trạng, dự toán lương và kinh phí liên quan chặt chẽ.

2.3. Trong công tác văn phòng

- Đã đưa vào thử nghiệm phần mềm xử lý văn bản đi, đến trên môi trường mạng, để bước đầu thực hiện văn phòng không giấy tờ.

- Đã tạo lập, cấp và thực hiện trong giao dịch văn bản điện tử hệ thống chứng thư số, chữ ký số cho toàn Ngành.

3. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin

3.1. Trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ và kết nối hệ thống

- Hệ thống mạng ngành Thống kê hiện là một mạng diện rộng (WAN) với 67 điểm (Tổng cục, 3 Trung tâm Tin học Thống kê khu vực, 63 Cục Thống kê) kết nối với nhau bằng đường truyền chuyên dụng (dùng internet làm đường kết nối dự phòng). Tại mỗi điểm kết nối là một mạng nội bộ (LAN) có máy chủ, thiết bị kết nối, thiết bị an ninh bảo mật để kết nối người dùng.

- Máy chủ, thiết bị kết nối mạng và thiết bị an ninh được trang bị từ nhiều nguồn, có nhiều chủng loại và cấu hình khác nhau trong các khoảng thời gian khác nhau. Trong đó phần lớn được trang bị năm 2013 từ nguồn dự án WB, đến nay, phần cứng đã lạc hậu, hỏng, phần mềm đã hết hạn sử dụng, đặc biệt các phần mềm an ninh bảo mật gây nguy cơ cao trong việc bảo đảm an ninh thông tin, an ninh hệ thống. Đến nay, đã có trên 20 Cục Thống kê bị hỏng máy chủ, thiết bị kết nối mạng, nhiều Cục Thống kê thường xuyên phải sửa chữa máy chủ, thiết bị mạng.

- Hệ thống tủ đĩa lưu trữ dữ liệu phần lớn đã cũ, tốc độ và dung lượng thấp, không đủ đáp ứng yêu cầu lưu trữ dữ liệu ngày càng tăng của Ngành.

- Tại Chi cục Thống kê chưa có máy chủ, thiết bị mạng, chưa là điểm kết nối trong hệ thống riêng của ngành Thống kê.

3.2. An toàn an ninh mạng

- Hiện nay, ngoại trừ duy nhất một điểm kết nối là Tổng cục mới được trang bị thiết bị tường lửa (cuối năm 2018), các thiết bị tường lửa tại các điểm còn lại đều đã hết bản quyền dẫn đến việc phòng chống tấn công không đủ bảo đảm. Hầu hết máy tính của người dùng đều không được trang bị bản quyền hệ điều hành cũng như phần mềm chống virus, dẫn đến nguy cơ rủi ro, mất an ninh rất cao.

- Hệ thống email chưa đủ thiết bị phần cứng và phần mềm chuyên dụng phòng chống thư rác, dẫn đến nhiều thư rác, thư kèm theo virus. Dung lượng lưu trữ thấp dẫn đến việc truy cập thư chậm.

- Hệ thống hạ tầng của Ngành tuy được trang bị máy móc, thiết bị đồng bộ nhưng tính sẵn sàng chưa cao vì không có thiết bị dự phòng, nhất là tại các vị trí quan trọng liên quan đến hoạt động của toàn bộ hệ thống đều là các điểm đơn (single point) nên khi xảy ra sự cố rất khó khắc phục.

- Hệ thống điện và giám sát đã được trang bị đầy đủ, đồng bộ (bao gồm: hệ thống lưu điện, máy phát điện; hệ thống theo dõi, giám sát và cảnh báo lỗi cho người quản trị; hệ thống cảnh báo độ ẩm, nhiệt độ và phòng chống cháy nổ; hệ thống cửa từ và camera giám sát), tuy nhiên, đến nay đều đã cũ, hệ thống ắc quy còn khả năng lưu điện rất thấp, không đảm bảo an toàn khi mất điện lưới.

3.3. Phần mềm hệ thống, phần mềm nền tảng và các dịch vụ hạ tầng

- Phầm mềm hệ thống và phần mềm nền tảng:

+ Hệ điều hành chạy trên các máy chủ hầu hết là Windows Server 2012.

+ Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là MS SQL Server 2012 (máy chủ của 63 Cục Thống kê không có bản quyền phần mềm quản trị CSDL này).

+ Hệ quản trị thư điện tử là MS Exchange Server 2012.

Các phần mềm này cũng đã khá cũ, cần được cập nhật để có thể đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ tiên tiến hiện nay.

- Môi trường và công cụ phát triển các phần mềm ứng dụng:

+ Các phần mềm được phát triển trên nhiều nền tảng và ngôn ngữ lập trình khác nhau, do nhiều đơn vị phát triển, dẫn đến việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu khó khăn.

+ Nhiều phần mềm không sử dụng giao diện Unicode gây khó khăn trong sử dụng của người dùng.

- Các dịch vụ hạ tầng hiện đang được khai thác và sử dụng gồm có:

+ Quản lý người dùng sử dụng dịch vụ Active Directory của Windows Server quản lý người dùng trong toàn ngành Thống kê và được thiết lập cơ chế Single Sign On (người dùng đăng nhập chỉ một tài khoản để truy cập vào nhiều ứng dụng).

+ Các dịch vụ phân giải tên miền, dịch vụ cấp địa chỉ IP tự động, dịch vụ Web, dịch vụ truyền file, dịch vụ trao đổi thông tin, … đang sử dụng dịch vụ của Windows Server.

+ Dịch vụ thư điện tử đang sử dụng MS Exchange Server.

3.4. Trang thiết bị CNTT cho công chức, viên chức và người lao động trong Ngành

- Máy trạm về cơ bản đã cung cấp đủ cho công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành. Hiện nay, mỗi người làm chuyên môn thống kê đều được trang bị tối thiểu 1 máy tính. Tuy nhiên, đến nay, nhiều máy trạm đã cũ, cấu hình lạc hậu không đủ đáp ứng yêu cầu công việc trong điều kiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin của Ngành.

- Bên cạnh việc không có bản quyền hệ điều hành máy trạm, không có phần mềm diệt virus, các máy trạm của người dùng còn không được trang bị bản quyền bộ phần mềm văn phòng (MsOffice) để phục vụ công việc hàng ngày.

4. Bất cập, hạn chế

Ngoài những khó khăn về hạ tầng kỹ thuật như đã nêu trên, một số bất cập, hạn chế liên quan, ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin của Ngành, chủ yếu là:

- Ý chí và quyết tâm trong việc chuyển đổi từ sử dụng phiếu điện tử thay thế phiếu điều tra giấy, nhất là chuyển sang phương pháp điều tra gián tiếp ở lãnh đạo nhiều đơn vị, nhất là lãnh đạo một số Vụ nghiệp vụ và một số Cục Thống kê chưa cao, còn nghi ngờ sự thành công và không muốn thay đổi;

- Tuy rất thành công trong việc chuyển đổi từ điều tra trên phiếu giấy sang phiếu điện tử ở cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và một số cuộc điều tra nhỏ khác, tuy nhiên, việc áp dụng phiếu điện tử trong lĩnh vực xã hội, phiếu điều tra với nhiều câu hỏi đơn giản, câu hỏi đóng thuận lợi trong quá trình thiết kế phiếu, thiết lập kiểm tra logic và triển khai thu thập. Đối với các phiếu điều tra trong lĩnh vực kinh tế, câu hỏi mở nhiều hơn, câu hỏi định lượng với dữ liệu số nhiều hơn, logic giữa các câu hỏi, liên kết giữa các phiếu phức tạp hơn sẽ gây nhiều khó khăn trong các khâu của thiết kế, thực hiện hệ thống phần mềm, phần cứng;

- Việc chuyển đổi từ điều tra trực tiếp sang phương pháp điều tra gián tiếp lần đầu tiên áp dụng ở cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 mới chỉ là manh nha, xuất phát điểm. Kết quả cho thấy tỷ lệ đăng ký tham gia và tỷ lệ trả lời rất thấp. Đây là phương pháp chưa từng thực hiện trong Ngành, do vậy chúng ta chưa có kinh nghiệm trong cả việc thiết kế hệ thống công nghệ thông tin và kinh nghiệm triển khai thực tế;

- Năng lực của hạ tầng kỹ thuật chưa đủ đáp ứng nhu cầu chuyển đổi công nghệ, kỹ thuật làm chậm quá trình chuyển đổi trong ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác nghiệp vụ của Ngành;

- Năng lực, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của công chức và người lao động làm công tác thống kê còn hạn chế, chưa hỗ trợ tốt cho việc ứng dụng công nghệ tiên tiến vào chuyên môn.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng chính phủ điện tử, cụ thể là chuẩn hóa nghiệp vụ, chuẩn hóa dữ liệu, chuẩn hóa công nghệ để kết nối và chia sẻ dữ liệu với hệ thống liên thông của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan nhà nước khác. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan để phục vụ việc xây dựng Trung tâm điều hành Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử theo chủ trương mà Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã giao. Cụ thể:

1. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khâu thu thập và xử lý thông tin

1.1. Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong các khâu của cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021

- Điện tử hóa tất cả các loại phiếu điều tra của Tổng điều tra kinh tế 2021, sử dụng cả hai hình thức điều tra trực tiếp (phiếu điện tử trên thiết bị di động) và gián tiếp (phiếu điện tử trực tuyến – webform).

- Xây dựng và hoàn thiện các phần mềm: phần mềm quản lý tổng thể cuộc điều tra; phần mềm tạo lập và cập nhật bảng kê; phần mềm phiếu điện tử trực tuyến; phần mềm phiếu điện tử trên TBDĐ; phần mềm theo dõi tiến độ, kiểm tra, giám sát; phần mềm chọn mẫu; phần mềm đồng bộ dữ liệu giữa các nguồn; các phần mềm kiểm tra, làm sạch, hỗ trợ đánh mã, tổng hợp nhanh, tổng hợp chính thức kết quả điều tra; các phần mềm tạo lập các sản phẩm kết quả TĐT.

- Thiết lập hạ tầng kỹ thuật, thẩm định tính khả thi, tính an toàn của hệ thống. Tập trung đủ năng lực để vận hành hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật ngay từ khâu chuẩn bị, tập huấn, khâu lập và rà soát bảng kê, và đặc biệt trong quá trình thực hiện phiếu điều tra, cũng như quá trình xử lý kết quả.

Đây là cuộc điều tra tuy quy mô, phạm vi nhỏ hơn cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, nhưng do có nhiều câu hỏi mở, nhiều câu hỏi được trả lời định lượng nên mức độ phức tạp cao. Do vậy, cần chú trọng trong xây dựng các phần mềm và cần thực hiện thí điểm đầy đủ, bảo đảm yêu cầu trước khi cuộc điều tra chính thức diễn ra.

1.2. Nâng cao tỷ lệ sử dụng phiếu điện tử trong điều tra thống kê

- Tiếp tục phát triển hệ thống phần mềm và mở rộng hạ tầng kỹ thuật đáp ứng việc đẩy nhanh quá trình điện tử hóa phiếu điều tra. Bên cạnh việc hoàn thiện cho các cuộc điều tra đã được chuyển đổi sang phiếu điện tử, giai đoạn tới sẽ mở rộng thêm đối với một số cuộc điều tra, như: điều tra doanh nghiệp, điều tra IIP, điều tra giữa kỳ tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, một số cuộc điều tra trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ,...

- Tiến hành đánh giá để xác định nền tảng phù hợp cho việc phát triển phần mềm phiếu điện tử trên thiết bị di động phù hợp với điều kiện và luật pháp của Việt Nam và xu hướng phát triển công nghệ trên thế giới.

1.3. Nâng cao tỷ lệ cuộc điều tra áp dụng phương pháp điều tra gián tiếp thông qua hệ thống điều tra trực tuyến

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thống kê Nhật Bản để hoàn thiện hệ thống điều tra trực tuyến, đưa vào vận hành thí điểm trong tháng 7/ 2020 để sử dụng chính thức cho Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và các cuộc điều tra liên quan khác.

- Nghiên cứu tìm biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong việc khuyến khích đơn vị điều tra tham gia trả lời phiếu điều tra, nhằm đạt tỷ lệ trả lời cao, góp phần đẩy mạnh việc chuyển đổi sang phương pháp điều tra gián tiếp.

1.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu metadata và dữ liệu điều tra

- Tiếp tục làm việc với các chuyên gia Thống kê Ý để xác định giải pháp và thực hiện thí điểm chuẩn hóa dữ liệu đầu vào theo kế hoạch hoạt động của dự án hỗ trợ kỹ thuật của Chính phủ Ý tài trợ.

- Mời các chuyên gia quốc tế (Ý và Serbia) vào hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu metadata (các nội dung diễn tả về dữ liệu), quản lý dữ liệu điều tra và tạo lập phần mềm các cuộc điều tra thống kê (hệ thống IST), do Thống kê Serbia phát triển dưới sự hỗ trợ kỹ thuật của Thống kê Ý.

1.5. Đẩy nhanh quá trình tập trung hóa dữ liệu để quản lý đồng bộ, thống nhất

- Tiếp tục chuyển đổi sang quản lý dữ liệu tập trung của một số cuộc điều tra, như: các cuộc điều tra về lâm nghiệp; điều tra xây dựng, điều tra vốn đầu tư,…

- Xác định giải pháp công nghệ để thực hiện liên thông dữ liệu giữa các cuộc điều tra, giữa kết quả điều tra với các nguồn dữ liệu khác phục vụ công tác xử lý dữ liệu và nâng cao tính đồng bộ, thống nhất của thông tin thống kê.

1.6. Mở rộng hệ thống kết nối đến các Bộ, ngành để tăng cường sử dụng dữ liệu hành chính

- Hiện đang xây dựng phần mềm để xử lý, khai thác tối đa nguồn dữ liệu quản lý thuế ở phạm vi đối tượng doanh nghiệp, liên kết với kết quả điều tra để làm đầu vào biên soạn các chỉ tiêu thống kê tổng hợp liên quan. Nghiên cứu để khai thác dữ liệu này đối với phạm vi đối tượng nộp thuế khác như hộ kinh doanh cá thể, cá nhân có thu nhập cao,…

- Tiếp tục mở rộng hợp tác để thu thập dữ liệu hành chính từ các Bộ, ngành, như Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, …

1.7. Tiếp tục phát triển kết nối giữa các sở, ngành, địa phương để liên thông, thu thập và chia sẻ dữ liệu

- Hiện đã khảo sát và đang xác định giải pháp xây dựng phần mềm kết nối, chia sẻ dữ liệu và thực hiện chế độ báo cáo thống kê giữa các sở, ngành ở cấp tỉnh và với cấp huyện, cấp xã. Phần mềm này có chức năng chính là liên thông, chia sẻ dữ liệu dùng chung trong phạm vi tỉnh, huyện, xã và kết nối để cung cấp dữ liệu cho cấp Bộ và Tổng cục Thống kê.

- Từng bước chuẩn hóa chế độ ghi chép ban đầu của các sở, ngành, địa phương để vừa đáp ứng hiệu quả công việc chuyên môn vừa có thể phục vụ công tác thống kê.

1.8. Bước đầu khai thác nguồn dữ liệu lớn biên soạn một số chỉ tiêu thống kê

- Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và công nghệ để có thể khai thác nguồn dữ liệu lớn phục vụ biên soạn một số chỉ tiêu thống kê. Trước mắt nghiên cứu để khai thác một số nguồn dữ liệu như: nguồn dữ liệu quan sát trái đất cho thống kê diện tích; nguồn dữ liệu di động để thống kê về du lịch, di cư, dân số hiện có; nguồn thương mại điện tử để biên soạn nhiều chỉ tiêu liên quan; ...

- Tìm hiểu về các nguồn bigdata và cơ quan, tổ chức quản lý nguồn này. Xác định mô hình hợp tác với các tổ chức nắm giữ nguồn Bigdata để được tiếp cận, khai thác.

2. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong phổ biến thông tin

- Xây dựng hệ thống chia sẻ thông tin thống kê với hệ thống liên thông Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan nhà nước khác.

- Xây dựng hệ thống chia sẻ thông tin thống kê với các tổ chức quốc tế.

- Tiếp tục phối hợp với Thống kê Ý để hoàn thành xây mới website Tổng cục Thống kê.

- Xây dựng CSDL phổ biến ra, phục vụ việc phổ biến thông tin hiện đại, đồng bộ, tiện ích.

- Tăng cường sử dụng công cụ hình ảnh hóa thông tin trong các báo cáo kinh tế - xã hội và các báo cáo chuyên đề (tận dụng tối đa bộ công cụ Microsoft Power BI đã được Tổng cục mua bản quyền).

- Tiếp tục xây dựng các kho dữ liệu vi mô, vĩ mô kết quả các cuộc tổng điều tra, điều tra lớn để phổ biến đến người dùng tin, như kho dữ liệu: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; Tổng điều tra kinh tế năm 2021; điều tra về thu thập thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019; điều tra khảo sát mức sống dân cư; điều tra lao động việc làm;...

- Nghiên cứu để hợp tác với Cục Đo đạc, Bản đồ và không gian địa lý để phổ biến thông tin thống kê trên nền bản đồ không gian địa lý kỹ thuật số để nâng cao hiệu quả của thông tin phổ biến ra.

- Tăng cường phổ biến các xuất bản phẩm điện tử thay thế ấn phẩm truyền thống.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành cơ quan

- Nâng cấp các phần mềm hiện có để phù hợp với yêu cầu đặc thù của Ngành, phù hợp với điều kiện hiện tại cũng như xu hướng phát triển công nghệ thông tin phục vụ tốt hơn công tác quản lý cán bộ, quản lý tài chính, tài sản, công tác quản lý, điều hành hành chính.

- Xây dựng mới các phần mềm giao và quản lý công việc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cơ quan đơn vị minh bạch, kịp thời, hiệu quả.

- Xây dựng mới các phần mềm phục vụ công tác quản lý chất lượng thống kê, công tác thanh tra, kiểm tra để có công cụ hỗ trợ tốt hơn cho việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, nâng cao chất lượng thống kê nhằm từng bước tiếp cận với chuẩn quản lý chất lượng thống kê quốc tế.

4. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn

4.1. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng hệ thống hạ tầng ảo hóa theo công nghệ điện toán đám mây riêng (Private Cloud) của Ngành, nhằm tận dụng hiệu quả mọi tài nguyên máy chủ, thiết bị lưu trữ và dễ dàng điều tiết tài nguyên giữa các công việc, giữa các khu vực, giữa các Cục Thống kê phù hợp với yêu cầu ở từng thời điểm. Trong đó, máy chủ, các thiết bị lưu trữ được quản lý tập trung tại trung tâm máy chủ Tổng cục, được ảo hóa và cấp phát theo từng công việc và từng Cục Thống kê. Một trong những ưu điểm khác của công nghệ này là việc dễ dàng mở rộng, nâng cấp, thay thế khi cần thiết mà không ảnh hưởng đến vận hành hệ thống.

- Mở rộng kết nối hệ thống mạng diện rộng đến cấp huyện để phục vụ thu thập và khai thác thông tin tập trung thống nhất, kịp thời, phát huy tối đa hiệu quả của công nghệ đám mây và quản lý dữ liệu tập trung.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết nối với Tổng cục Thuế, xây dựng các kênh kết nối hệ thống của Ngành với hệ thống của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành phục vụ liên thông, chia sẻ dữ liệu theo kế hoạch xây dựng chính phủ điện tử và phục vụ thu thập dữ liệu hành chính.

4.2. Thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin

- Hạ tầng kỹ thuật mua sắm với năng lực được tính toán để đáp ứng các công việc thường xuyên của Ngành. Khi phát sinh nhu cầu tăng cao, sử dụng trong khoảng thời gian nhất định (như phục vụ tổng điều tra, các cuộc điều tra hoặc các công việc có phạm vi, quy mô lớn), việc thuê hệ thống hạ tầng sẽ hiệu quả hơn.

- Hệ thống công nghệ thông tin của Ngành hiện tại chưa có hệ thống chạy dự phòng để thay thế khi hệ thống chính gặp sự cố gây nguy cơ gặp rủi ro rất cao, nhất là trong điều kiện bùng nổ công nghệ và đánh cắp thông tin như hiện nay. Việc mua sắm hệ thống dự phòng cần khối lượng kinh phí rất lớn (gần như hệ thống chính) do vậy, trước mắt, trong thời kỳ tập trung kinh phí nâng cấp hệ thống hạ tầng chính, thuê hệ thống dự phòng thảm họa là giải pháp tối ưu hơn.

4.3. Tăng cường an ninh bảo mật

- Hiện tại hầu hết các máy trạm của người dùng chưa được trang bị bản quyền phần mềm hệ điều hành và các phần mềm cần thiết khác gây nguy cơ gặp rủi ro cao cho toàn hệ thống. Do vậy, trang bị bản quyền hệ điều hành, bản quyền bộ phần mềm MsOffice và bản quyền phần mềm chống virus cho tất cả người dùng trong hệ thống của Ngành để vừa không vi phạm quy định về bản quyền, vừa bảo đảm an toàn, an ninh.

- Hiện tại, bản quyền tường lửa tại các Cục Thống kê đã hết hạn, gây khó khăn cho việc ngăn chặn các nguy cơ tấn công hệ thống chung. Do vậy, trang bị hệ thống tường lửa tại các Cục Thống kê để bảo đảm toàn hệ thống được bảo vệ khỏi các nguy cơ tấn công từ bên ngoài.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Một số giải pháp chủ yếu

1.1. Lập và thực hiện các dự án thuộc Đề án 501

Năm 2019, Tổng cục đã xác định danh mục các dự án (thuộc giai đoạn 2 thực hiện Đề án 501) và đã xây dựng báo cáo xin chủ trương đầu tư các dự án này để gửi các cơ quan chức năng xem xet, phê duyệt (với tổng kinh phí khoảng 500 tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước). Tuy nhiên, đến nay, các tài liệu này vẫn đang trong quá trình xem xét. Các dự án gồm:

+ Xây dựng và vận hành kho dữ liệu đặc tả thống kê;

+ Nâng cấp và mở rộng hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025;

+ Nâng cấp và mở rộng hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu các cuộc điều tra hàng năm;

+ Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của Chế độ báo cáo Quốc gia; Chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã;

+ Xây dựng Hệ thống kết nối, trao đổi thông tin với Chính phủ và các bộ, ngành;

+ Xây dựng Hệ thống cung cấp và phổ biến thông tin thống kê;

+ Nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật và hệ thống dự phòng thảm họa.

1.2. Lập và triển khai thực hiện Dự án Xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử

Hiện đã hoàn thành dự thảo báo cáo xin chủ trương đầu tư (với tổng kinh phí khoảng 665 tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước). Tài liệu này cũng đã được trình và đang trong quá trình xem xét của các cơ quan chức năng. Các hợp phần của Dự án gồm:

- Ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong các khâu của quy trình thu thập và xử lý thông tin đầu vào, với các nội dung:

+ Ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu của cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021;

+ Điện tử hóa phiếu điều tra để phỏng vấn trên thiết bị di động (CAPI) và ứng dụng vào 6 cuộc điều tra thường xuyên;

+ Điện tử hóa phiếu điều tra để đơn vị được điều tra tự khai phiếu thông qua web (webform) và ứng dụng vào 4 cuộc điều tra thường xuyên;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu của các cuộc điều tra thường xuyên sử dụng hình thức phỏng vấn truyền thống trên phiếu giấy;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập và xử lý báo cáo từ các Bộ, ngành, địa phương trên cơ sở các Chế độ báo cáo thống kê định kỳ;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ hiện đại trong kết nối, tích hợp thông tin từ dữ liệu hành chính của các Bộ, ngành.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ tiên tiến trong phổ biến thông tin thống kê, gồm nội dung:

+ Cung cấp thông tin thống kê phục vụ điều hành kinh tế vĩ mô của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chia sẻ dữ liệu thống kê với các cơ quan nhà nước;

+ Cung cấp thông tin thống kê phục vụ các tổ chức quốc tế;

+ Cung cấp thông tin thống kê phục vụ người dân, doanh nghiệp;

+ Phổ biến thông tin thống kê trên nền bản đồ không gian địa lý kỹ thuật số.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ hiện đại trong quản lý hành chính và điều hành cơ quan, đơn vị, gồm các nội dung: ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ hiện đại vào các công việc quản lý, điều hành cơ quan, đơn vị về quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý, giám sát, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Hiện tại đã lập báo cáo nghiên cứu khả thi đối với nội dung ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu của cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021 để sẵn sàng triển khai thực hiện khi được phê duyệt chủ trương đầu tư.

1.3. Tiếp tục thực hiện hợp phần công nghệ thông tin của dự án hỗ trợ kỹ thuật do Thống kê Ý trợ giúp

Hợp phần về công nghệ thông tin của Dự án đã và đang được thực hiện bằng sự hướng dẫn về kỹ thuật của hàng chục lượt chuyên gia Thống kê Ý vào giúp đỡ. Hợp phần bao gồm những nội dung chính sau:

- Xây dựng và áp dụng thí điểm chuẩn hóa dữ liệu đầu vào (giới thiệu về Mô hình quy trình sản xuất thông tin thống kê, quản lý metadata, quản lý dữ liệu điều tra, một số công cụ phục vụ chuẩn hóa, đồng bộ hóa dữ liệu thu thập,...).

- Bảo đảm an toàn an ninh mạng (giới thiệu các biện pháp và đào tạo kỹ thuật quản trị vận hành hệ thống an ninh, an toàn, phòng chống rủi ro,...).

- Giới thiệu về hiện trạng khai thác nguồn dữ liệu lớn và các công nghệ hiện có trên thế giới phục vụ khai thác nguồn dữ liệu lớn – Bigdata.

1.4. Tiếp tục thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật do Thống kê Nhật Bản trợ giúp

- Phía cơ quan Thống kê Nhật Bản xây dựng phần mềm điều tra trực tuyến và chuyển giao để Thống kê Việt Nam vận hành, sử dụng (phần mềm thực hiện khâu tạo lập phiếu điều tra và khâu thu thập, không bao gồm phần tổng hợp, xử lý kết quả). Phía Việt Nam tự mua sắm phần cứng hạ tầng liên quan để thiết lập hệ thống. Hiện nay, phần mềm cơ bản đã được hoàn thành. Các công việc còn lại là đào tạo chuyển giao và hoàn thiện một số chức năng phù hợp hơn sau khi vận hành thử vào tháng 7/2020.

- Bên cạnh đó, Thống kê Nhật Bản đã ký kết biên bản ghi nhớ về tiếp tục giúp Tổng cục Thống kê về kỹ thuật trong việc xây dựng hệ thống quản lý bảng biểu thống kê, phổ biến thông tin thống kê trên nền bản đồ kỹ thuật số,...).

1.5. Các giải pháp khác

- Đào tạo nâng cao năng lực người sản xuất và người sử dụng thông tin thống kê. Đào tạo nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho công chức làm nghiệp vụ và nâng cao trình độ nghiệp vụ cho người làm công nghệ thông tin trong toàn Ngành.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học dữ liệu, và các công nghệ tiên tiến hiện đại áp dụng phù hợp cho công tác thống kê Việt Nam.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê.

2. Một số thách thức trong ứng dụng công nghệ thông tin của Ngành

- Các chiến lược, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành khi xây dựng lấy cơ sở là công nghệ hiện tại và có lộ trình thực hiện (thường cho một giai đoạn), trong khi công nghệ phát triển, thay đổi rất nhanh. Do vậy, nhiều định hướng có thể sẽ lạc hậu và không phù hợp ngay sau khi phát hành. Điều này dẫn đến hệ thống bị lạc hậu hoặc tốn kém chi phí cho đổi mới.

Mâu thuẫn giữa nhu cầu phải chuyển đổi nhanh để kịp với xu hướng phát triển công nghệ và năng lực, trình độ của nhân lực làm công nghệ thông tin trong Ngành chưa đáp ứng được với yêu cầu này.

Chi phí vận hành và duy trì hệ thống, trong đó chủ yếu là chi phí về bản quyền phần mềm, rất lớn, nhất là đối với những công nghệ hiện đại, tiến tiến như công nghệ ảo hóa, đám mây điện tử,...

Một số cơ chế chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin chưa đủ, chưa chi tiết, cụ thể, nhất là quy định về thuê dịch vụ công nghệ thông tin hoặc về cách xác định chi phí ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ, gây lúng túng trong xây dựng kế hoạch và thực hiện.

Chưa có những quy định về mặt pháp lý cụ thể về việc tiếp cận các nguồn dữ liệu lớn gây khó khăn cho việc phát triển kênh thông tin đầu vào này để dần thay thế kênh điều tra, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội.

3. Một số kiến nghị

- Để có thể đẩy nhanh tiến trình ứng dụng công nghệ thông tin tiến tiến trong ngành Thống kê theo kịp sự phát triển của thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư cần thiết phải đầu tư về hạ tầng kỹ thuật và trình độ, kỹ năng nguồn nhân lực. Do vậy, đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt sớm các dự án mà Tổng cục Thống kê đã xây dựng để có cơ sở và nguồn lực thực hiện, tránh để ngành Thống kê tiếp tục bị tụt hậu về ứng dụng công nghệ thông tin trong xã hội.

Đề nghị các Cục Thống kê trên cơ sở nội dung Đề án 501 tiếp tục tranh thủ sự chỉ đạo của UBND tỉnh để phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thực hiện việc chuẩn hóa các chỉ tiêu giữa các Sở, ngành tại địa phương để vừa có thể phục vụ công tác chuyên ngành, vừa có thể sử dụng trong công tác thống kê. Đồng thời, lập kế hoạch đào tạo cho cán bộ làm công tác thống kê ở địa phương, nâng cao kỹ năng chuyên môn và công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hơn công tác thống kê trong tương lai.

Cần xây dựng cơ chế, chính sách tạo cơ sở cho việc chuyển từ phương pháp điều tra trực tiếp sang gián tiếp, chuyển từ điều tra thống kê sang sử dụng dữ liệu hành chính để tiết kiệm nguồn nhân lực, tài chính, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm bớt gánh nặng cho ngành thống kê và người cung cấp thông tin và hưởng ứng tích cực cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư./.

BÁO CÁO
Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra thống kê và chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành

Công nghệ thông tin được coi là một trong các trụ cột nâng cao chất lượng số liệu thống kê và đặc biệt quan trọng trong bối cảnh ứng dụng Chính phủ điện tử và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Luật Thống kê quy định Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tiên tiến trong hoạt động thống kê nhà nước. Trong những năm qua Tổng cục Thống kê ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ trong công tác thống kê nói chung và trong điều tra thống kê, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành nói riêng.

1. Kết quả đạt được

1.1. Ứng dụng CNTT trong điều tra thống kê

Triển khai Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Ứng dụng CNTT-TT trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (viết gọn là Đề án 501), Tổng cục Thống kê đã thực hiện nhiều hoạt động ứng dụng CNTT liên quan phục vụ điều tra thống kê, cụ thể;

Một là chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ: Tiếp tục ứng dụng quy trình sản xuất thông tin thống kê (GSBPM) đã được ban hành mô hình cấp cao theo quyết định số Quyết định số 945/QĐ-TCTK ngày 24/9/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Dự án hỗ trợ kỹ thuật của Italia đang giúp ngành Thống kê xác định và xây dựng các chuẩn mực thống kê từ đó xây dựng quy trình sản xuất thông tin thống kê cấp chi tiết. Để giám sát việc tuân thủ quy trình, Tổng cục đang nghiên cứu và sẽ triển khai ứng dụng công cụ Mô hình hiện đại hóa hoàn thiện (Modernisation Maturity Model - MMM).

Hai là ứng dụng phiếu điều tra điện tử: Ngành Thống kê đã ứng dụng thành công phiếu điều tra điện tử (CAPI và webform) trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 đạt 99,9% (cao hơn so với mục tiêu của Đề án 501 là 80%) giúp rút ngắn thời gian thu thập thông tin và xử lý kết quả Tổng điều tra so với phương pháp truyền thống (sử dụng phiếu giấy sau đó nhập tin bàn phím hoặc quét phiếu – scaning). Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê từng bước ứng dụng phiếu điều tra điện tử CAPI cho các cuộc điều tra khác: Lao động việc làm, Biến động dân số, Chỉ số giá tiêu dùng.

Ba là điều hành tác nghiệp và giám sát điều tra: Các cuộc Tổng điều tra và điều tra áp dụng phiếu điện tử đã được giám sát tập trung từ Trung ương tới địa phương và các đối tượng tham gia điều tra nhằm giám sát số liệu điều tra một cách kịp thời và giải đáp các vướng mắc trong quá trình tổ chức điều tra.

Bốn là triển khai các phần mềm thu thập thông tin điều tra phiếu giấy và xử lý kết quả các cuộc điều tra theo hình thức cơ sở dữ liệu tập trung. Nhờ có hạ tầng kết nối thông suốt trong toàn ngành, việc triển khai các phần mềm nghiệp

vụ theo hình thức cơ sở dữ liệu tập trung đã cải thiện tình trạng nghẽn trong gửi, nhận dữ liệu. Qua đó, số liệu điều tra được giám sát liên tục từ Trung ương đến địa phương ngay trong khâu nhập tin. Các phần mềm xử lý kết quả điều tra cũng từng bước được tích hợp theo nghiệp vụ chung để chia sẻ các tiện ích dùng chung và quản trị dễ dàng.

Năm là sử dụng dữ liệu lớn: Trong xu hướng sử dụng dữ liệu lớn (big data) trên thế giới, Tổng cục Thống kê đã triển khai nghiên cứu dữ liệu lớn trong biên soạn chỉ số giá tiêu dùng thông qua thu thập giá sản phẩm trên internet và nghiên cứu giá bất động sản. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu mới chỉ được dùng như nguồn tham khảo và tiếp tục đổi mới phương pháp luận để có được kết quả sát với thực tế.

Sáu là xây dựng kho cơ sở dữ liệu các cuộc Tổng điều tra và các phần mềm khai thác dữ liệu vi mô. Một số kho dữ liệu trên nền tảng MS SQL gồm: kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở các năm 1999, 2009; Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp các năm 2007, 2012; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản các năm 2006, 2011, 2016; Khảo sát mức sống dân cư, Điều tra Lao động việc làm.

Bảy là phổ biến thông tin thống kê trực quan (infographic) như báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và khai thác dữ liệu thống kê một cách tùy biến đối với một số kết quả điều tra trên trang tin điện tử của Tổng cục.

1.2. Ứng dụng CNTT trong chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành

Trong thời gian qua, Tổng cục Thống kê đã ký thỏa thuận hợp tác chia sẻ dữ liệu với nhiều bộ, ngành trong đó Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan…Ứng dụng CNTT trong chia sẻ dữ liệu với bộ ngành sẽ mang lại hiểu quả cao, đến nay năng lực hệ thống CNTT đã hỗ trợ thực hiện như sau:

a) Sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê

Ngày 26/5/2016 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký Quyết định số 693/QĐ-BKHĐT phê duyệt Đề án hệ thống công nghệ thông tin về kết nối, trao đổi thông tin với Tổng cục Thuế. Đến nay, hai cơ quan đã xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối truyền đưa dữ liệu một cách tự động. Đồng thời, Tổng cục Thống kê đã và đang triển khai xây dựng và khai thác CSDL nhận được từ Tổng cục Thuế phục vụ cho công tác thống kê nói chung và điều tra doanh nghiệp hàng năm nói riêng:

- Thông tin định danh về đối tượng nộp thuế do Tổng cục Thuế cung cấp được Tổng cục Thống kê sử dụng hiệu quả, đặc biệt trong Tổng điều tra kinh tế năm 2017, điều tra doanh nghiệp hàng năm trong khâu rà soát danh sách doanh nghiệp để từ đó xác định và thống nhất với cơ quan Thuế về phạm vi và đơn vị điều tra đối với khu vực doanh nghiệp.

- Thông tin khai thác từ báo cáo tài chính được sử dụng để so sánh, đối chiếu, làm sạch dữ liệu của Điều tra doanh nghiệp hàng năm. Từ năm 2018

nguồn dữ liệu này được Tổng cục Thống kê sử dụng để thay thế một số chỉ tiêu về tài chính, bảng tổng kết tài sản,… của doanh nghiệp trong phiếu điều tra doanh nghiệp hàng năm, từ đó giúp tiết kiệm được thời gian thu thập, xử lý và kinh phí của điều tra doanh nghiệp và giảm gánh nặng trả lời bảng hỏi điều tra cho doanh nghiệp.

Hệ thống kết nối, trao đổi thông tin này được xây dựng theo trục tích hợp ESB để Tổng cục Thống kê tiến tới mở rộng kết nối với các bộ, ngành.

b) Thực hiện chế độ báo cáo quốc gia

Triển khai Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia, Tổng cục Thống kê đã xây dựng phần mềm gửi nhận Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia quản lý tình hình gửi nhận báo cáo từ bộ, ngành. Đây là công cụ giúp bộ, ngành thực hiện trách nhiệm gửi báo cáo thống kê được phân công qua đó lưu trữ bài bản báo cáo thống kê mỗi bộ ngành theo thời gian. Hệ thống đã được các bộ, ngành thử nghiệm và đánh giá rất hữu ích. Hệ thống đi vào áp dụng chính thức sẽ giúp ngành Thống kê quản lý tình hình gửi nhận báo cáo và nhận báo cáo thống kê kịp thời.

c) Chia sẻ dữ liệu thống kê với bộ, ngành

Bên cạnh việc nhận dữ liệu của bộ, ngành, Tổng cục Thống kê cũng chủ động chia sẻ dữ liệu thống kê với các bộ, ngành phục công tác xây dựng và hoạch định chính sách:

- Tại hệ thống công nghệ thông tin về kết nối, trao đổi thông tin với Tổng cục Thuế, tất cả chỉ tiêu thống kê quốc gia được quản lý tập chung và định kỳ gửi cho Tổng cục Thuế sau khi họp báo công bố số liệu thống kê;

- Các dữ liệu thống kê được công bố trên trang tin điện tử của Tổng cục theo báo cáo chuyên đề và dữ liệu tổng hợp đồng thời cho phép khai thác dữ liệu thống kê một cách tùy biến bằng công cụ PCX hoặc một số kho dữ liệu về Tổng điều tra;

- Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Trang dữ liệu tóm tắt quốc gia (NSDP) chia sẻ số liệu về tài chính và kinh tế vĩ mô theo các định dạng Excel và SDML đồng thời cung cấp thông tin về metadata liên quan.

2. Một số hạn chế, bất cập

Tổng cục Thống kê là một trong các cơ quan tiên phong xây dựng Kiến trúc tổng thể, trong đó kiến trúc nghiệp vụ ứng dụng quy trình sản xuất thông tin thống kê năm 2012 bao gồm 7 bước ở quy trình cấp cao. Hiện nay, hầu hết các khâu của quy trình sản xuất thông tin thống kê đã ứng dụng công nghệ thông tin nhưng chưa đồng bộ, mỗi khâu của mỗi công việc ứng dụng theo một cách khác nhau. Hiện chưa có một ứng dụng đồng bộ nào cho toàn bộ quy trình sản xuất. Do vậy, hiện trạng dữ liệu thống kê hiện cũng được quản lý theo nhiều hệ quản trị dữ liệu và phân tán khắp nơi trong ngành Thống kê từ Trung ương đến địa phương (bao gồm cả một số dữ liệu đã tập trung về Trung ương nhưng vẫn chưa thống nhất, thiếu tính liên kết theo không gian và thời gian). Cụ thể:

(i) Khâu xác định nhu cầu thông tin và khâu chuẩn bị thu thập: Chưa có một công cụ hỗ trợ nào, hầu như thực hiện thủ công trên word và excel.

(ii) Khâu chuẩn bị thu thập: Cũng như khâu xác định nhu cầu hiện đang thực hiện thủ công.

(iii) Khâu thu thập thông tin: Kênh điều tra thống kê đã được ứng dụng CNTT theo kịp xu thế công nghệ trên thế giới và đang từng bước chuyển đổi từ phiếu giấy (phương pháp nhập tin bàn phím và ứng dụng công nghệ quét - scaning) sang phiếu điều tra điện tử. Tuy nhiên, mỗi cuộc điều tra, mỗi kỳ điều tra ứng dụng khác nhau, rất nhỏ lẻ, phân tán, thiếu thống nhất. Kênh báo cáo thống kê và khai thác dữ liệu hành chính mới chỉ bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin hiện đã kết nối sử dụng dữ liệu quản lý thuế và thu nhận báo cáo từ các bộ, ngành thông qua ứng dụng.

(iv) Khâu tổng hợp thông tin: Tổng hợp dữ liệu điều tra đã được thực hiện trực tiếp trên các phần mềm xử lý kết quả cuộc điều tra riêng lẻ. Tuy nhiên, việc sử dụng dữ liệu giữa các cuộc điều tra còn thực hiện thủ công mất nhiều công sức, cụ thể như các phần mềm tổng hợp kết quả trung gian: phần mềm tính giá trị sản xuất, phần mềm tổng hợp dữ liệu thống kê tổng hợp.

(v) Khâu phân tích thống kê: Một số ít chỉ tiêu thống kê được thực hiện phân tích bằng phần mềm SPSS, SATA, còn nhiều chỉ tiêu chưa ứng dụng một phần mềm chuyên nghiệp nào. Một số báo cáo phân tích đã phát hành chủ yếu sử dụng công cụ của bộ phần mềm văn phòng theo ngẫu hứng, chưa có quy chuẩn phân tích thống nhất.

(vi) Khâu phổ biến thông tin thống kê: Thông tin thống kê được phổ biến kịp thời và trực quan trên trang tin điện tử của Tổng cục. Tuy nhiên, nội dung chưa phong phú, công cụ hỗ trợ khai thác thông tin còn yếu, thông tin tĩnh, chưa biểu diễn được thông tin phổ biến ra dưới dạng hình ảnh, thông tin chưa gắn được với bản đồ địa lý.

(vii) Khâu lưu trữ thông tin: Dữ liệu thống kê, nhất là dữ liệu vi mô được lưu trữ rất phân tán, thiếu liên kết giữa số liệu tổng hợp với dữ liệu vi mô, giữa các lĩnh vực, kể cả cùng lĩnh vực nhưng khó liên kết theo thời gian.

Ngoài ra, công việc chỉ đạo điều hành quá trình sản xuất thông tin thống kê đã từng bước được áp dụng ở một số cuộc Tổng điều tra và điều tra thống kê sử dụng phiếu điện tử nhưng vẫn được quản lý trên các ứng dụng riêng rẽ.

- Cơ sở dữ liệu thống kê và metadata:

+ Hiện nay đã hình thành CSDL metadata của Ngành để sử dụng chung với một số dữ liệu về các bảng danh mục; ngân hàng câu hỏi điều tra; các bảng mã câu trả lời cho câu hỏi đóng đối với một số lĩnh vực thống kê.

+ Một số cơ sở dữ liệu được quản lý tập trung tại trung tâm máy chủ Tổng cục, còn lại hầu hết dữ liệu đang được quản lý phân tán tại các máy lẻ của các công chức Vụ nghiệp vụ, các phòng nghiệp vụ Cục Thống kê, thậm chí cả ở Chi Cục Thống kê. Ngoài ra, do nghiệp vụ thường xuyên cải tiến nên phần mềm

phải sửa chữa, cập nhật nhiều, đặc biệt là dữ liệu rất khó kết nối, xâu chuỗi theo thời gian và giữa các lĩnh vực. Cũng chính vì vậy, CSDL metadata mặc dù đã hình thành nhưng chưa thể đầy đủ, chưa thể hoàn thiện để làm cơ sở thống nhất đồng bộ dữ liệu.

3. Kế hoạch Ứng dụng CNTT giai đoạn 2020-2025

Triển khai Đề án 501, Tổng cục Thống kê đã xây dựng các hồ sơ dự án hỗ trợ điều tra thống kê và chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành thực hiện trong giai đoạn 2020-2025, với các nội dung cụ thể:

- Xây dựng trung tâm dữ liệu đầu vào: hình thành trung tâm dữ liệu đầu vào tập trung thống nhất trên cơ sở chuẩn hóa nghiệp vụ và công nghệ sử dụng. Tích hợp tất cả dữ liệu từ các nguồn điều tra, nguồn dữ liệu hành chính, từ nguồn chế độ báo cáo định kỳ và từ nguồn dữ liệu lớn;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đặc tả thống kê (metadata) đáp ứng yêu cầu về chuẩn hóa dữ liệu. Metadata mô tả dữ liệu thống kê bao gồm các dữ liệu đặc tả của các cuộc điều tra trong các đơn vị, ngân hàng câu hỏi điều tra và bộ dữ liệu mô tả thống kê. Metadata về cấu trúc Cơ sở dữ liệu gồm mô tả cơ sở dữ liệu, thông tin các trường dữ liệu và luật logic thể hiện mối quan hệ giữa các trường dữ liệu. Dữ liệu danh mục dùng chung: các danh mục, dữ liệu dùng chung được quản lý tập trung và sử dụng chung giữa các ứng dụng.

- Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đồng bộ thống nhất, gồm bốn hạng mục chính: (i) Hệ thống thu thập thông tin điều tra CAPI, webform[7] và giám sát điều tra; (ii) Hệ thống tiếp nhận, chuẩn hoá, xử lý dữ liệu điều tra; (iii) Hệ thống Cơ sở dữ liệu tập trung để lưu trữ, khai thác và báo cáo thông kê, (iv) Hệ thống công bố thông tin.

- Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hỗ trợ các công đoạn của Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2025 từ khâu thu thập thông tin; xử lý, phân tích thông tin và phổ biến thông tin Tổng điều tra. Sử dụng phiếu điều tra điện tử trên 80% đối với đối tượng là hộ gia đình và trang trại, 100% đối với các đối tượng là doanh nghiệp và UBND xã, phường.

- Từng bước xây dựng các phần mềm CAPI và webform cho các điều tra hàng năm trong khâu thu thập thông tin điều tra.

- Xây dựng kho dữ liệu vi mô thống kê phải đảm bảo được các yêu cầu cơ bản: Chuẩn hoá hệ thống chỉ tiêu, dữ liệu theo các kỳ điều tra và hệ thống chủ đề dữ liệu thống nhất, các thông tin danh mục dùng chung; Có khả năng trích lọc, chuyển đổi, kết xuất, tích hợp dữ liệu từ các CSDL chuyên ngành của các đơn vị (nếu có) vào kho dữ liệu vi mô thống kê, cung cấp các công cụ thống kê, phân tích, dự báo liên quan đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội để hỗ trợ ra quyết định, xuất bản thông tin. Hỗ trợ trình bày hình ảnh hóa dữ liệu (GIS) sau khi người dùng trích xuất.

---

[7] Webform trong Tổng điều tra kinh tế 2021 dự kiến sẽ áp dụng hệ thống e-survey do cơ quan Thống kê Nhật Bản hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật. Hệ thống sẽ thử nghiệm trên 02 tỉnh vào tháng 7/2020. Hệ thống e-survey sẽ áp dụng cho 100% khối doanh nghiệp và khối cá thể đối với cơ sở đăng ký khai thông tin trên webform.

- Xây dựng hệ thống kết nối, trao đổi thông tin với Chính phủ và các bộ, ngành tạo môi trường kết nối liên thông để gửi, nhận thông tin, dữ liệu hành chính phục vụ nghiệp vụ sản xuất số liệu thống kê, trao đổi kết quả phổ biến thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê với Chính phủ và các bộ, ngành. Hệ thống sử dụng nền tảng trục tích hợp dùng chung ESB của Chính phủ điện tử. Các dịch vụ này được tích hợp, vận hành, quản lý tập trung bởi hệ thống quản lý nền tảng trục tích hợp, phục vụ chung cho toàn bộ hệ thống các ứng dụng, CSDL khác bên trong và bên ngoài Tổng cục Thống kê.

- Xây dựng Cổng phổ biến thông tin thống kê công bố các số liệu báo cáo kinh tế - xã hội và dữ liệu thống kê của các cuộc điều tra, thuộc tất cả các lĩnh vực thống kê chuyên ngành theo nhiều hình thức hiển thị, khai thác. Cụ thể là ứng dụng hình ảnh hóa trực quan (infographic và visualization) và khai thác dữ liệu thống kê tùy biến theo phân quyền.

4. Một số yêu cầu về nghiệp vụ

Việc thực hiện chuẩn hóa quy trình, quy định nghiệp vụ cần tiến hành song song và hoàn thành trước khi thực hiện các dự án ứng dụng CNTT trong lĩnh vực thống kê. Các chuẩn mực này sẽ được công bố và áp dụng cho các dự án trong và ngoài ngành Thống kê nhằm đảm bảo khả năng tích hợp thông tin trong quá trình xây cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung là thành phần cốt lõi của hệ thống thông tin thống kê quốc gia.

Chủ trương của Tổng cục trong thời tới sẽ chuyển dần các điều tra hiện nay sang ứng dụng CAPI và webform. Vì vậy, việc thiết kế phiếu điều tra cũng cần thay đổi cách tiếp cận từ phiếu giấy sang phiếu điện tử là người cung cấp thông tin sẽ trả lời lần lượt câu hỏi, bảng hỏi cần tránh các bảng biểu phức tạp nhất có thể. Cục Thống kê và Chi cục Thống kê cần chủ động trong việc tuyển chọn điều tra cần có điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng tham gia. Để nâng cao tỷ lệ cung cấp thông tin qua webform thì đòi hỏi công việc tuyên truyền từ cấp Trung ương tới địa phương cần vào cuộc thực hiện một cách sâu rộng.

Quá trình triển khai hệ thống mới trên diện rộng cần sự tham gia của tất cả các đơn vị trong ngành Thống kê từ khâu tổ chức, đào tạo, tập huấn, cài đặt, vận hành, tuyên truyền và hỗ trợ trong quá trình sử dụng./.

BÁO CÁO
Xây dựng năng lực của hệ thống thống kê trên cơ sở nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin từ việc triển khai Đề án 501

1. Sự cần thiết xây dựng và thực hiện Đề án 501

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và đặc biệt là việc ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 vào Việt Nam đã mang lại nhiều hiệu quả tích cực trong hoạt động quản lý của Nhà nước. Góp phần thực hiện cuộc cách mạng này, ngày 10/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 501/QĐ-TTg phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây viết gọn là Đề án 501). Mục tiêu của Đề án 501 nhằm ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, truyền thông và các phương pháp khoa học dữ liệu để nâng cao chất lượng hoạt động thống kê nhà nước hướng đến hệ thống thông tin thống kê quốc gia tích hợp và hiện đại trong giai đoạn 2020-2025. Đồng thời, đổi mới điều tra thống kê; tích hợp, sử dụng dữ liệu hành chính; thu thập và xử lý dữ liệu lớn; phổ biến thông tin thống kê và chia sẻ dữ liệu, thông tin thống kê theo hướng hiện đại, bảo đảm chất lượng và bảo mật thông tin nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành đất nước dựa trên thông tin thống kê, trong đó có ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho các hoạt động của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

Thời gian qua, ý thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong việc thu thập, xử lý, tổng hợp, lưu giữ và công bố thông tin thống kê, đáp ứng kịp thời cho các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong việc quản lý, điều hành kinh tế - xã hội, Tổng cục Thống kê đã đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động điều tra, thu thập thông tin thống kê (kết nối thành công bước đầu với cơ sở dữ liệu doanh nghiệp của Tổng cục Thuế, sử dụng Web-form, E-form và máy tính bảng thay thế phiếu điều tra truyền thống…), lưu giữ cơ sở dữ liệu thống kê và đạt được những kết quả tích cực.

Tuy nhiên, thực trạng xuống cấp và những bất cập của hệ thống công nghệ thông tin ngành Thống kê hiện không đảm bảo an toàn, an ninh mạng và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng mục tiêu và yêu cầu của các cuộc Tổng điều tra lớn. Do đó, việc triển khai thực hiện Đề án 501 là vô cùng cần thiết và cấp bách đặc biệt là các hạng mục về nâng cấp, hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng CNTT nhằm nâng cao năng lực của hệ thống thống kê phục vụ cho công tác thu thập, xử lý, lưu giữ, phân tích và dự báo thống kê, đồng thời để phù hợp với xu thế phát triển công nghệ thông tin - truyền thông của Chính phủ điện tử.

2. Mục tiêu đầu tư của các Dự án hạ tầng CNTT

Ứng dụng mạnh mẽ CNTT-TT và các phương pháp khoa học dữ liệu để nâng cao chất lượng hoạt động thống kê nhà nước hướng đến hệ thống thông tin thống kê quốc gia tích hợp và hiện đại trong giai đoạn 2020-2025. Đổi mới điều tra thống kê; tích hợp, sử dụng dữ liệu hành chính; thu thập và xử lý dữ liệu lớn;

phổ biến thông tin thống kê và chia sẻ dữ liệu, thông tin thống kê theo hướng hiện đại, bảo đảm chất lượng và bảo mật thông tin nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành đất nước dựa trên thông tin thống kê. Đến năm 2025, năng lực hệ thống thông tin thống kê đạt được cụ thể:

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê nhà nước và hệ cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất theo quy định của Luật Thống kê.

- Sử dụng phiếu điều tra điện tử (CAPI và webform) trong các Tổng điều tra và điều tra thống kê đạt mức trên 75%.

- Tích hợp hoàn chỉnh dữ liệu hành chính có liên quan trong các ngành, lĩnh vực; chuẩn hóa nhu cầu thông tin và thiết kế biểu mẫu đầu ra nhằm thống nhất thông tin trong hệ thống thông tin hành chính nhà nước với thông tin trong hệ thống thông tin thống kê.

- Mở rộng ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong các lĩnh vực thống kê di cư nội địa, du lịch, vận tải và một số lĩnh vực thống kê khác.

- Phổ biến thông tin thống kê phù hợp với Luật Thống kê, Luật Tiếp cận thông tin và các xu hướng hướng dịch vụ công để cung cấp dữ liệu vi mô và công cụ khai thác cho người sử dụng.

- Nâng cấp hoàn chỉnh hạ tầng công nghệ thông tin truyền thông của hệ thống thống kê nhà nước phù hợp với xu thế phát triển công nghệ thông tin truyền thông của thế giới.

3. Thực trạng năng lực hạ tầng công nghệ thông tin ngành Thống kê

3.1. Kết quả đạt được

a) Xây dựng chính sách và quy định

Song song với việc đầu tư trang bị mới hạ tầng công nghệ thông tin, để nâng cao năng lực hệ thống, trong các năm gần đây Tổng cục đã khẩn trương xây dựng, ban hành các Quy chế, quy định về quản lý vận hành hệ thống, gồm:

- Quyết định số 161/QĐ-TCTK ngày 12/4/2012 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử Tổng cục Thống kê.

- Quyết định số 06/QĐ-TCTK ngày 08/01/2018 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng thiết bị di động của Tổng cục Thống kê trong điều tra thống kê.

- Quyết định số 1107/QĐ-TCTK ngày 18/10/2018 về việc ban hành quy chế quản lý cấp phát, thu hồi chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Tổng cục Thống kê.

Một số các quy chế đang trong quá trình dự thảo và hoàn thiện như: các Quy chế về quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin, quy chế quản lý và vận hành hệ thống kết nối chia sẻ dữ liệu với Tổng cục Thuế.

b) Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin

Trước xu hướng phát triển công nghệ thông tin mạnh mẽ và yêu cầu nghiệp vụ thống kê, Tổng cục đã ưu tiên nguồn lực để nâng cấp hạ tầng tối thiểu đáp ứng thực hiện thành công các nhiệm vụ của Ngành.

- Hệ thống thư điện tử đã được nâng cấp và quản lý tập trung tại Trung tâm máy chủ của Tổng cục, theo đó dung lượng mỗi hòm thư đã được tăng từ 500Mb lên 3Gb đáp ứng việc gửi nhận báo cáo thống kê và trao đổi công việc. Hệ thống bảo vệ và chặn thư rác cũng đã được nâng cấp và cải thiện rõ rệt.

- Hệ thống máy chủ và lưu trữ tại Trung tâm máy chủ cũng được từng bước nâng cấp đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ mới bảo đảm năng lực xử lý các cuộc Tổng điều tra, điều tra thống kê đặc biệt là ứng dụng phiếu điều tra điện tử đạt 99,9% và xử lý kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cũng như ứng dụng CAPI trong các cuộc điều tra định kỳ: Chỉ số giá tiêu dùng, Lao động việc làm, Biến động dân số…Trong thời gian qua, một số máy chủ tại Cục Thống kê cũng được trang bị thay thế kịp thời bảo đảm thông suốt hệ thống trong toàn Ngành.

- Hệ thống mạng được thay thế bổ sung bảo đảm duy trì kết nối ổn định và an toàn, an ninh.

- Máy trạm được trang bị bảo đảm thực hiện công việc: giai đoạn 2012-2017 Tổng cục trang bị gần 2000 máy tính để bàn phân bổ trong toàn ngành đáp ứng gần 70% yêu cầu thay thế sử dụng trong vòng 5 năm và 100% máy tính sử dụng trong vòng 10 năm.

- Hệ thống kết nối dữ liệu hành chính: Tổng cục Thống kê đã xây dựng cầu nối chia sẻ dữ liệu với Tổng cục Thuế thực hiện kết nối dữ liệu thuế một các tự động và định kỳ phục vụ tốt cho Điều tra doanh nghiệp hàng năm.

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Tổng cục đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hệ thống CAPI và webform trong thu thập thông tin Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là rất lớn và khó huy động nguồn lực đầu tư ban đầu. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, Tổng cục Thống kê mạnh dạn triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho hệ thống thu thập thông tin của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thành công và đạt hiệu quả cao.

3.2. Hạn chế, bất cập

Hạ tầng công nghệ thông tin ngành Thống kê được trang bị nâng cấp toàn diện kết nối thông suốt toàn ngành từ năm 2010 thông qua Dự án Hiện đại hóa ngành Thống kê và thường xuyên bổ sung, nâng cấp. Các thiết bị mạng được trang bị khá đồng bộ và đầy đủ ở trụ sở Tổng cục Thống kê và 3 Trung tâm Tin học, tại 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Cục Thống kê cấp tỉnh) đều được trang bị mạng kết nối nội bộ (LAN) thông qua đường truyền chuyên dụng (MPLs), dự phòng đường Internet kết nối

bằng cấu hình VPN. Máy chủ được trang bị từ nhiều nguồn và có nhiều chủng loại khác nhau đáp ứng các dịch vụ mạng dùng chung và xử lý kết quả các Tổng điều tra, điều tra của Ngành, máy trạm về cơ bản đã cung cấp đủ cho cán bộ, công chức và viên chức ở cơ quan Tổng cục, Cục Thống kê cấp tỉnh và Chi cục Thống kê cấp huyện phục vụ cho công việc. Ngoài ra, các Trung tâm máy chủ tại Tổng cục và Trung tâm Tin học Thống kê khu vực cũng được trang bị các hệ thống lưu trữ, hệ thống điện và hỗ trợ giám sát an toàn, an ninh mạng, theo dõi cảnh báo độ ẩm, nhiệt độ và phòng chống cháy nổ.

Thiết bị công nghệ thông tin có tốc độ phát triển mạnh mẽ. Do vậy, qua nhiều năm sử dụng hệ thống này đã quá tải và nhiều phần xuống cấp, có nhiều bất cập trước yêu cầu đổi mới của công tác thống kê và xu hướng ứng dụng CNTT-TT trên thế giới và ở Việt Nam.

4. Năng lực CNTT của hệ thống thống kê đến năm 2025

4.1. Giải pháp và lộ trình nâng cấp hạ tầng CNTT

Triển khai Đề án 501, Tổng cục Thống kê căn cứ theo Công văn số 6377/BKHĐT-TCTK của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Kế hoạch triển khai Đề án 501. Năm 2019, Tổng cục đã xây dựng hồ sơ các dự án triển khai thực hiện Đề án trong đó có các dự án về Quy hoạch, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật ngành Thống kê đến 2025 bao gồm các nhóm chính sau:

- Mạng và truyền thông: Quy hoạch và kết nối đồng bộ các thành phần WAN, LAN, Internet, mạng không dây, truy cập từ xa, ảo hóa mạng.

- An toàn thông tin: Phối hợp triển khai đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau: Sử dụng hệ thống tường lửa firewall mạnh để phát hiện và chống xâm nhập trái phép, ngăn ngừa các đe dọa mạng. Bảo mật thông tin bằng giải pháp mã hóa và chứng thực điện tử,... Sử dụng phần mềm phòng chống spam và các đe dọa qua đường email... Sao lưu dữ liệu và bảo vệ máy trạm.

- Dịch vụ cơ sở hạ tầng: Quản lý điện toán đám mây và các dịch vụ mạng.

- Nâng cấp Hệ thống máy chủ và lưu trữ: Nâng cấp cả phần cứng, hệ điều hành và thực hiện theo giải pháp ảo hóa máy chủ (giải pháp ảo hóa đem lại các lợi ích như quản trị tập trung, dễ dàng thay đổi, tận dụng tối ưu tài nguyên hệ thống và giảm chi phí).

- Máy trạm được trang bị cấu hình đủ mạnh và kèm theo bản quyền phần mềm cần thiết như hệ điều hành, phần mềm văn phòng, phần mềm bảo vệ máy trạm và chống virus.

- Trung tâm dữ liệu: Ngoài trung tâm dữ liệu chính được xây dựng, cần xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng sau thảm họa (DRC) để phòng tránh rủi ro khi có sự cố với trung tâm dữ liệu chính, trung tâm này sẽ đảm trách vị trí của trung tâm chính trong khi chờ khôi phục trung tâm chính. Cùng với nhiều giải pháp khác, DRC giúp giảm thiểu điểm hỏng đơn của hệ thống.

- Quản lý và vận hành: Xây dựng và ban hành các chiến lược, chính sách và dự án CNTT quy định các quy trình, thủ tục cụ thể phải tuân thủ.Trang bị hệ

thống các công cụ hỗ trợ, các quy trình thủ tục và tổ chức bộ máy cho công tác hỗ trợ, vận hành toàn bộ hệ thống.

- Lộ trình thực hiện (Phụ lục 1 kèm theo).

4.2. Năng lực hệ thống thống kê đến năm 2025

a) Đối với điều tra mẫu và Tổng điều tra

Hạ tầng CNTT đáp ứng thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ các công đoạn của điều tra mẫu và Tổng điều tra từ khâu thu thập thông tin; xử lý, tổng hợp, phân tích thông tin và phổ biến thông tin, cụ thể:

- Sử dụng phiếu điều tra điện tử thay thế phiếu giấy: Hệ thống bảo đảm năng lực xử lý và kết nối an toàn số lượng lớn người dùng truy cập từ internet lên đến hàng trăm nghìn kết nối đồng thời;

- Hệ thống giám sát điều tra;

- Hệ thống quản lý gửi, nhận chế độ báo cáo quốc gia, chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã đủ năng lực xử lý đến cấp sở/ngành và quận/huyện và tiến tới kết nối tới cấp xã/phường;

- Quản lý cơ sở dữ liệu vi mô tập trung khai thác trong toàn Ngành.

b) Kết nối sử dụng dữ liệu hành chính

Kết nối với các bộ, ngành thông qua nền tảng kết nối tích hợp quốc gia thực hiện trao đổi, chia sẻ dữ liệu thống kê và dữ liệu chuyên ngành. Kết nối và sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành đã được quy định tại Luật Thống kê. Hệ thống xử lý và lưu trữ đáp ứng sử dụng dữ liệu hành chính từ nhiều bộ ngành.

c) Công nghệ khai phá dữ liệu (khai thác dữ liệu lớn)

Trước yêu cầu đổi mới phương pháp luận thống kê, nhiều nguồn dữ liệu mới được nghiên cứu sử dụng cho mục đích thống kê. Hạ tầng CNTT ngành Thống kê đáp ứng sử dụng dữ liệu lớn (Big data), hồ dữ liệu (data lake), dữ liệu mở (open data), cụ thể đến năm 2025 hạ tầng CNTT đáp ứng việc sử dụng dữ liệu trên internet để biên soạn CPI, sử dụng dữ liệu nhà mạng di động để nghiên cứu di cư nội địa, sử dụng dữ liệu hành chính và dữ liệu trên internet để nghiên cứu chỉ số giá bất động sản…

d) Phổ biến thông tin thống kê

Phổ biến thông tin thống kê được thực hiện trên các thiết bị có công nghệ tiên tiến biểu diễn trực quan (visualization);

Dữ liệu vi mô thống kê được quản lý khai thác ở các mức độ khác nhau tùy theo quyền được truy cập;

Số liệu thống kê được chia sẻ theo các chuẩn chung của Chính phủ điện tử nhằm kết nối và chia sẻ một cách có hiệu quả.

e) Điều hành tác nghiệp

Trước yêu cầu của Chính phủ điện tử, hạ tầng CNTT được nâng cấp đáp ứng nghiệp vụ thống kê đồng thời đáp ứng điều hành tác nghiệp, cụ thể:

- Hệ thống thư điện tử vẫn đang được duy trì, vận hành ổn định. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục được nâng cấp để mở rộng dung lượng của hòm thư điện tử và các giải pháp chống thư rác và bảo đảm an toàn, an ninh;

- Hệ thống họp trực tuyến: Việc thực hiện họp trực tuyến sẽ giúp giảm thời gian đi lại và tiết kiệm chi phí. Hệ thống họp trực tuyến của Tổng cục Thống kê sẽ kết nối cơ quan Tổng cục với các 63 Cục Thống kê và dự kiến sẽ áp dụng cho các hội nghị tập huấn nghiệp vụ trước mắt là những hội nghị có thời gian ngắn;

- Ký số văn bản điện tử: Năm 2019, ngành Thống kê đã trang bị hạ tầng CNTT (chữ ký số, hệ thống) bảo đảm thực hiện áp dụng ký số văn bản điện tử theo yêu cầu của Chính phủ điện tử. Trong thời gian tới, hạ tầng CNTT tiếp tục được nâng cấp mở rộng đáp ứng yêu cầu áp dụng ký số và gửi nhận văn bản điện tử một cách toàn diện./.

Phụ lục 1: Lộ trình thực hiện nâng cấp hạ tầng CNTT ngành Thống kê giai đoạn 2019-2025

STT	Tên dự án/nhóm dự án	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng và vận hành kho dữ liệu đặc tả thống kê	2019-2020
2	Nâng cấp và mở rộng hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu Tổng điều tra kinh tế năm 2021	2019-2021
3	Nâng cấp và mở rộng hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản	2024-2025
4	Nâng cấp và mở rộng hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu các cuộc điều tra hàng năm	2020-2022
5	Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của chế độ báo cáo Quốc gia; chế độ báo cáo cấp Bộ, ngành; Chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã	2022
6	Xây dựng Hệ thống kết nối, trao đổi thông tin với Chính phủ và các Bộ, ngành	2021
7	Xây dựng Hệ thống cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	2021-2022
8	Xây dựng hệ thống kho dữ liệu thống kê vi mô	2022-2023
9	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Quản lý, điều hành	2021-2024
10	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật mạng WAN, LAN, thiết bị đầu cuối (Laptop, PC, Printer, Tablet) và xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng	2025

BÁO CÁO
Kết quả bước đầu thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát và kế hoạch triển khai năm 2020

I. NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

Ngày 01/02/2019, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc ban hành Quyết định số 146/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát. Mục tiêu của Đề án nhằm: (i) đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế chưa được quan sát nhằm phản ánh đầy đủ, toàn diện hơn phạm vi, quy mô của nền kinh tế; (ii) tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ thống kê nói chung và nghiệp vụ biên soạn tài khoản quốc gia nói riêng, từng bước tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ thống kê quốc tế; (iii) góp phần bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước đối với nền kinh tế.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) được giao chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm đo lường khu vực kinh tế chưa được sát; tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng và xây dựng Danh mục các hoạt động kinh tế chưa được quan sát trong nền kinh tế nước ta; lựa chọn phương pháp đo lường và xây dựng, ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê nguồn thông tin đầu vào phục vụ đo lường nền kinh tế này.

Năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) được giao thực hiện nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế; xác định phạm vi, quy mô khu vực kinh tế chưa được quan sát trong nền kinh tế nước ta; lựa chọn phương pháp đo lường và tiến hành đo lường thử nghiệm; đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm.

II. CÁC CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2019

1. Kết quả bước đầu

Ngày 20/02/2019 Tổng cục Thống kê đã tổ chức họp báo công bố Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, với vai trò là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát, Tổng cục Thống kê đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án. Các nội dung trong Kế hoạch triển khai Đề án đã được xin ý kiến các bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, Tổng cục Thống kê đã tiếp thu và hoàn thiện, báo cáo Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát. Ngày 29/7/2019, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 5258/BKHĐT-TCTK về triển khai thực hiện Đề án, trong đó giao Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện một số nội dung công việc cụ thể để thực hiện Đề án.

Thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án, trong năm 2019, Tổng cục Thống kê đã thực hiện các công việc sau:

- Nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm quốc tế đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát được triển khai dựa trên tham khảo các nguồn thông tin chuẩn mực của các tổ chức quốc tế như cuốn "Cẩm nang Đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát" do OECD xuất bản năm 2002. Cuốn sổ tay này như một tiêu chuẩn quốc tế về khu vực kinh tế chưa được quan sát (sau đây viết tắt là khu vực NOE) để áp dụng thống nhất trong việc đo lường khu vực NOE ở cấp độ quốc gia và quốc tế. Ngoài ra, Tổng cục Thống kê còn tham khảo thông tin từ cuốn "Hướng dẫn cơ bản biên soạn GDP ở các quốc gia Châu Phi" do Ngân hàng Phát triển Châu Phi phát hành năm 2017, chuyên gia Vũ Quang Việt chủ biên.

- Dựa vào lý luận và kinh nghiệm quốc tế tham khảo từ các cuốn Cẩm nang cũng như góp ý của Ông Francois Roubaud và Bà Constance Torelli, các Chuyên gia của Viện Nghiên cứu Kinh tế và Thống kê Pháp trong đợt công tác tại Tổng cục Thống kê tháng 4/2019, Tổng cục Thống kê đã xây dựng và hướng dẫn sử dụng khái niệm khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình gửi các đơn vị thuộc Tổng cục và 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tại Công văn số 1127/TCTK-TKQG ngày 13/9/2019).

- Trong năm 2019, đã tiến hành nghiên cứu, rà soát và bổ sung nguồn thông tin để tính toán thành tố thứ năm - hoạt động bị bỏ sót trong các chương trình thu thập thông tin cơ bản - là một trong năm thành tố của khu vực NOE. Kết quả của việc nghiên cứu, rà soát, đánh giá các hoạt động bị bỏ sót trong chương trình thu thập thông tin cơ bản đã bổ sung thông tin quan trọng phục vụ đánh giá lại quy mô GDP cả nước giai đoạn 2010-2017 và GRDP của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho giai đoạn 2010-2018. Có thể nói, đây là kết quả quan trọng nhất của việc thực hiện Đề án trong năm 2019 thông qua việc nghiên cứu và bổ sung nguồn thông tin theo thành tố thứ 5 của khu vực NOE.

- Bước đầu thực hiện đánh giá thực trạng khu vực kinh tế chưa được quan sát; xác định các đặc điểm nhận dạng cơ bản, các yếu tố cấu thành và nguyên nhân phát sinh, hoạt động khu vực kinh tế này ở Việt Nam làm căn cứ để lập danh mục các hoạt động kinh tế chưa được quan sát.

- Hoạt động trao đổi kinh nghiệm và cập nhật lý luận, nghiệp vụ tiên tiến về đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát với việc tổ chức thành công chuyến khảo sát, học tập kinh nghiệm về đo lường khu vực kinh tế phi chính thức tại Viện quốc gia về Thống kê và Thông tin Peru (Viện INEI) vào tháng 8/2019. Qua khảo sát công tác thống kê tại Peru cho thấy, đối với các thành tố của khu vực chưa được quan sát, không nhất thiết phải có ranh giới rõ ràng giữa khu vực phi chính thức, bất hợp pháp và ngầm. Khu vực chưa được quan sát tùy thuộc vào việc không thể biết hay không thể đo lường được một khu vực nào đó. Theo OECD, các hoạt động của khu vực phi chính thức là một phần của khu vực kinh tế chưa được quan sát vì đó là những hoạt động không dễ quan sát được. Tuy nhiên, ở Peru, phần lớn các hoạt động phi chính thức không thể phân vào nhóm chưa quan sát được vì Viện INEI đã và đang thực hiện các

kế hoạch để có thể thu thập được thông tin và tính toán khu vực này chuẩn xác hơn. Việc lập các tài khoản quốc gia với năm gốc mới 2007 cũng như điều tra lao động độc lập trong điều tra hộ gia đình quốc gia (ENAHO) góp phần quan trọng giúp hiểu biết rõ về khu vực phi chính thức.

- Thực hiện phân tích, đánh giá chuyên sâu về hoạt động bị bỏ sót trong các chương trình thu thập thông tin cơ bản cho giai đoạn 2010-2017.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Mặc dù công tác triển khai thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát đã có một số kết quả bước đầu nhưng nhìn chung, đây là một Đề án khó và còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai trong thực tế:

- Một là, khó khăn khi phân định ranh giới để xác định và sắp xếp các hoạt động cụ thể vào từng thành tố. Có thể có sự trùng lặp, đan xen khi phân định các hoạt động theo các thành tố. Tuy nhiên, theo quy định trong tài khoản quốc gia, một hoạt động sẽ không được phép tính trùng. Do vậy, khi hoạt động đó đã được tính toán trong thành tố này thì sẽ không được tính toán trong các thành tố khác. Khi tiến hành thực hiện Đề án, sẽ có những quy ước rõ ràng phân chia các hoạt động theo các thành tố để không xảy ra hiện tượng tính trùng, tính lặp các hoạt động của khu vực kinh tế chưa được quan sát.

- Hai là, việc thu thập thông tin về kết quả sản xuất của các hoạt động kinh tế ngầm rất phức tạp và khó khăn vì các chủ thể thực hiện các hoạt động này có nhiều cách tinh vi để che giấu. Trên thực tế, hoạt động kinh tế ngầm là các hoạt động kinh tế hợp pháp nhưng bị giấu diếm có chủ ý nhằm tránh các nghĩa vụ nộp thuế và trách nhiệm xã hội. Trong khi, hoạt động kinh tế bất hợp pháp là các hoạt động bị pháp luật cấm nhưng chủ thể vẫn cố tình thực hiện. Ở Việt Nam, các hoạt động sản xuất kinh doanh bất hợp pháp bị pháp luật cấm và không nằm trong phạm vi sản xuất, nhưng trong thực tế các hoạt động kinh tế bất hợp pháp luôn tồn tại và có ảnh hưởng đến nền kinh tế.

- Ba là, đo lường hoạt động kinh tế ngầm và kinh tế bất hợp pháp còn khó khăn ở lựa chọn phương pháp phù hợp đối với Việt Nam. Hiện nay, các quốc gia trên thế giới nếu không thu thập thông tin và đo lường các hoạt động này trực tiếp thông qua số liệu thống kê thì sẽ tiến hành đo lường qua mô hình kinh tế định lượng. Tuy vậy, các loại số liệu thống kê phục vụ đo lường qua mô hình định lượng của Việt Nam còn hạn chế, chuỗi số liệu chưa đảm bảo độ vững cho các kết quả ước lượng.

- Bốn là, đo lường các thành tố khác như hoạt động phi chính thức, đặc biệt là hoạt động phi chính thức của các chủ thể có nơi làm việc di động hoặc các hoạt động ứng dụng công nghệ mới xuất hiện; hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình chưa được thực hiện triệt để.

- Năm là, triển khai thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát khó khăn và phức tạp không chỉ về phương pháp luận thống kê mà còn vướng mắc trong thực tiễn như thiếu nguồn thông tin, chồng chéo về chính sách quản lý, sự phối hợp thiếu hiệu quả giữa các cơ quan quản lý Nhà nước….

- Sáu là, công tác phân tích, đánh giá kết quả đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát, tác động tới nền kinh tế và các lĩnh vực của đời sống xã hội mới được thực hiện ở bước đầu, chưa thực sự đi vào phân tích chuyên sâu theo từng thành tố và các lĩnh vực, đời sống của xã hội.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NĂM 2020

Thực hiện kế hoạch triển khai Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát, năm 2020 bắt đầu đo lường chính thức; hằng năm sẽ cập nhật kết quả đo lường biên soạn tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội liên quan.

Để việc thực hiện thành công Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát, cần có sự quyết tâm của các đơn vị của Tổng cục, các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và sự phối hợp của các Bộ, ban, ngành và địa phương. Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê sẽ tiếp tục thực hiện các công việc:

1. Tiếp tục thực hiện nghiên cứu tài liệu về phương pháp luận đánh giá và phương pháp thu thập thông tin khu vực kinh tế chưa được quan sát; khảo sát kinh nghiệm của một số quốc gia trong đánh giá khu vực kinh tế chưa được quan sát, từ đó xây dựng phương pháp luận chuẩn mực cho Việt Nam.

2. Hoàn thiện đánh giá thực trạng công tác thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát và xây dựng các chỉ tiêu thống kê phản ánh hoạt động của khu vực kinh tế chưa được quan sát.

3. Hoàn thiện các tiêu chí phân loại và phương pháp điều tra thu thập thông tin thống kê về hoạt động của khu vực kinh tế chưa được quan sát.

4. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nguồn thông tin thống kê về hoạt động của khu vực kinh tế chưa được quan sát; bổ sung nội dung vào phương án điều tra: Điều tra Hộ sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; Điều tra Doanh nghiệp; Điều tra Lao động - Việc làm; Khảo sát Mức sống hộ gia đình.

5. Xây dựng cơ chế phối hợp, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các Bộ, ngành với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

6. Biên soạn số liệu chính thức về khu vực kinh tế chưa được quan sát; cập nhật kết quả đo lường biên soạn tổng sản phẩm trong nước, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội liên quan.

7. Phân tích, đánh giá kết quả đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát và tác động tới nền kinh tế và các lĩnh vực của đời sống xã hội.

8. Hướng dẫn phương pháp tính toán thống kê về hoạt động của khu vực kinh tế chưa được quan sát phù hợp với Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

9. Hoàn thiện và tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, nâng cao năng lực và chất lượng nhân lực và các nguồn lực khác phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê về hoạt động của khu vực kinh tế chưa được quan sát.

10. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thống kê, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi đánh giá tình hình thực hiện Đề án./.

BÁO CÁO
Một số nội dung về công tác cung cấp và phổ biến thông tin thống kê

I. BỐI CẢNH

Công tác cung cấp và phổ biến thông tin thống kê của ngành Thống kê diễn ra trong bối cảnh vừa có những thuận lợi, vừa nhiều thách thức đan xen nhau:

1. Trong những năm vừa qua, tình hình kinh tế - xã hội nước ta có những bước phát triển mạnh mẽ và đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận nhưng cùng với đó là những thách thức nảy sinh trong quá trình hội nhập và phát triển: Nhiều ngành nghề mới xuất hiện, kinh tế thương mại trong nước và toàn cầu diễn biến phức tạp, cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực diễn ra gay gắt… đòi hỏi công tác nghiệp vụ thống kê cần được nghiên cứu, đổi mới để phù hợp với xu thế, chuẩn mực quốc tế và thực tiễn trong nước nhằm thu thập đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin thống kê.

2. Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức quốc tế và đối tượng dùng tin ngày càng quan tâm đến thông tin thống kê, đặc biệt trong công tác chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành. Yêu cầu ngày càng cao đối với thông tin thống kê là những áp lực không hề nhỏ của ngành Thống kê nói chung và người làm công tác cung cấp, phổ biến thông tin thống kê nói riêng.

3. Thời đại công nghệ, thông tin bùng nổ, các trang mạng xã hội phát triển mạnh, lượng thông tin lan truyền mạnh mẽ, sâu rộng, đây vừa là yếu tố thuận lợi nhưng cũng có những bất cập nếu thông tin đưa không chính xác hoặc dẫn nguồn không đầy đủ…

Theo đó, hoạt động thống kê cần có sự đầu tư nghiên cứu đổi mới, tìm ra những cách thức phù hợp nhất để cung cấp, phổ biến thông tin thống kê kịp thời, hiệu quả đến người dùng tin nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình thực tế.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong những năm vừa qua, ngành Thống kê từ Trung ương đến địa phương đã tích cực đẩy mạnh hoạt động cung cấp và phổ biến thông tin thống kê như: Tạo lập khuôn khổ pháp lý, hoàn thiện phương pháp nghiệp vụ, tăng cường hợp tác học tập kinh nghiệm phổ biến thông tin thống kê của các quốc gia và các tổ chức quốc tế nên thông tin thống kê được phổ biến ngày càng nhiều hơn, phạm vi rộng rãi hơn, góp phần quyết định đưa công tác thống kê nói chung và công tác phổ biến thông tin thống kê nói riêng của toàn ngành Thống kê phát triển phù hợp với quá trình đổi mới của đất nước và thông lệ quốc tế. Thông tin thống kê do ngành Thống kê thu thập, tổng hợp và phổ biến đã trở thành một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá, phân tích thực trạng và xu hướng phát triển tình hình kinh tế-xã hội trên phạm vi cả nước và cũng như của từng

Bộ, ngành, địa phương. Theo đó, vị thế của Tổng cục Thống kê ngày càng được nâng lên.

Thực hiện Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê, trong năm 2019, hoạt động cung cấp, phổ biến thông tin thống kê tiếp tục được Tổng cục Thống kê đẩy mạnh theo hướng kịp thời, đầy đủ, khách quan, tiếp cận bình đẳng và minh bạch đến mọi đối tượng sử dụng thông tin thống kê bằng nhiều hình thức, đáp ứng kịp thời các yêu cầu thường xuyên, đột xuất của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và các đối tượng dùng tin khác. Lịch phổ biến thông tin thống kê tại cơ quan Tổng cục và các Cục Thống kê năm 2019 được xây dựng và công bố trên website, đồng thời Tổng cục Thống kê còn phổ biến Lịch phổ biến thông tin dưới dạng Lịch để bàn, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch thông tin thống kê nhà nước được công bố, đây cũng là lời cam kết của Tổng cục Thống kê đối với người dùng tin về tính kịp thời của thông tin thống kê.

Tổng cục Thống kê đã tổ chức họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý I, quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, cả năm 2019, thông cáo báo chí đã có đổi mới khi đưa ra các nhận định giúp các nhà báo hiểu rõ hơn về tình hình của từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tại địa phương, một số Cục Thống kê đã chủ động tổ chức Họp báo công bố tình hình kinh tế - xã hội của địa phương 6 tháng đầu năm và cả năm 2019. Trong năm Tổng cục đã tổ chức Họp báo công bố số liệu sơ bộ, Tổng kết và công bố kết quả chính thức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; họp báo công bố sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019. Bên cạnh việc tổ chức các cuộc họp báo, Tổng cục Thống kê cũng đẩy mạnh hình thức trao đổi, tọa đàm các chủ đề chuyên sâu về tình hình kinh tế - xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng giúp cho người dùng tin hiểu được bức tranh kinh tế của đất nước. Lãnh đạo Tổng cục và lãnh đạo các đơn vị đã chủ động trao đổi với báo chí và tham gia các chương trình truyền hình để làm rõ và phổ biến thông tin thống kê kinh tế - xã hội cũng như các hoạt động lớn của Ngành.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm của Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ngày càng được nâng cao chất lượng. Báo cáo đã phân tích, đánh giá sát hơn thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước và các địa phương; đánh giá được nguyên nhân, tác động đến sự tăng/giảm của các chỉ tiêu, ngành, lĩnh vực và sản phẩm, đồng thời đề xuất các giải pháp cho phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tiếp theo; phản ánh kịp thời tình hình thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Việc đẩy mạnh ứng dụng Infographics trong biên soạn giúp các Báo cáo trở nên sinh động, súc tích với

nhiều hình ảnh đẹp, dễ nhớ cùng với các nhận định ngắn gọn. Tổng cục Thống kê đã xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế từng quý với các giải pháp cụ thể báo cáo Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ trong chỉ đạo điều hành nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, xây dựng kịch bản lạm phát hàng năm dựa vào các thông tin từ các Bộ, ngành đối với các mặt hàng do nhà nước quản lý, diễn biến giá của một số mặt hàng quan trọng như xăng dầu, lương thực, thực phẩm, sắt thép, các yếu tố đầu vào cho sản xuất. Sau mỗi tháng, Tổng cục Thống kê xem xét lại các yếu tố có thể tác động đến lạm phát, để cập nhật các kịch bản, từ đó đưa ra các kiến nghị trong điều hành của Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương nhằm đảm bảo đạt mục tiêu kiểm soát mà Quốc hội và Chính phủ đã đặt ra, do đó, trong những năm gần đây công tác điều hành, kiểm soát lạm phát của Chính phủ rất thành công. Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê đã chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin và biên soạn các ấn phẩm phân tích chuyên sâu để cung cấp thêm thông tin trong quá trình chỉ đạo điều hành của Chính phủ, như ấn phẩm: Tăng trưởng các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2011-2017; Năng suất lao động và giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng năng suất lao động của Việt Nam; Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 2016-2018…

Tổng cục Thống kê đã trực tiếp tham gia vào Tiểu ban kinh tế - xã hội chuẩn bị Đại hội XIII của Đảng, Hội đồng tư vấn chính sách tài chính tiền tệ quốc gia, Ủy ban điều hành giá quốc gia; các Cục Thống kê tham gia vào Tiểu ban xây dựng văn kiện của địa phương, qua đó ngành Thống kê đã có tiếng nói trực tiếp, hiệu quả đối với các lĩnh vực được tham gia.

Bên cạnh việc phục vụ tốt yêu cầu thông tin của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và địa phương, Tổng cục Thống kê tiếp tục thực hiện tốt việc cung cấp thông tin thường xuyên, đột xuất tới các đối tượng dùng tin khác trong nước, các tổ chức quốc tế như cơ quan Thống kê Liên hợp quốc, Ban thư ký ASEAN, IMF, WB, FAO, ESCAP, ILO... và Đại sứ quán của nhiều nước.

Số lượng, chủng loại ấn phẩm phổ biến thông tin thống kê biên soạn, cung cấp ngày càng đa dạng, hình thức phổ biến thông tin phong phú theo hướng công khai, minh bạch và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Thông tin thống kê phổ biến tới các đối tượng sử dụng ngoài hình thức ấn phẩm, đĩa CD-ROM, phổ biến trên website[8]. Trong năm 2019, Tạp chí Con số và Sự kiện đã đưa Trang thông tin điện tử của Tạp chí vào hoạt động với giao diện được bố trí khoa học, thông tin phong phú, cập nhật nên chỉ trong thời gian ngắn đã thu hút được đông đảo độc giả. Tổng cục Thống kê đang xây dựng trang web mới với giao diện đẹp mắt, nội dung và bố cục thông tin được

[8] *Đến nay, trên 40 Cục Thống kê đã có trang Thông tin điện tử để phổ biến thông tin.*

sắp xếp hướng theo nhu cầu của người sử dụng thông tin thống kê, dễ vận hành và sẽ chính thức thay thế trang web cũ trong quý I/2020.

III. HẠN CHẾ, BẤT CẬP

Mặc dù đã đạt được những kết quả rất quan trọng nêu trên, nhưng hoạt động phổ biến thông tin thống kê của Hệ thống tổ chức thống kê tập trung vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, thể hiện trên những mặt chủ yếu sau đây:

- Việc triển khai biên soạn và phổ biến các sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu được đẩy mạnh ở các Vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Tổng cục Thống kê; sản phẩm thông tin thống kê của Cục Thống kê cấp tỉnh, Chi cục Thống kê cấp huyện nhìn chung còn nghèo nàn và không có sự thống nhất giữa các địa phương. Chưa thường xuyên chủ động tìm hiểu nhu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng dùng tin, một số sản phẩm phân tích chuyên sâu, chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu. Số lượng sản phẩm phân tích không nhiều, chủ đề chưa đa dạng chủ yếu được biên soạn và phát hành khi có yêu cầu phục vụ các sự kiện chính trị hay các dịp kỷ niệm các sự kiện lớn.

- Hình thức phổ biến thông tin thống kê qua biên soạn và phát hành các ấn phẩm theo phương pháp truyền thống vẫn là chủ yếu; phổ biến thông tin qua các sản phẩm, phương tiện điện tử còn rất hạn chế. Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê đưa vào hoạt động từ năm 2004, nhưng đến nay lượng thông tin chưa nhiều. Còn nhiều Cục Thống kê cấp tỉnh chưa có Trang thông tin điện tử thống kê.

- Khối lượng thông tin thống kê thu thập, tổng hợp trong những năm vừa qua khá phong phú, nhưng các sản phẩm thống kê chưa được chú ý biên soạn nên nhiều thông tin đã thu thập, tổng hợp chưa thể trở thành các sản phẩm thông tin thống kê để phổ biến cho các đối tượng sử dụng.

- Việc cung cấp và phổ biến thông tin của một số địa phương chưa tuân thủ theo quy định của Lịch phổ biến thông tin thống kê (phổ biến, cung cấp thông tin quá sớm so với quy định hoặc chưa kịp thời theo Lịch).

- Một số thông tin thống kê công bố nhưng chưa làm rõ cơ sở khoa học dẫn đến dư luận trái chiều.

- Một số Thủ trưởng đơn vị và công chức trong Ngành chưa nhận thức hết trách nhiệm của đơn vị và từng cá nhân về tầm quan trọng của công tác cung cấp và phổ biến thông tin thống kê.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm thống kê

- Thực hiện tốt Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2020, trên cơ sở đó tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê để nâng cao chất lượng sản phẩm thống kê.

- Chủ động nắm bắt thông tin kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, đặc biệt những vấn đề nóng, có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế, xã hội của đất

nước từ đó xây dựng các chuyên đề chuyên sâu phục vụ công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

- Tổ chức các lớp đào tạo về công tác tổng hợp thông tin, kỹ năng viết báo cáo, thông cáo báo chí cho các đơn vị trong Ngành.

- Tăng cường công tác chia sẻ thông tin thống kê trong nội bộ ngành Thống kê, giữa ngành Thống kê với các cơ quan bên ngoài.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phân tích và dự báo thống kê kinh tế - xã hội theo hướng thực hiện thường xuyên, đa dạng hoá các sản phẩm phân tích và dự báo.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin, infographic trong biên soạn sản phẩm thống kê

- Xây dựng kế hoạch xuất bản các ấn phẩm điện tử năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Tăng cường sử dụng nội dung thông tin cô đọng bằng các hình thức trực quan hóa dữ liệu, infographic, bảng biểu, đồ thị... trong các sản phẩm thống kê.

3. Tăng cường công tác phổ biến thông tin thống kê, nâng cao nhận thức của người làm thống kê về nhiệm vụ cung cấp và phổ biến thông tin thống kê

- Từ kết quả của Điều tra nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin thống kê năm 2020, lựa chọn các hình thức cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo mong muốn của người sử dụng thông tin thống kê.

- Khẩn trương đưa Trang thông tin điện tử mới của Tổng cục Thống kê vào hoạt động chính thức, các Cục Thống kê đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Trang thông tin điện tử của đơn vị, đưa Trang thông tin điện tử trở thành kênh phổ biến chính của ngành Thống kê.

- Xuất bản các ấn phẩm bỏ túi, ấn phẩm chuyên sâu phục vụ tùy các đối tượng sử dụng.

- Nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, công chức thống kê, mỗi người là một tuyên truyền viên có trách nhiệm phổ biến thông tin thống kê đã được công bố trong khi thi hành công vụ.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công chức, viên chức trong Ngành thực hiện nghiêm quy định của Luật Thống kê về công bố và phổ biến thông tin thống kê; thực hiện Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Xử lý nghiêm cá nhân và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khi để xảy ra vi phạm về phổ biến, cung cấp thông tin thống kê khi chưa được công bố hoặc chưa được người có thẩm quyền cho phép./.

BÁO CÁO
Một số nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng phân tích và dự báo thống kê

I. Vai trò của công tác phân tích và dự báo trong hoạt động thống kê

Phân tích và dự báo thống kê ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong hoạt động thống kê. Phân tích và dự báo nâng cao giá trị của thông tin thống kê, làm cho "con số thống kê thực sự biết nói", giúp người sử dụng thông tin thống kê hiểu biết một cách đầy đủ và sâu sắc hơn về số liệu thống kê.

Phân tích và dự báo thống kê phục vụ việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước và từng địa phương với mục đích nâng cao tính hiệu quả, sự phù hợp của các chính sách được ban hành. Bên cạnh đó, việc phân tích và dự báo thống kê còn cung cấp thông tin định hướng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân và tổ chức. Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại là xu thế nổi bật của kinh tế thế giới có tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế nước ta, những biến động của kinh tế trong nước cùng với tác động của diễn biến thời tiết, giá cả, dịch bệnh… đòi hỏi công tác phân tích và dự báo thống kê phải nâng cao chất lượng, nắm bắt kịp thời và đầy đủ thông tin, đưa ra những phân tích, dự báo phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các cấp, các ngành.

Nhiệm vụ phân tích và dự báo thống kê đã được quy định trong các văn bản pháp lý như: Luật Thống kê (Điều 45, Chương IV) quy định trách nhiệm của cơ quan thống kê nhà nước trong việc thực hiện phân tích và dự báo thống kê; Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê là một trong những chương trình hành động thực hiện Chiến lược; Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Khoản 8 Điều 2) và Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ (Khoản 6 Điều 3 và khoản 5 Điều 5).

Với vai trò quan trọng như vậy, trong các năm 2018 và năm 2019, Nghị quyết số 01/NQ-CP hàng năm của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước đều xác định củng cố hệ thống thông tin, báo cáo; nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo, phục vụ quản lý, điều hành là một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

Vì vậy, phân tích và dự báo thống kê trung thực, khách quan, toàn diện là trách nhiệm của ngành Thống kê và trong thời gian tới cần tiếp tục nâng cao

chất lượng, tính kịp thời để phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ và các cấp, các ngành.

II. Thực trạng công tác phân tích và dự báo thống kê của Tổng cục Thống kê

1. Kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, công tác phân tích và dự báo của ngành Thống kê từng bước được cải thiện với những kết quả nhất định. Nội dung và chất lượng Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm của Tổng cục Thống kê và các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ngày một nâng lên. Báo cáo đã phân tích, đánh giá sát hơn thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước và các địa phương; đánh giá được nguyên nhân, tác động đến sự tăng/giảm của các chỉ tiêu, ngành, lĩnh vực và sản phẩm, đồng thời đề xuất các giải pháp cho phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tiếp theo; phản ánh kịp thời tình hình thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, từ năm 2017, dựa trên kết quả phân tích và dự báo thống kê, Tổng cục Thống kê đã xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế từng quý với các giải pháp cụ thể báo cáo Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ trong chỉ đạo điều hành nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đồng thời sử dụng một số mô hình dự báo, đánh giá tác động của các chính sách như tăng giá điện, giá xăng dầu, giá dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế lên lạm phát, tăng trưởng kinh tế và một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, làm cơ sở để xây dựng các phương án điều chỉnh giá, báo cáo Chính phủ điều chỉnh giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường, đồng thời bảo đảm mục tiêu kiểm soát lạm phát Quốc hội đề ra.

Cùng với các báo cáo phân tích, dự báo ngắn hạn, Tổng cục đã thực hiện nhiều chuyên đề, báo cáo phân tích và dự báo chuyên sâu, trong đó có một số chuyên đề nhận được sự đánh giá cao của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê như: Tăng trưởng các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2011-2017 được sử dụng làm tài liệu trong cuộc họp thường trực Chính phủ về Vùng kinh tế trọng điểm; Năng suất lao động và giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng năng suất lao động của Việt Nam, là tài liệu chính trong Hội nghị Cải thiện năng suất lao động quốc gia do Thủ tướng Chính phủ chủ trì; Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 2016-2018; Phân tích cung, cầu lúa ở Việt Nam; Phân tích chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu và tỷ giá thương mại hàng hóa ở Việt Nam giai đoạn 2011-2018; Phân tích các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2013-2018; Phân tích tác động của thu nhập và chi tiêu tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2010-2016… Đặc biệt, nét mới trong một số chuyên đề, báo cáo phân tích và dự báo của Tổng cục Thống kê trong thời gian gần đây là lượng hóa được tác động của các yếu tố nguyên nhân lên yếu tố kết quả bằng việc sử dụng công cụ phân tích như bảng SUT, bảng IO và các mô hình dự báo thực hiện trên phần mềm STATA, SPSS, EVIEW, ngôn ngữ R.

Công tác phân tích và dự báo thống kê ở địa phương cũng ngày càng đạt được nhiều kết quả tích cực, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Tổng cục. Các báo cáo, chuyên đề phân tích, dự báo của 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã trở thành nguồn thông tin quan trọng phục vụ kịp thời các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng của các chuyên đề, báo cáo phân tích và dự báo thống kê, đồng thời nâng cao trình độ, kỹ năng của công chức làm công tác phân tích và dự báo, trong năm 2019, Tổng cục đã cử nhiều công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phân tích, dự báo ở trong nước và quốc tế, tổ chức một số lớp đào tạo như phân tích và dự báo theo dãy số thời gian, phân tích mô hình nhân tố khám phá, hướng dẫn lập bảng SUT... Từ năm 2017, Tổng cục trưởng đã thành lập Tổ Phân tích và Dự báo thống kê của Tổng cục. Công tác phân tích và dự báo cũng đã chính thức được quy định là nhiệm vụ thường xuyên, được giao điểm thi đua thực hiện các chuyên đề, báo cáo phân tích, dự báo cho các đơn vị thuộc Tổng cục và các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phân tích và dự báo thống kê thời gian qua còn nhiều hạn chế, bất cập, thể hiện trên các mặt sau:

- Hoạt động phân tích và dự báo thống kê mặc dù được tiến hành thường xuyên theo định kỳ hàng năm nhưng số lượng các sản phẩm phân tích, dự báo còn ít; một số phân tích, dự báo chỉ thực hiện khi có yêu cầu của Lãnh đạo Tổng cục hoặc của Chính phủ. Riêng công tác dự báo chưa được thực hiện thường xuyên, mới chỉ ước tính, dự báo ngắn hạn đối với một số chỉ tiêu thống kê, chưa áp dụng phương pháp dự báo chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Nội dung một số các sản phẩm phân tích và dự báo còn nặng về mô tả, thuyết minh số liệu hoặc chỉ có những nhận xét định tính chung chung, thiếu đánh giá, nhận định cụ thể thông qua số liệu thống kê; thiếu lượng hóa tác động của các chỉ tiêu nguyên nhân lên chỉ tiêu kết quả. Trong khi các phương pháp phân tích khác hiệu quả hơn, phong phú hơn như sử dụng các mô hình hồi quy, phân tích đa nhân tố, bảng IO, bảng SUT ít được sử dụng.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong phân tích và dự báo thống kê còn hạn chế. Mặc dù công cụ chuyên dùng cho phân tích và dự báo kinh tế - xã hội đã được xác định là bảng SUT, bảng IO và mô hình dự báo thực hiện trên phần mềm STATA nhưng người làm công tác dự báo vẫn chưa nắm vững các công cụ và phần mềm này… Bên cạnh đó, cơ sở dữ liệu vĩ mô và vi mô về tình hình kinh tế - xã hội chưa được xây dựng để phục vụ sử dụng chung trong phân tích và dự báo.

- Năng lực và nhân lực làm công tác phân tích và dự báo thống kê còn hạn chế. Phần lớn các Vụ thống kê chuyên ngành và Cục Thống kê tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương chưa bố trí công chức chuyên trách thực hiện hoạt động phân tích và dự báo. Công tác đào tạo, bồi dưỡng về phân tích và dự báo chưa quan tâm thường xuyên, việc ứng dụng sau các khóa học chưa được đẩy mạnh.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, trong đó có các nguyên nhân chính sau:

- *Thứ nhất,* lãnh đạo một số đơn vị thuộc Tổng cục và Cục Thống kê chưa quan tâm đầy đủ tới công tác phân tích và dự báo. Chưa có biện pháp tích cực và hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng báo cáo kinh tế - xã hội hàng tháng, báo cáo phân tích của ngành, lĩnh vực và các chuyên đề phân tích chuyên sâu; việc bố trí, đào tạo đội ngũ công chức làm phân tích và dự báo tại đơn vị còn chưa phù hợp, vẫn còn mang tính kiêm nhiệm, không phải là công việc chính của người thực hiện công việc phân tích và dự báo thống kê, do vậy chưa đầu tư nhiều thời gian, công sức, kỹ năng cho hoạt động này.

- *Thứ hai,* trình độ của người làm công tác phân tích và dự báo thống kê còn hạn chế, một số người chưa được đào tạo bài bản, thiếu kinh nghiệm trong việc xử lý phân tích và dự báo nên ảnh hưởng đến chất lượng của phân tích và dự báo thống kê. Tính chủ động, sáng tạo của người viết phân tích thống kê chuyên ngành và phân tích thống kê tổng hợp còn chưa cao, thiếu sự chuẩn bị nên thông tin thu thập được của một số ngành, lĩnh vực còn sơ sài, không đáp ứng được yêu cầu phân tích, đánh giá sâu. Trong một số trường hợp, do chưa chủ động trong nghiệp vụ để lường trước những vấn đề nảy sinh trong việc xử lý mâu thuẫn, bất cập của số liệu, dẫn đến chất lượng thông tin hạn chế, thiếu tính logic.

- *Thứ ba*, hoạt động phân tích và dự báo thống kê phải sử dụng đến các công cụ, phần mềm thống kê để thực hiện. Tuy nhiên hiện nay, năng lực sử dụng các công cụ, phần mềm của người viết phân tích và dự báo vẫn còn nhiều tồn tại, chưa nắm vững và chưa thực hành thường xuyên để có thể ứng dụng thành thạo vào các báo cáo, chuyên đề phân tích.

- *Thứ tư,* số liệu từ các cuộc điều tra, khảo sát còn nhiều bất cập; đặc biệt là số liệu của một số Cục Thống kê chưa phản ánh đúng thực chất quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nên kết quả phân tích, dự báo sau khi chạy ra từ các mô hình phân tích thiếu logic, không có ý nghĩa… từ đó ảnh hưởng đến đến chất lượng của hoạt động phân tích và dự báo.

- *Thứ năm,* việc phối hợp, chia sẻ thông tin, số liệu phục vụ công tác phân tích và dự báo thống kê giữa các đơn vị, đặc biệt là chia sẻ dữ liệu vi mô từ các cuộc điều tra chưa sẵn sàng, chặt chẽ và hiệu quả, nhất là các dữ liệu vi mô thu thập từ các cuộc điều tra, tổng điều tra do ngành Thống kê thực hiện.

III. Một số nhiệm vụ trọng tâm nâng cao chất lượng phân tích và dự báo thống kê

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và nâng cao hiệu quả của công tác phân tích, dự báo thống kê trong thời gian tới, các đơn vị thuộc Tổng cục và các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

(1) Tổ Phân tích và Dự báo thống kê xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phân tích và dự báo cho giai đoạn 2020-2025, trong đó có kế hoạch đào tạo cụ thể về công tác phân tích cho các đơn vị thuộc Tổng cục, các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(2) Thủ trưởng các đơn vị phải xác định công tác phân tích và dự báo thống kê là một trong những nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của ngành Thống kê ở cả Trung ương và địa phương. Hoạt động phân tích và dự báo cần được đẩy mạnh theo hướng đa dạng hoá và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm phân tích và dự báo thống kê. Đưa nhiệm vụ phân tích và dự báo vào kế hoạch hàng năm của các đơn vị thuộc Tổng cục và các Cục Thống kê.

(3) Tiếp tục nâng cao chất lượng Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, năm. Đây được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành Thống kê trong năm tới, nhất là trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn diễn biến phức tạp. Trên cơ sở số liệu thống kê, các đơn vị thuộc Tổng cục và các Cục Thống kê cấp tỉnh cần theo dõi sát diễn biến tình hình thế giới và trong nước, nắm bắt đầy đủ, kịp thời những vấn đề mới phát sinh mang tính thời sự, nổi cộm được xã hội quan tâm, phân tích, đánh giá chính xác các nguyên nhân tác động, từ đó đưa ra dự báo ngắn hạn, kiến nghị các giải pháp phục vụ Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền địa phương trong chỉ đạo, điều hành nền kinh tế - xã hội.

(4) Tăng cường thực hiện các báo cáo phân tích tổng hợp tình hình kinh tế - xã hội hàng năm, nhiều năm (3 năm, 5 năm, 10 năm), báo cáo phân tích chuyên sâu về các ngành, lĩnh vực; làm tốt các báo cáo phân tích kết quả điều tra thống kê và các chuyên đề phân tích chuyên sâu trên cơ sở thông tin thu thập từ chế độ báo cáo thống kê, dữ liệu hồ sơ hành chính và số liệu thu thập được từ các cuộc Tổng điều tra, điều tra thống kê. Hàng năm, mỗi Vụ nghiệp vụ và Cục Thống kê thực hiện ít nhất 2 chuyên đề/báo cáo phân tích và dự báo thống kê dài hạn hoặc chuyên sâu.

(5) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phân tích và dự báo của các đơn vị thuộc Tổng cục và các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức kinh tế vĩ mô, mô hình, công cụ, kỹ năng sử dụng phần mềm cho phân tích và dự báo. Đào tạo kỹ thuật sử dụng bảng cân đối liên ngành (bảng I/O), bảng nguồn và sử dụng (SUT) để phân tích và dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, đánh giá tác động chính sách (chính sách thuế, giá, tiền lương…). Hướng dẫn tính toán và phân tích một số chỉ tiêu tổng hợp quan trọng như: Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP); Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR); Năng suất lao động... Chú trọng công tác tự đào tạo trong Tổng cục Thống kê về các phần mềm phân tích, mô hình phân tích, phương pháp phân tích số liệu.

(6) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động phân tích và dự báo thống kê. Ứng dụng đồ họa hình ảnh (infographics) trong các chuyên đề/báo cáo phân tích và dự báo. Tăng cường sử dụng công cụ, mô hình dự báo và các phương pháp phân tích, dự báo tiên tiến vào hoạt động phân tích, dự báo thống kê.

(7) Xây dựng cơ sở dữ liệu vi mô và vĩ mô thống nhất về thực trạng kinh tế - xã hội của toàn bộ nền kinh tế, bảo đảm các cơ sở dữ liệu đầy đủ và kịp thời cập nhật những thông tin, dữ liệu cần thiết để phục vụ cho công tác phân tích và dự báo. Đây được coi là tiền đề quan trọng nhất cho công tác phân tích và dự báo thống kê.

(8) Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có năng lực tốt về phân tích và dự báo thống kê, góp phần nâng cao năng lực phân tích và dự báo của ngành Thống kê. Khảo sát, học tập kinh nghiệm cơ quan thống kê một số nước về phân tích và dự báo thống kê.

(9) Thủ trưởng các đơn vị cần bố trí nhân lực làm công tác phân tích và dự báo một cách hiệu quả, đồng thời động viên, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho công chức phát huy hết khả năng trong công tác phân tích và dự báo thống kê. Có hình thức động viên, khen thưởng cho các đơn vị và cá nhân thực hiện tốt công tác phân tích và dự báo, đồng thời có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ được giao về phân tích và dự báo thống kê./.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ